

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

MAIN/UC-B



Pam

HX

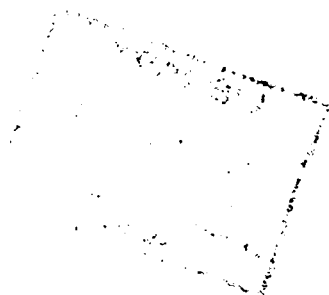
9

V5 H63

1978:12

12

12.1978



Xá luận

Cần kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới

TÌNH hình mới hiện nay đang đòi hỏi: phải động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và đánh phá nước ta; giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía Tây - Nam, tăng cường phòng thủ đất nước, sẵn sàng chiến đấu đánh bại chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn. Chúng ta phải tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của bọn phản động quốc tế, làm tốt nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta, góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc ở Đông - Nam châu Á và trên thế giới.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử nói trên, chúng ta phải gấp rút kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, làm cho bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta ở khắp các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở đủ sức tổ chức thực hiện

tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới.

Việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc phải nhằm vào mục đích: tăng năng suất lao động, bảo đảm chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng ở miền Nam; kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội lên một bước mới, đánh bại mọi mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc.

Do mục đích rộng lớn và nhiều mặt đó, việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc phải được tiến hành một cách cơ bản và toàn diện trong toàn bộ máy của hệ thống chuyên chính vô sản. Nghĩa là phải được tiến hành ở tất cả các cấp của cơ cấu tổ chức: sở, địa phương, trung ương; ở tất cả các bộ phận của chuyên chính vô sản: Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; ở tất cả các mặt của vấn đề tổ chức: bộ máy, chế độ làm việc và cán bộ.

Công tác tổ chức là một công tác có tầm quan trọng đặc biệt, vì nó quyết định sự thành bại của bản thân đường lối chính trị của Đảng, quyết định kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng của dân tộc. Hơn nữa công tác tổ chức là một vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, đúng như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Nói đến tổ chức trong hoạt động xã hội của chúng ta, là nói đến mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa các bộ phận của một chính thể, là hệ thống lãnh đạo và quản lý các mặt, các ngành, hệ thống các hình thức và biện pháp thực hiện các quyết định kể từ khi vạch kế hoạch tiến hành cho đến bước kiểm tra cuối cùng kết quả sự thực hiện » (1).

Để làm tốt việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, cần đổi mới sâu sắc quan điểm xây dựng tổ chức, đổi mới cách chỉ đạo cho phù hợp với giai đoạn mới của cách mạng. Đặc biệt là phải đặt toàn bộ công tác tổ chức trên một cơ sở khoa học.

Trong chủ nghĩa xã hội, tổ chức, với tư cách là một khoa học và nghệ thuật, có nhiệm vụ vận dụng đúng đắn nhất những quy luật phát triển khách quan của xã hội, những quy luật kinh tế, quy luật của sự phân công lao động và hợp tác xã hội chủ nghĩa, để xây dựng cơ cấu tối ưu cho nền kinh tế quốc dân và xây dựng những quan hệ tối ưu giữa các lĩnh vực hoạt động khác nhau trong nền

(1) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 28.

kinh tế quốc dân và trọng toàn xã hội; hơn nữa nó phải nắm vững động thái của sự phát triển để tổ chức tốt nhất quá trình phát triển của xã hội và lãnh đạo các lĩnh vực hoạt động của xã hội phát triển một cách đồng bộ, theo đúng đường lối cách mạng mà Đảng đã đề ra.

Công tác tổ chức của Đảng phải bảo đảm phát huy đến mức cao nhất mọi tiềm lực của xã hội và tài năng sáng tạo của nhân dân để đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất và chiến đấu, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những căn cứ khách quan mà Đảng dựa vào để làm công tác tổ chức là: đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa nói riêng, và nhiệm vụ chính trị trước mắt; những quy luật phát triển khách quan của xã hội và những quy luật kinh tế; những quy luật và nguyên tắc của bản thân tổ chức. Có nắm vững những căn cứ khách quan nói trên, chúng ta mới có thể làm tốt công tác tổ chức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kiến toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc mà Đảng đã đề ra.

Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Tổ chức có những quy luật nhất định của nó. Tổ chức là để bảo đảm đường lối và các nhiệm vụ chính trị. Tổ chức, vì vậy, phải thích ứng với đường lối chính trị, đáp ứng đúng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tổ chức còn phải thích ứng với đối tượng được tổ chức và với đối tượng mà tổ chức nhằm tác động. Mỗi lĩnh vực khác nhau đòi hỏi tổ chức cũng phải khác nhau... Từng thời kỳ khác nhau, tổ chức cũng phải khác nhau, tùy theo trình độ và mức độ phát triển của đối tượng...» (2).

Không tôn trọng những quy luật và nguyên tắc của tổ chức, thì không tránh khỏi những vấp vấp, sai lầm, khiến cho bộ máy tổ chức sinh ra cồng kềnh, kém hiệu lực. Sở dĩ bộ máy kinh tế của chúng ta hiện nay vừa có tình trạng tập trung quan liêu, vừa có tình trạng phân tán, lỏng lẻo kỷ luật, một nguyên nhân quan trọng là do chúng ta chưa hoàn toàn xuất phát từ công việc, từ yêu cầu kinh tế - kỹ thuật mà đặt tổ chức và bố trí cán bộ. Bởi vậy việc tôn trọng những quy luật và nguyên tắc của tổ chức là cực kỳ quan trọng để xây dựng một bộ máy tổ chức mạnh mẽ và có hiệu lực.

Trong công tác kiến toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, cần quán triệt từ trên xuống dưới quan điểm cơ bản của chế độ ta là «Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý», thì hành đúng nguyên tắc «tập trung dân chủ», «tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách» trong Đảng và Ban chấp hành các đoàn thể

(2) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 40 - 41.

quản chung, thực hiện tốt chế độ «thủ trưởng» trong các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức kinh tế; bảo đảm sự lãnh đạo và quản lý toàn diện các lĩnh vực hoạt động của xã hội; thực hiện thống nhất lãnh đạo và quản lý cả nước.

Phải đề cao kỷ luật và trách nhiệm của từng tập thể và từng cá nhân; thực hiện nghiêm túc chức trách của từng tổ chức và từng người. Đi sát thực tế, chống quan liêu; coi trọng năng cao trình độ nhận thức và vận dụng các quy luật, nhất là các quy luật kinh tế và quy luật chiến tranh. Đôn đốc toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý đề chỉ đạo và giúp đỡ các cơ sở. Xây dựng bộ máy tổ chức của chúng ta có hiệu lực mạnh và hiệu quả cao, bảo đảm thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.



CÔNG tác kiện toàn tổ chức phải được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội, song phải rất coi trọng ba lĩnh vực quan trọng là kinh tế, quốc phòng và an ninh, đối ngoại.

Trước hết, phải đặc biệt coi trọng lĩnh vực kinh tế là lĩnh vực quan trọng nhất, đồng thời cũng là chỗ yếu kém nhất và khó khăn nhất của chúng ta hiện nay. Trong lĩnh vực này, việc kiện toàn bộ máy quản lý phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế mới và yêu cầu của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế mới mà chúng ta đang xây dựng là cơ cấu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong đó sự phân công và hiệp tác ngày càng phát triển và mở rộng. Chế độ quản lý kinh tế của chúng ta phải là chế độ quản lý theo phương thức xã hội chủ nghĩa, có tính tới những đặc điểm cụ thể của nền kinh tế nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tách rời những yêu cầu nói trên, thì công tác kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế không thể thu được kết quả mong muốn.

Quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới là quá trình tiến hành công nghiệp hóa, xã hội chủ nghĩa, phát triển tổng hợp cả nông nghiệp lẫn công nghiệp, kết hợp thủ công với hiện đại; là quá trình tổ chức và phân công lại lao động xã hội, quá trình hình thành các ngành kinh tế – kỹ thuật thống nhất cả nước, các vùng kinh tế địa phương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy luật phát triển khách quan của sản xuất và tái sản xuất, đáp ứng yêu cầu của chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm xây dựng một cơ cấu kinh tế của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như đã nói trên, cơ cấu này bao gồm cả các ngành kinh tế – kỹ thuật lẫn các vùng kinh

tế địa phương và các cơ sở sản xuất, chúng ta tất yếu phải kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế ở các cấp, từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Các cơ sở sản xuất và kinh doanh là những tế bào của nền kinh tế quốc dân, là nơi tiến hành ba cuộc cách mạng, là nơi trực tiếp làm ra của cải vật chất, là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Muốn sản xuất và kinh doanh có lãi, đáp ứng được lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của từng người lao động, các cơ sở sản xuất và kinh doanh phải thực hiện cho được chế độ hạch toán kinh tế. Trên cơ sở bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, các cơ sở có quyền đặt quan hệ kinh tế trực tiếp với các đơn vị kinh tế khác, với các viện nghiên cứu và trường học để giải quyết thuận lợi các vấn đề về phân công và hiệp tác sản xuất, về cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, vận chuyển hàng hóa, về đào tạo công nhân và nghiên cứu, áp dụng khoa học – kỹ thuật.

Chúng ta biết rằng, tổ chức một cơ sở như thế nào là do đặc điểm sản xuất và kỹ thuật của từng ngành quyết định. Việc tổ chức cơ sở trong công nghiệp phải khác với trong nông nghiệp và thương nghiệp v.v. và ngay trong mỗi ngành lớn nói trên việc tổ chức cơ sở của các ngành cụ thể khác nhau cũng không thể giống nhau.

Các xí nghiệp quốc doanh phải ra sức tổ chức lại sản xuất, quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, tiền vốn theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế – kỹ thuật liên bộ, nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng thêm số lượng và nâng cao chất lượng mặt hàng, đồng thời phải có phương hướng tăng cường trang bị kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, phát triển kinh doanh vì lợi ích của toàn xã hội và của bản thân người lao động.

Các hợp tác xã nông nghiệp phải cùng với các đơn vị kinh tế khác trên địa bàn huyện hình thành một cơ cấu thống nhất, tổ chức lại sản xuất và lao động nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, phát triển cân đối trồng trọt với chăn nuôi, tích cực mở mang ngành nghề.

Các đơn vị cung ứng vật tư và cửa hàng thương nghiệp phải ra sức cải tiến tổ chức, phương thức và thái độ kinh doanh, vươn lên xứng đáng là hậu cần đắc lực của sản xuất và nội trợ tốt của toàn dân.

Để giúp cho cơ sở củng cố tổ chức và hoạt động có hiệu quả, các ngành và các địa phương chủ quản phải tăng cường chỉ đạo các cơ sở của mình, tạo điều kiện cho cơ sở thực hiện tốt chế độ hạch toán kinh tế, kiện toàn bộ máy quản lý xí nghiệp, đào tạo các cán bộ quản lý và kỹ thuật cho cơ sở, phần đầu cung cấp đầy đủ năng lượng, vật

tư, phụ tùng để cho cơ sở tiến hành sản xuất liên tục và đều đặn. Đồng thời, phải tổ chức lại các mối quan hệ giữa các cấp trên với nhau và giữa cấp trên với cơ sở để bảo đảm cho hoạt động của cơ sở được thuận lợi.

Trong quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, các địa phương (tỉnh, huyện) có vai trò chiến lược quan trọng. Địa phương là nơi thực hiện việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, bảo đảm nhu cầu của nhân dân và làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước. Địa phương cũng là nơi thực hiện sự phân phối theo phương thức xã hội chủ nghĩa, là đơn vị tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Địa phương còn là nơi phát triển tổng hợp cả kinh tế, văn hóa, đời sống và quốc phòng. Vì vậy, chúng ta phải hết sức coi trọng việc xây dựng địa phương, kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý ở các địa phương sao cho nó có hiệu lực mạnh và hiệu quả cao.

Phải xây dựng các huyện từng bước thành các đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, các địa bàn vững chắc về quốc phòng và an ninh. Trước hết tập trung xây dựng các huyện trọng điểm về kinh tế và quốc phòng. Gấp rút tăng cường cán bộ để kiện toàn bộ máy cấp huyện. Cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện theo hướng bám sát cơ sở, giải quyết nhanh chóng công việc của cơ sở, tập trung sức đưa cơ sở tiến lên đồng đều; nâng cao nhanh chóng năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa; chỉ huy tốt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự an ninh.

Phải xây dựng các tỉnh và thành phố để nó đảm đương được trách nhiệm rất lớn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đối với việc xây dựng và quản lý cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp tỉnh, đối với việc xây dựng các huyện thành những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, đối với các xí nghiệp trung ương trong tỉnh, thành, và đối với việc bảo đảm đời sống của dân cư trong tỉnh. Vì mục đích ấy, cần khẩn trương phân cấp quản lý kinh tế cho cấp tỉnh, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm về kế hoạch cho cấp tỉnh. Trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước và làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước, các tỉnh, thành có quyền chủ động mở rộng sản xuất kinh doanh, kể cả kinh doanh xuất khẩu, giao dịch với các địa phương khác về hợp tác sản xuất, về trao đổi sản phẩm. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trong tình hình mới, nhất là về các mặt kinh tế và quốc phòng, cần cải tiến công tác lãnh đạo và quản lý, kiện toàn tổ chức cấp tỉnh, thành, sao cho gọn, nhẹ và có hiệu lực.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật có tác dụng quyết định đối với việc xây dựng nền sản xuất lớn hiện đại của nước ta. Vì vậy, trong quá

trình phát triển kinh tế, chúng ta phải luôn luôn nắm vững nhiệm vụ xây dựng và phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật, coi đó là một nhiệm vụ chiến lược trước mắt và lâu dài.

Đề phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật ngày càng lớn mạnh, các cơ quan quản lý ngành (bộ, tổng cục) phải làm tốt những nhiệm vụ cơ bản của mình là: xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn về phát triển ngành và xây dựng, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hằng năm; thực hiện chuyên môn hóa và hiệp tác trong nội bộ ngành và giữa ngành này với ngành khác; xác định phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật, có kế hoạch đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật cho ngành; xây dựng kế hoạch và chính sách vật tư cho ngành; cùng với chính phủ, xây dựng chính sách, chế độ quản lý cho ngành.

Trước mắt, các cơ quan quản lý ngành phải tăng cường quản lý toàn ngành về các mặt hành chính - kinh tế và kỹ thuật, đồng thời trực tiếp chỉ đạo các đơn vị kinh doanh trực thuộc bộ. Phải khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành trong cả nước, tạo ra cơ cấu kinh tế mới của ngành, tùy điều kiện mà lập nhóm sản phẩm, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty và giao cho các tổ chức kinh tế ấy chức năng trực tiếp tổ chức sản xuất và kinh doanh. Theo hướng đó mà **sửa đổi mạnh cơ cấu tổ chức của bộ**. Tất cả các bộ phải gấp rút chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ bộ máy, đổi mới cách làm việc, tăng cường quản lý toàn ngành trong cả nước, đề làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong tình hình mới.

Các bộ tổng hợp phải nâng cao chất lượng nghiên cứu chính sách, xóa bỏ những thủ tục, chế độ không thích hợp, gây trở ngại cho hoạt động của các ngành, các địa phương và cơ sở.

Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa bộ và chính quyền địa phương. Các bộ trưởng phải trực tiếp nắm và chỉ đạo kịp thời công việc của bộ ở các tỉnh miền Nam, các địa phương xung yếu, các vùng có chiến sự.

Đề giúp cho Trung ương Đảng nâng cao chất lượng lãnh đạo, cần **chấn chỉnh gấp tổ chức của các ban** theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu và kiểm tra, bộ máy gọn, nhẹ, hoạt động có hiệu quả lớn.

Trên lĩnh vực an ninh và quốc phòng, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm các lực lượng vũ trang và an ninh luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược và hoạt động phản cách mạng.

Tất cả các xã trong cả nước phải khẩn trương xây dựng và nắm vững lực lượng dân quân du kích, chỉ đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tuyên truyền đúng chính sách, đúng tiêu chuẩn, bảo đảm chất lượng và chấp hành tốt các chính sách hậu phương.

Các huyện đều phải coi trọng lãnh đạo các mặt quốc phòng và an ninh.

Các cấp ủy tỉnh, thành phải nắm chắc công tác quân sự, trị an, xây dựng quốc phòng toàn dân, tăng cường bảo vệ an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, sản xuất với chiến đấu và phục vụ chiến đấu, thống nhất lãnh đạo hoạt động của mọi lực lượng vũ trang và an ninh trên địa bàn địa phương.

Về đối ngoại, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm tăng cường công tác quốc tế của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại của Đảng trong tình hình mới.

Cùng với việc cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, cần củng cố các đoàn thể quần chúng, gấp rút đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể, từ trung ương đến cơ sở, khắc phục lối hoạt động hành chính, quan liêu, tách rời quần chúng, tách rời sản xuất, chiến đấu và đời sống xã hội. Phải gấp rút kiện toàn các Ban chấp hành, nhất là ở cấp huyện và cơ sở. Tinh giản bộ máy chuyên trách của các đoàn thể.



PHẢI cải tiến chế độ làm việc bằng cách: nắm chắc tình hình, cải tiến công tác thông tin; thực hiện nền nếp làm việc có chương trình, kế hoạch, làm đúng chức trách và chế độ công tác, làm việc thiết thực, khẩn trương; sát thực tế; cải tiến chế độ hội nghị và tổ chức thi hành nghị quyết; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Các mặt cải tiến nói trên, đều nhằm thực hiện đúng các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động, **xây dựng một chế độ làm việc cách mạng và khoa học**, đáp ứng yêu cầu cấp bách của tình hình và nhiệm vụ mới.

Phải kết hợp chặt chẽ tinh cách mạng và tinh khoa học trong toàn bộ việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của chúng ta. Không có tinh cách mạng thì những dự định về kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc dù khoa học đến mấy cũng chỉ dừng lại trên giấy mà không bao giờ thực hiện được. Nhưng nếu không có tinh khoa học trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về tổ chức và chế độ làm việc, thì dù có nhiệt tình cách mạng đến đâu cũng không thể đạt được mục đích mong muốn, có khi còn làm hỏng việc. Và lại cần nhận thức sâu sắc rằng, trong lý luận cũng như trong thực tiễn của những người cộng sản, hai tính chất cách mạng và khoa học gắn bó với nhau một cách hữu cơ. Đặc tính cơ bản của những người

cộng sản là: chẳng những nắm vững chủ nghĩa Mác – Lê-nin, khoa học về tổ chức và chế độ làm việc đúng đắn, mà còn quyết tâm thực hiện nó đến cùng, không bao giờ làm nửa vời, « quyết nhiều mà làm ít », càng không đánh trống bỏ dùi, quyết mà không làm. Thái độ tùy tiện trong việc thực hiện những quyết định tập thể của Đảng là hoàn toàn xa lạ với tinh cách của những người cộng sản, là những người luôn luôn có ý thức trách nhiệm cao trước lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Bởi vậy, theo những yêu cầu mới về kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, từng ngành, từng cấp, từng cơ quan, đơn vị phải xác định lại vị trí, chức trách, nhiệm vụ và các mối quan hệ công tác của ngành, địa phương, đơn vị mình. Trên cơ sở đó, kiên quyết sắp xếp lại tổ chức một cách khoa học, tinh giản bộ máy, giảm biên chế hành chính, đồng thời tăng cường cán bộ cho cấp dưới, nhất là huyện và cơ sở.

Phải nắm chặt lực lượng cán bộ đề bổ trí và sử dụng đúng, theo các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, về thái độ đối với đường lối, quan điểm của Đảng, kiên trì xây dựng quy hoạch cán bộ các loại, nhất là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế.

Phải tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nhất là các bệnh tư lợi, tham ô, quan liêu, cửa quyền, trù dập những người trung thực; lẩn tránh những nơi, những việc khó khăn. Nêu cao nếp sống cần cù, giản dị, trong sạch.

Phải làm trong sạch hàng ngũ của Đảng.

Phải đẩy lên trong cả nước, ở khắp các ngành và các địa phương, phong trào cách mạng sôi nổi và liên tục của đông đảo quần chúng, đầy mạnh sản xuất, tăng cường tiềm lực về mọi mặt, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Muốn vậy, phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Một mặt, phải giáo dục lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc chính đáng; mặt khác, phải kịp thời cải tiến tổ chức và quản lý của Nhà nước, bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết, nhất là thiết bị, vật tư, năng lượng, giải quyết thỏa đáng những yêu cầu tối thiểu trong đời sống, có chính sách khen thưởng, xử phạt kịp thời và nghiêm túc.

Bằng cách làm thật tốt việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, chúng ta sẽ tạo ra một chuyển biến cơ bản, một sức mạnh mới thúc đẩy cách mạng nước ta tiến lên mạnh mẽ, bảo đảm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta.

NÂNG CAO HIỆU LỰC CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

CHU - HUY - MÂN

TÌNH hình và nhiệm vụ hiện nay đòi hỏi công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang ta có chuyển biến mạnh mẽ về nhiều mặt. Chuyển biến về nhận thức và quan điểm đối với nhiệm vụ và nội dung của công tác Đảng, công tác chính trị. Chuyển biến về phương thức hoạt động và tác phong công tác của cán bộ chính trị và cơ quan chính trị. Chuyển biến trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị và xây dựng cơ quan chính trị.

Chúng ta phải chú trọng tổng kết kinh nghiệm, tìm ra cả ưu điểm và khuyết điểm, rút ra những bài học cần thiết về công tác Đảng, công tác chính trị trong thời gian qua để vận dụng vào tình hình mới. Đồng thời, chúng

ta phải chú ý khắc phục những nhận thức, tư tưởng không đúng, những hiện tượng chậm chạp, bảo thủ, không tiến kịp tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta, không bám sát thực tiễn chiến đấu và xây dựng hết sức sinh động và phong phú của các lực lượng vũ trang ta.

Như vậy công tác Đảng, công tác chính trị góp phần tích cực nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của các đơn vị trong toàn quân, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của các lực lượng vũ trang nhân dân.



1 — Quán triệt đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng trong tình hình mới.

Đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo, độc lập và tự chủ của Đảng ta là đường lối *kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Đường lối đó quyết định mục tiêu chiến đấu và bản chất cách mạng của các lực lượng vũ trang ta.

Đường lối cách mạng của Đảng phản ánh quy luật khách quan của thời đại ngày nay là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời; phản ánh chân lý vĩ đại mà Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã tìm ra: con đường cách mạng duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo đường lối đó trong các giai đoạn cách mạng khác nhau, đề ra một cách đúng đắn *nhệm vụ chiến lược* của cách mạng nước ta qua từng giai đoạn.

Công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân bao giờ cũng coi việc quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, quán triệt sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp của Đảng đối với quân đội cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm cho quân đội ta hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng mà Đảng giao cho, là *nhệm vụ cơ bản nhất, quyết định nhất*.

Ngày nay, quán triệt đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng là làm cho bộ đội *nhận thức thật sâu sắc, thật nghiêm túc nhệm vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong mọi*

tình huống; nhận rõ đối tượng chiến lược mới của cách mạng nước ta, kiên quyết chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược; nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ lập thể và tinh thần quốc tế vô sản; giải quyết đúng đắn các vấn đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm hoàn thành thắng lợi nhệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của các lực lượng vũ trang nhân dân, hoàn thành thắng lợi nhệm vụ chính trị cụ thể của đơn vị.

Đó chính là giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ *lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, phát huy bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân trong tình hình mới, làm cho mọi mặt công tác tư tưởng và tổ chức của quân đội luôn luôn đi đúng đường lối của Đảng.*

Lập trường, tư tưởng của quân đội ta là lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mang đầy đủ tính cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khác hẳn lập trường, tư tưởng của các giai cấp khác, kể cả giai cấp nông dân. Đảng ta đánh giá rất cao vai trò cách mạng to lớn của nông dân lao động nước ta, nhưng vai trò đó chỉ có thể được phát huy mạnh mẽ khi có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản Việt-nam. Lập trường đó không phải là trừu tượng, không phải bao giờ cũng mang những nội dung giống nhau mà rất cụ thể. Trên phương hướng cơ bản

và lâu dài là kiên trì trước sau như một mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lập trường đó có những nội dung và yêu cầu cụ thể khác nhau trong các giai đoạn cách mạng khác nhau. Lập trường đó không tách rời mà kết hợp nhuần nhuyễn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, mục tiêu độc lập dân tộc với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế.

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cả nước ta đã độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, thì *Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội đã thống nhất làm một*. Nhân dân lao động nước ta trở thành người chủ tập thể của đất nước, giai cấp công nhân nước ta trở thành người lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên *Tổ quốc Việt-nam thân yêu*. Vì vậy, bảo vệ và xây dựng *Tổ quốc* là bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đó là nhiệm vụ của dân tộc và cũng là nhiệm vụ của giai cấp công nhân, vì độc lập tự do của *Tổ quốc* và vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, theo đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới.

Các thế lực bành trướng và bá quyền nước lớn ở Bắc-kinh, trong mưu đồ thực hiện chiến lược quốc tế phản cách mạng của chúng, coi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là một trở ngại lớn đối với âm mưu bành trướng của chúng ở Đông - Nam châu Á. Chúng đã dùng bọn cầm quyền

phản động Nông-pênh gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam nước ta. Chúng đang cấu kết với chủ nghĩa đế quốc và được đế quốc Mỹ phối hợp, tiến hành một chính sách thù địch hòng làm suy yếu nước ta và buộc nhân dân ta phải thần phục chúng. Cùng với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, chúng đã trở thành một kẻ thù rất nguy hiểm của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam châu Á và trên thế giới.

Công tác Đảng, công tác chính trị cần làm cho bộ đội ta *thấy rõ bản chất xâm lược, phản động*, của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa đế quốc, kiên quyết đánh bại mọi mưu đồ xâm lược của chúng. Phải đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xa-ry, giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới tây nam. Phải sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu thắng lợi bảo vệ vững chắc *Tổ quốc* ta trong mọi tình huống, kể cả khi có chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Phải làm cho bộ đội hiểu rõ *đây là làm nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng và cũng là làm nghĩa vụ quốc tế cao cả*. Chúng ta bảo vệ *Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu* cũng là bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình ở khu vực này của thế giới; là bảo vệ sự nghiệp cách mạng của chính nhân dân các nước mà bọn cầm quyền

phản động và phản bội đang tiến hành những mưu đồ xâm lược đầy tội ác đối với nhân dân ta. Lực lượng vũ trang ta phải làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nhiệm vụ xây dựng kinh tế, cùng toàn dân chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh.

Hơn bao giờ hết, việc ra sức hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang hiện nay của các lực lượng vũ trang ta thể hiện một cách tập trung tinh thần quật cường bất khuất của dân tộc Việt-nam và sự kiên định lập trường giải cấp công nhân của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam.

Đề động viên và tổ chức toàn quân làm tròn những nhiệm vụ trọng đại ấy, công tác Đảng, công tác chính trị phải hết sức chú trọng bồi dưỡng lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ tập thể, nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân cho mọi cán bộ và chiến sĩ ta.

Lòng yêu nước và ý thức độc lập tự chủ là một giá trị tinh thần rất quý báu của dân tộc Việt-nam đã được hun đúc qua suốt bốn nghìn năm lịch sử. Ngày nay, lòng yêu nước và ý thức độc lập tự chủ ấy đã phát triển thành lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó là một sức mạnh tinh thần vô địch của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong kỷ nguyên mới của Tổ quốc.

Vì vậy phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ ta *tinh thần sẵn sàng hy sinh, xả thân vì Tổ quốc*, giữ vững lời thề son sắt của người chiến sĩ quân đội nhân dân. Phải làm cho toàn quân ta hiểu rằng *trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân là một*. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã từng dạy quân đội ta phải « trung với nước, hiếu với dân » (1); và khi Người nói quân đội ta phải « trung với Đảng, hiếu với dân » thì Người cũng chỉ rõ là phải « sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội » (2).

Rõ ràng Bác Hồ luôn luôn gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn Đảng với nước, với dân. Như vậy chúng ta không bao giờ được tách rời dân tộc với giai cấp, không được nhấn mạnh giác ngộ giai cấp một cách phiến diện mà coi nhẹ việc nêu cao tinh thần hy sinh vì nước. Khi đã trở thành người chủ đất nước thì phải có ý thức về quyền làm chủ và có trách nhiệm bảo vệ quyền làm chủ đó, bảo vệ từng gốc cây, ngọn cỏ, từng tấc đất, thước biển, khoáng trời, bảo vệ tài nguyên phong phú trên mặt đất, trong lòng đất, dưới đáy biển của Tổ quốc. Đó là tư tưởng làm chủ đất nước và cũng là lòng yêu nước. Không phải nhấn mạnh lòng yêu nước, nêu cao tinh thần hy sinh

(1) Thư gửi Trưong lục quân Trần-Quốc-Tuấn, 5-1918.

(2) Lời phát biểu trong buổi chiêu đãi mừng quân đội ta 20 tuổi

vì Tộc quốc là « rơi vào chủ nghĩa dân tộc », là « mất lập trường giai cấp » ! Phải làm sao cho toàn quân ta, cho mỗi cán bộ, chiến sĩ ta, trước quân thù, trước cái sống và cái chết, chỉ có một ý chí : *Quyết xả thân vì Tộc quốc !* Chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do » phải ăn sâu vào tư tưởng và tình cảm của mỗi người chúng ta ; phải là khẩu hiệu thúc toàn quân ta sẵn sàng xông lên đánh thắng mọi kẻ thù khi chúng xâm lược nước ta, phá hoại cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân ta. Đó cũng chính là nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân cho các lực lượng vũ trang ta.

Khi nói đến giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ ta, chúng ta phải nhấn mạnh sự giác ngộ về lý tưởng cao đẹp của người chiến sĩ quân đội nhân dân là độc lập tự do của Tộc quốc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta và trên toàn thế giới. Phải làm cho cán bộ, chiến sĩ ta có tình thương yêu cộng sản chủ nghĩa sâu sắc, sẵn sàng xả thân vì lý tưởng cao cả đó ; lý tưởng đó cũng là lợi ích cơ bản, lâu dài của dân tộc ta, của giai cấp công nhân nước ta, trong đó có lợi ích của mỗi người. Niềm tự hào chính đáng của cán bộ, chiến sĩ ta là được cống hiến, và được cống hiến nhiều nhất, được hiến thân cho lý tưởng cao đẹp của mình, được chết cho Tộc quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu và vì cả loài người tiến bộ, chứ không phải vì lợi ích nhỏ bé,

lầm thường nào. Sức mạnh tinh thần của lực lượng vũ trang ta là ở chỗ đó.

Lại cần làm cho mọi người hiểu rằng, giai cấp công nhân sẽ đi trở thành người lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng tiên phong của mình chính là vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, được trang bị bằng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, không phải như trước đây có người nghĩ là chỉ vì nghèo khổ, vì bị áp bức bóc lột. Dưới chế độ cũ, cùng với giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác ở nước ta nhất là nông dân lao động, bị áp bức bóc lột rất nặng nề, cho nên có tinh thần cách mạng rất cao. Nông dân lao động cùng với giai cấp công nhân hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng nước ta, đã một lòng đi theo Đảng suốt trong cách mạng dân tộc dân chủ và tiếp tục đi theo con đường của Đảng để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do địa vị của mình trong phương thức sản xuất của xã hội, nông dân lao động không bao giờ có thể lãnh đạo được cách mạng. Ngay bản thân giai cấp công nhân khi chưa có lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chưa có đảng tiên phong của mình thì cũng chỉ đi theo chủ nghĩa công đoàn, mới còn là giai cấp « tự mình » chứ chưa thành giai cấp « vì mình », chưa thể giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng được.

Cho nên, trong điều kiện phân lớn, cán bộ chiến sĩ ta xuất thân

từ những người sản xuất nhỏ, từ nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản khác, phải hết sức coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giáo dục đường lối cách mạng của Đảng cho họ, cũng như chú ý tăng cường thành phần công nhân vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chỉ huy của quân đội ta. *Giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ ta trước hết và chủ yếu là giáo dục đường lối cách mạng của Đảng, làm rõ vai trò của giai cấp công nhân, người đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất của xã hội loài người.* Vai trò cách mạng đó thể hiện cả trong cuộc đấu tranh để xóa bỏ trật tự xã hội cũ vừa qua và trong cuộc đấu tranh để xây dựng trật tự xã hội mới ngày nay, khi giai cấp công nhân từ người làm thuê trở thành người chủ xã hội. Đây là những vấn đề lý luận có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng cần làm sáng tỏ để mọi người quán triệt đường lối cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn mới, nếu không thì sẽ rơi vào những quan điểm tư tưởng sai lầm, lạc hậu.

Đi đôi với việc giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, cần ra sức bồi dưỡng tinh thần quốc tế vô sản cho các lực lượng vũ trang ta. Cách mạng nước ta là một bộ phận của cách mạng thế giới. Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta tất yếu phải kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản.

Trước đây, trong cuộc kháng

chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã giáo dục cho toàn quân nhận rõ kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông-dương và sự cần thiết phải có sự liên minh chiến đấu giữa cách mạng nước ta với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia, với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước trên thế giới. Chúng ta lại luôn luôn phân biệt để quốc Pháp và đế quốc Mỹ với nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Quân và dân ta đã hy sinh xương máu vì độc lập tự do của dân tộc mình và vì nghĩa vụ quốc tế cao cả trong mấy chục năm qua. Trong khi giúp bạn, chúng ta luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh kính mến: « giúp nước bạn tức là tự giúp mình ». Chúng ta coi sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế bao giờ cũng là sự ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta tha thiết với độc lập, tự do của dân tộc mình, đồng thời chân thành tôn trọng độc lập, tự do của các dân tộc khác, cùng các dân tộc khác đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung để sau ngày chiến thắng, mỗi dân tộc xây dựng đất nước mình theo con đường mà mình lựa chọn. Chúng ta kiên quyết phản đối mọi thái độ sô-vanh nước lớn đối với các nước nhỏ và cũng không tự ti dân tộc trước những nước lớn.

Ngày nay, trước những nhiệm vụ mới của cách mạng nước ta, cần giáo dục cho toàn quân nhận rõ trách nhiệm lớn lao đối với việc bảo vệ và phát triển tình hữu

ngệ và đoàn kết giữa nhân dân ta và nhân dân Lào, nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như giữa nhân dân ta và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kẻ cả nhân dân các nước mà bọn thống trị ở đó đang thi hành một chính sách thù địch đối với nước ta và phân bội lại ngay nhân dân nước chúng. Đó là lập trường chiến đấu không gì lay chuyển được của nhân dân và quân đội ta dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sáng ngời chính nghĩa và tất thắng của Đảng ta.

2 — *Quản trịệt đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam.*

Nói đến tư tưởng và tổ chức trong lực lượng vũ trang không thể không nói đến tư tưởng quân sự, tổ chức quân sự, chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật quân sự. Cho nên một nhiệm vụ rất cơ bản của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân là *quản trịệt đường lối, quan điểm và tư tưởng quân sự của Đảng, góp phần giải quyết các vấn đề khoa học và nghệ thuật quân sự.* Không nên nghĩ rằng đây chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quân sự, của cán bộ quân sự, là ngoài phạm vi của công tác Đảng, công tác chính trị. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy rằng « chính trị của bộ đội biểu hiện trong đánh giặc ». Công

tác tư tưởng và công tác tổ chức đi sâu vào quân sự chính là nhằm giải quyết thắng lợi nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang; cũng giống như công tác Đảng, công tác chính trị trong ngành kinh tế phải quán triệt đường lối kinh tế của Đảng, đi sâu góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể, đề tạo nên năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế lớn, và phải coi đó là nhiệm vụ chính trị lớn nhất của mình. Những hiện tượng « chính trị chung chung » hoặc « nghiệp vụ đơn thuần » của công tác Đảng, công tác chính trị ở một số đơn vị có một nguyên nhân quan trọng là do chưa nhận thức đúng và chưa làm đúng nhiệm vụ rất cơ bản này.

Cần nói thêm rằng đường lối quân sự là một bộ phận của đường lối chính trị; khoa học và nghệ thuật quân sự chịu sự chi phối sâu sắc của đường lối chính trị và đường lối quân sự. Cho nên phải nắm vững đường lối chính trị và đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng thì mới giải quyết đúng đắn các vấn đề khoa học và nghệ thuật quân sự. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ chứng tỏ đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, và cũng chứng tỏ khoa học quân sự Việt-nam là ưu việt. Chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng ở nước ta do vậy có nhiều nét rất độc đáo : phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, thực

hánh chiến lược tiến công bằng cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị trên cả ba vùng chiến lược... chứ không coi đấu tranh vũ trang là hình thức duy nhất, không thực hành chiến lược phòng ngự, lấy nông thôn bao vây thành thị... Nếu không làm rõ những sự sáng tạo trong đường lối quân sự và khoa học quân sự Việt-nam gắn liền với sự sáng tạo trong đường lối chính trị của Đảng thì sẽ dễ sa vào những quan điểm quân sự sai lầm, lạc hậu, không phù hợp với thực tiễn cách mạng và chiến tranh cách mạng ở nước ta.

Hiện nay, công tác Đảng, công tác chính trị quán triệt đường lối quân sự của Đảng, góp phần phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự là *quán triệt đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc*; làm cho bộ đội, trước hết là cán bộ *thấy rõ tính chất phản động, lạc hậu của đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của kẻ thù, những chỗ mạnh và chỗ yếu của đối tượng tác chiến mới, lực lượng so sánh mới giữa địch và ta và bối cảnh quốc tế mới*; từ đó *góp phần giải quyết các vấn đề xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở nước ta*.

Những nội dung nêu trên đây đặt ra nhiều vấn đề mới và cấp bách về tư tưởng, về tổ chức, về cách đánh... mà công tác Đảng,

công tác chính trị phải đi sâu nghiên cứu mới có thể làm công tác tư tưởng và công tác tổ chức một cách cụ thể, sát hợp, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, mới biết như thế nào là đánh chắc thắng, cái gì là đúng cần phát huy, cái gì là sai cần khắc phục, cái gì còn mắc mứu cần tiếp tục giải quyết.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta ngày nay có nhiều điểm khác với sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây. Nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta vừa xây dựng đất nước, vừa bảo vệ Tổ quốc; vừa xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, vừa tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây nam, và sẵn sàng chiến đấu, chủ động ứng phó với mọi tình huống. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có nhiều điểm khác với chiến tranh giải phóng dân tộc, cả về mục tiêu chiến lược, về lực lượng và phương pháp, về phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự. Cho nên một mặt phải phát huy những kinh nghiệm đã tổng kết của chiến tranh giải phóng; mặt khác, phải nghiên cứu giải quyết những vấn đề mới đặt ra của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Không thấy rõ những đặc điểm của tình hình hiện nay, không thấy hết những sự khác nhau giữa chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, thì công tác Đảng, công tác chính trị sẽ xa rời thực tiễn.

Trong công cuộc xây dựng và củng cố quốc phòng, chúng ta phải xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước: chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật...; phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên cơ sở nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ và hiện đại; phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng... Vì vậy, cần khắc phục những quan niệm không đúng như chỉ chú trọng quốc phòng, không chú trọng kinh tế hoặc ngược lại, không kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu với xây dựng kinh tế và xây dựng đất nước...

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ta phải bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; ta có thể và phải đánh mạnh ngay từ đầu, tiêu diệt lớn lực lượng di đầu của địch, ngay trên tuyến đầu của hệ thống phòng thủ, kiên quyết không cho địch đánh chiếm sâu vào nội địa; ta phải quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trong tự vệ, nắm vùng chiến lược làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ, kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh nhân dân bằng các binh đoàn chủ lực, tổ chức và thực hành tiến công một cách sáng tạo, kết hợp phản công và tiến công với phòng ngự, lấy tiến công và phản công làm chính... Vì vậy cần ngăn ngừa những biểu hiện không đúng

như: không kiên quyết tổ chức đánh tiêu diệt lớn quân địch ngay từ những trận đầu, trên tuyến đầu; không thấy hết sức mạnh mới của chiến tranh nhân dân ở địa phương; ngại phòng ngự, đánh được thì đánh, không đánh được thì cơ động đi nơi khác; tổ chức và thực hành phòng ngự thiếu kiên quyết, không tích cực tổ chức và thực hành phản công và tiến công, dẫn đến bị động; không nắm vững mục tiêu chiến lược của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giải quyết không đúng đắn mối quan hệ giữa tiêu diệt sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh của chúng với bảo vệ dân, bảo vệ đất, bảo vệ cơ sở và tiềm lực kinh tế của ta... Công tác tư tưởng phải làm rõ những vấn đề nói trên và giải quyết nhiều vấn đề khác nữa.

Công tác Đảng, công tác chính trị không nắm vững những vấn đề cơ bản về đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, thì khi xem xét và giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của bộ đội, sẽ hơi hợt qua loa, không phát hiện được những vấn đề quan trọng để làm chuyển biến tình hình đơn vị; hoặc sẽ phạm những sai lầm cụ thể trong thực tiễn, vận dụng kinh nghiệm cũ một cách máy móc, cái đáng biểu dương thì lại phê phán, cái cần khắc phục thì thúc đẩy làm tới, việc cần tránh thì lại khuyến khích, việc cần làm thì lại bỏ qua...

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải đề phòng và chuẩn bị đánh thắng chiến tranh xâm lược trên các quy mô khác nhau của mọi kẻ thù. Chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động ở Nông-pênh gây ra ở biên giới tây nam nước ta là một kiểu chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa bành trướng. Nó có những quy luật chung của mọi cuộc chiến tranh xâm lược, lại có những quy luật riêng của chiến tranh xâm lược của bọn phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhưng lại giương cờ «Mác — Lê-nin», giương cờ «chống xâm lược», «chống bá quyền»...

Vấn đề đặt ra cho công tác Đảng, công tác chính trị là phải góp phần đi sâu nghiên cứu những quy luật của kiểu chiến tranh xâm lược mới đó, vạch rõ bản chất phản động, phản bội của kẻ thù; làm cho bộ đội thấy rõ những chỗ mạnh mà những chỗ yếu rất cơ bản của đối tượng tác chiến, sức mạnh mới chưa từng có của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta; từ đó và không ngừng nâng cao tin tưởng và quyết tâm, tìm ra cách tổ chức lực lượng thích hợp, cách đánh sáng tạo để chiến thắng kẻ thù trong mọi tình huống.

Trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn những kẻ thù xâm lược hung bạo, đông quân, nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh

rất hiện đại, lại đã ở ngay trên đất ta. Chúng ta khá rõ vì chúng sẵn có cơ sở xã hội trong các giai cấp bóc lột và bọn phản động cùng bộ máy thống trị tay sai được xây dựng nhiều năm ở nước ta.. Cho nên, trong những điều kiện thuận lợi mới của cả nước đã được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, của tình hình thế giới rất thuận lợi ở thời kỳ «sau Việt-nam», nhân dân ta hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng có đông quân đến đâu, dù chúng ở gần hay ở xa ta, dù chúng là những tên phản bội tay sai đã hiều ta nhiều, dù chúng dùng mọi thủ đoạn tàn bạo và xảo quyệt.

Công tác tư tưởng phải đi sâu tìm hiểu thực chất nhận thức và tư tưởng của bộ đội đối với kẻ thù. Trên cơ sở đó mà làm cho bộ đội quán triệt những quan điểm của Đảng, khắc phục những nhận thức, quan điểm sai đối với đối tượng tác chiến, những sự đánh giá không đúng về chỗ mạnh, chỗ yếu, về lực lượng và khả năng của địch, và cả về chiến lược, chiến thuật cũng như các âm mưu, thủ đoạn quân sự, chính trị của chúng nữa.

Nhiệm vụ mới, đối tượng tác chiến mới, so sánh lực lượng mới... đương nhiên đòi hỏi quân và dân ta phải có tư tưởng chỉ đạo tác chiến phù hợp, có cách đánh mới. Công tác Đảng, công tác chính trị phải tích cực giải quyết những vấn đề mới đặt ra, góp phần phát triển khoa học và

nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay của ta là *chiến tranh của loạn dân*. Công tác Đảng, công tác chính trị cần biết động viên và tổ chức cán bộ và chiến sĩ trong cả ba thứ quân, trong các quân chủng và binh chủng, trong các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, trong các học viện, nhà trường... phát huy khả năng tiềm tàng, tham gia nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự, sáng tạo ra những cách đánh hay nhất, có hiệu lực nhất nhằm chiến thắng quân thù, hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, của từng đơn vị. Chính qua việc động viên và tổ chức cho bộ đội, cho cán bộ và cơ quan nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự mà công tác Đảng, công tác chính trị góp phần bổ sung vào nội dung huấn luyện, định ra phương án tác chiến, hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ và đem ra vận dụng trên chiến trường. Thông qua việc xem xét công tác huấn luyện quân sự, phương án phòng thủ và kế hoạch tác chiến, các tài liệu giảng dạy..., và thông qua thực tiễn chiến đấu, công tác Đảng, công tác chính trị mới có thể phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ ta; phát huy tính ưu việt của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam. Cũng qua đó, mới có thể phát hiện và đấu tranh khắc phục những khuynh hướng tư

tưởng sai của bộ đội như máy móc, kinh nghiệm chủ nghĩa... và những tác phong qua loa, đại khái, không sâu sát của cán bộ và cơ quan các cấp. Đó cũng chính là góp phần thiết thực phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

3— *Quản triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là một bộ phận trong đường lối quân sự của Đảng ta. Công tác Đảng, công tác chính trị phải quán triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang về mặt chính trị và tích cực thúc đẩy việc xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt.

Ngày nay, quán triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng là tích cực đưa quân đội ta từ một đội quân chủ yếu làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc phát triển thành một lực lượng vũ trang nhân dân có đủ sức mạnh để bảo vệ Tổ quốc; là nắm vững quan điểm về sức mạnh toàn diện để nâng cao chất lượng, phát huy sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ta trong tình hình mới; là quán triệt vấn đề làm chủ tập thể và ba cuộc cách mạng vào nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân chính quy và

hiện đại phù hợp với giai đoạn đấu tranh cách mạng hiện nay.

Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã đánh thắng oanh liệt bọn đế quốc xâm lược và đã trưởng thành vượt bậc qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Nhưng cán bộ, chiến sĩ ta phải thấy hết những yêu cầu mới rất cao, rất cấp bách hiện nay của cách mạng nước ta để ra sức phấn đấu xây dựng quân đội ta thành một đội quân có trình độ cách mạng, chính quy, hiện đại ngày càng cao, một đội quân của một Nhà nước xã hội chủ nghĩa có vị trí quan trọng ở Đông-Nam châu Á, được nhân dân thế giới yêu mến. Lực lượng vũ trang ta có những điểm mạnh rất cơ bản cần được phát huy đồng thời có những điểm yếu cần phải khắc phục. Mọi hiện tượng thỏa mãn, dừng lại đều là không đúng.

Công tác Đảng, công tác chính trị trước hết phải *không ngừng trau dồi và nâng cao bản chất cách mạng* của các lực lượng vũ trang ta.

Bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang ta là *bản chất của giai cấp công nhân*, không phải là bản chất công nông. Bản chất đó được xây dựng và không ngừng phát triển là do quán triệt sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng, cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức qua các thời kỳ.

Đi đôi với việc tăng cường giáo dục về đường lối chính trị, chúng ta phải quán triệt đường lối của

Đảng trong công tác tổ chức nhằm giải quyết đúng đắn các vấn đề về tiêu chuẩn lựa chọn và rèn luyện cán bộ. Cần nhận rõ rằng, đường lối của Đảng ta trong công tác tổ chức là *đường lối của giai cấp công nhân chứ không phải là đường lối của công nông*.

Trong việc xây dựng và rèn luyện bản chất cách mạng của quân đội ta, chúng ta cần nắm vững một cách hoàn chỉnh các mặt xây dựng và rèn luyện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, không tách rời các mặt đó với nhau, không chỉ nhấn mạnh một mặt nào. Phải thấy rằng rèn luyện bản chất cách mạng không chỉ là vấn đề chính trị — tư tưởng mà còn là vấn đề tổ chức nữa. Trong vấn đề tổ chức, không nên chỉ thấy thành phần xuất thân mà phải thấy tính chất trọng yếu của tiêu chuẩn lựa chọn và rèn luyện.

Lại phải thấy rõ mối quan hệ giữa xây dựng con người với xây dựng tổ chức mà xây dựng tổ chức là quyết định. Tổ chức quy định những yêu cầu cần phải có đối với con người và xây dựng nên những nguyên tắc gắn bó những con người với nhau trong tổ chức, để tạo nên một chất mới.

Do sự thống nhất biện chứng giữa tất cả những yếu tố chính trị, tư tưởng và tổ chức, giữa con người và tổ chức mà các lực lượng vũ trang ta xây dựng được bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa tập thể và

cá nhân, giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa quân đội với các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng và nhân dân các dân tộc.

Quân đội ta phải thật sự là một công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, phải là chỗ dựa vững chắc của nhân dân lao động Việt-nam để bảo vệ và xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Công tác Đảng, công tác chính trị cần luôn luôn chú ý giáo dục, làm cho cán bộ, chiến sĩ ta thật sự là những quân nhân ưu tú và những công dân kiêu mẫu, biết phát huy quyền làm chủ tập thể để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó; biết tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường đoàn kết quân đội với nhân dân, coi đó là nguồn gốc sức mạnh vô tận của quân đội; biết tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Không vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân; không làm trái pháp luật của Nhà nước; không vi phạm kỷ luật của quân đội. Như vậy mới có thể mãi mãi xứng đáng với danh hiệu cao quý và đẹp đẽ của người chiến sĩ quân đội nhân dân.

Công tác Đảng, công tác chính trị phải quán triệt quan điểm toàn diện về những yếu tố tạo thành sức mạnh của quân đội ta để tích cực góp phần nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của

các lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội ta được tạo nên bởi nhiều yếu tố, cả bản chất cách mạng và bản lĩnh quân sự, cả tư tưởng và tổ chức, cả con người và trang bị kỹ thuật, cả phẩm chất và năng lực của cán bộ, chiến sĩ. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy : « Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng, lại có hại ». Người lại dạy : « Riêng về các chú (tức cán bộ quân đội ta), chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc... Nếu thuộc lâu mà không biết đánh giặc thì vô dụng. Cho nên các chú phải học tư tưởng chiến lược, chiến thuật, học cách dạy bộ đội đánh giặc, học phương pháp chỉ huy chiến đấu, v.v. Tóm lại là học để nâng cao trình độ của người chỉ huy ». Đối với toàn quân ta, đối với từng đơn vị cũng như từng cán bộ, chiến sĩ, *làm tròn nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ chiến đấu, tức là làm tròn trách nhiệm chính trị cơ bản nhất của mình.*

Muốn như vậy thì nhất định phải có tinh thần quyết chiến quyết thắng, lại phải có bản lĩnh và tài năng, biết đánh, biết thắng; phải có ý chí thống nhất, lại phải có hành động thống nhất. Phải thông qua cả công tác tư tưởng và công tác tổ chức, kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức để làm cho muôn người hành động

thống nhất như một người, làm cho toàn đơn vị, toàn quân, toàn dân là một ý chí và chỉ một ý chí mà thôi. Từng người, từng đơn vị và toàn quân phải có phẩm chất chính trị cao, lại phải có năng lực hành động giỏi. Phẩm chất và năng lực đều rất quan trọng, không thể tách rời nhau, luôn luôn thống nhất với nhau làm một. Phẩm chất cơ bản nhất của cán bộ, chiến sĩ ta phải biểu hiện trong việc làm tròn nhiệm vụ được giao mà muốn làm tròn nhiệm vụ thì phải không ngừng nâng cao năng lực.

Vì vậy, công tác Đảng, công tác chính trị phải gắn liền chứ không được tách rời, việc xây dựng bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang với việc xây dựng về các mặt quân sự, hậu cần, kỹ thuật... Phải động viên bộ đội đi sâu học tập quân sự, rèn luyện bản lĩnh chiến đấu, nắm vững và làm chủ trang bị, vũ khí... để có thể đánh thắng mọi kẻ thù trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta ngày nay. Không sợ đi sâu vào quân sự là quân sự đơn thuần, coi nhẹ chính trị; không sợ chú trọng tổ chức là coi nhẹ tư tưởng; không sợ nhấn mạnh năng lực là coi nhẹ phẩm chất... Chính có đi sâu vào quân sự, vào tổ chức, vào năng lực hành động mới củng cố và phát huy được tư tưởng cách mạng và phẩm chất chính trị của mỗi người, hoàn thành được mọi nhiệm vụ chính trị mà Đảng giao cho. Có khi chỉ vì kém bản lĩnh

chiến đấu, thiếu tri thức quân sự, kém kiến thức khoa học mà sinh ra nhút nhát, trù trừ, do dự.

Công tác Đảng, công tác chính trị quán triệt đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng là phải *chú trọng xây dựng cả ba thứ quân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại và phát triển lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp ở cả thành thị và nông thôn, từ biên giới đến hải đảo.*

Xây dựng ba thứ quân là một quy luật về tổ chức quân sự của chiến tranh nhân dân ở nước ta. Trong nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trong thể trận của chiến lược làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ, vai trò của dân quân tự vệ cũng như của bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực đều rất quan trọng. Từng thứ quân phải được xây dựng phù hợp với những yêu cầu và khả năng mới của cách mạng nước ta. Dân quân tự vệ và bộ đội địa phương phải được phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, trên quy mô mới, với những khả năng mới, có sức mạnh chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nhân dân ở cơ sở và địa phương, gắn với việc xây dựng hệ thống làng chiến đấu, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược. Dân quân tự vệ phải là lực lượng xung kích trong sản xuất. Bộ đội địa phương phải tích cực tham gia xây dựng

kinh tế ở địa phương. Việc xây dựng bộ đội chủ lực phải có bước phát triển vượt bậc, có đủ các quân chủng, binh chủng cần thiết, có lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị hùng hậu, được trang bị tốt và được huấn luyện thành thục theo đúng nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển của ta, đủ sức làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

Đây không đơn thuần là những vấn đề về tổ chức mà trước hết là những vấn đề về quan điểm, tư tưởng. Phải quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, tư tưởng chiến lược tiến công trong tự vệ, chiến lược làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ... Từ đó mới nhận rõ yêu cầu của việc xây dựng ba thứ quân một cách đồng bộ, xây dựng cả lực lượng tại chỗ mạnh và lực lượng cơ động mạnh kết hợp chặt chẽ với nhau, đề phòng và khắc phục các hiện tượng coi nhẹ dân quân tự vệ, coi nhẹ bộ đội địa phương, không chú trọng đầy đủ các quân chủng, binh chủng kỹ thuật... Trên cơ sở đó mới có thể giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề về xây dựng các tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Đề góp phần xây dựng lực lượng vũ trang ta về mọi mặt, đẩy mạnh công cuộc chính quy hóa và hiện đại hóa quân đội nhân dân, công tác Đảng, công tác chính trị phải tiếp tục làm

cho các lực lượng vũ trang ta *quán triệt đường lối, quan điểm về vấn đề làm chủ tập thể và bu cuộc cách mạng.*

Làm chủ tập thể là một vấn đề rất cơ bản, rất sáng tạo trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. Trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang, phải bồi dưỡng ý thức làm chủ và năng lực làm chủ, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ ta, và dần dần *xây dựng, hoàn chỉnh một cơ chế làm chủ thật vững mạnh trong các lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với đặc điểm của tổ chức quân sự trong thời kỳ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.* Phải phấn đấu để không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo toàn diện của các tổ chức Đảng, phát huy hiệu lực chỉ huy và quản lý của thủ trưởng các cấp, tôn trọng và thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ. Phải đề cao kỷ luật sắt, tự giác và nghiêm minh của quân đội cách mạng — biểu hiện cao nhất của tinh thần làm chủ tập thể, như đồng chí Tổng bí thư của Đảng đã chỉ thị khi nói chuyện ở Học viện quân sự cao cấp đầu năm 1978.

Chúng ta phải phấn đấu tích cực đề từng bước thể chế hóa mọi hoạt động của quân đội, xây dựng hệ thống điều lệnh, điều lệ của quân đội ngày càng hoàn chỉnh. Công tác Đảng, công tác chính trị có trách nhiệm lớn trong việc xây dựng hệ thống điều lệnh, điều lệ đó, làm cho các điều lệnh,

điều lệ, chế độ, quy tắc của quân đội ta quán triệt đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng, phản ánh được bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang ta, và thể hiện được đúng đắn khoa học và nghệ thuật quân sự sáng tạo của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở nước ta.

Thực chất đây là nhiệm vụ quán triệt quan điểm làm chủ tập thể của Đảng vào quá trình xây dựng lực lượng chính quy hóa của quân đội nhân dân. Đó là một cuộc đấu tranh về tư tưởng, đề khắc phục mọi hiện tượng quan liêu, quân phiệt vi phạm quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ và các hiện tượng tự do vô kỷ luật. Đó cũng là một vấn đề tổ chức rộng lớn, công phu, tỉ mỉ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đề thực hiện ngày càng tốt hơn.

Cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt trong ba cuộc cách mạng ở nước ta hiện nay. Công tác Đảng, công tác chính trị phải quán triệt quan điểm của Đảng ta về cách mạng khoa học kỹ thuật và vận dụng vào những điều kiện cụ thể của quân đội nhằm phục vụ nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phục vụ nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có trình độ chính trị vững mạnh, lại có cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng phát triển không ngừng, là những vấn đề rất cơ bản đề nâng cao vượt

bậc sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta. Đây cũng là một công tác tổ chức rất rộng lớn, một nhiệm vụ rất nặng nề.

Phải đặc biệt chú trọng giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ ta có quyết tâm cao, có biện pháp tốt để nhanh chóng làm chủ được mọi trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại của quân đội ta, biết phát huy tốt và kết hợp khéo mọi trang bị kỹ thuật hiện đại, nửa hiện đại và thô sơ. Công tác Đảng, công tác chính trị cần có quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa chính trị và kỹ thuật trong quá trình lãnh đạo, động viên và tổ chức cho bộ đội đi sâu vào làm chủ khoa học kỹ thuật. Cần hiểu rằng làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự là để phục vụ đắc lực cho việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, quyết tâm và năng lực làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự thể hiện ý thức chính trị, lập trường tư tưởng và bản chất giai cấp công nhân của cán bộ, chiến sĩ ta. Không sợ coi trọng khoa học kỹ thuật là coi nhẹ yếu tố chính trị, yếu tố con người. Chính tăng cường trang bị kỹ thuật và làm cho cán bộ, chiến sĩ ta nắm vững được những tri thức về khoa học và kỹ thuật quân sự hiện đại là nâng cao tác dụng của con người, nâng cao ý chí và năng lực chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ; là góp phần quan trọng vào nhiệm vụ trí thức hóa quân chúng công nông đồng đảo mà Bác Hồ đã từng chỉ rõ.

Trong khi nhấn mạnh tăng cường trang bị kỹ thuật hiện đại, chúng ta luôn luôn đề cao tinh thần dũng cảm và trí thông minh sáng tạo trong chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ ta. Chúng ta phản đối tư tưởng ý lại vào vũ khí và phương tiện hiện đại, sử dụng hỏa lực một cách bừa bãi, coi nhẹ tinh năng động của con người, cũng như khuynh hướng thiên về số lượng, coi nhẹ chất lượng, không chú ý đầy đủ nâng cao trình độ tinh nhuệ của bộ đội, vô tình rơi vào các quan điểm quân sự phi vô sản. Chúng ta chủ trương kết hợp trang bị hiện đại với trang bị nửa hiện đại và trang bị thô sơ. Đó là phương châm đúng đắn để tận dụng được mọi thứ vũ khí có trong tay, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân đánh giặc để bảo vệ Tổ quốc.

Nắm vững sự thống nhất giữa *tinh cách mạng* và *tinh khoa học* trong quá trình tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật là một quan điểm rất cơ bản cần làm cho bộ đội ta quán triệt đầy đủ.

Công tác tư tưởng và văn hóa trong quân đội phải quán triệt đường lối *cách mạng tư tưởng và văn hóa của Đảng*. Phải vận dụng đúng đắn và cụ thể hóa nội dung của việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cho phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu và đặc điểm hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Hiện nay, cần chú trọng giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến

sĩ những phẩm chất tốt đẹp của *con người Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa trong quân đội* như: lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, khí phách anh hùng, tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc, tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản; ý thức kỷ luật tự giác nghiêm minh, ý chí quyết chiến quyết thắng, đức tính cần cù, sáng tạo, lao động quên mình, và tinh thần ham học, cầu tiến bộ, quyết tâm làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại.

Công tác tư tưởng và văn hóa trong quân đội phải đi sâu vào các vấn đề tư tưởng quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự, đi sâu vào cuộc sống chiến đấu và lao động phong phú của cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời chú trọng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức khoa học kỹ thuật nói chung, óc thẩm mỹ và nếp sống văn minh; bồi dưỡng những năng khiếu mới, những tài năng mới, hướng dẫn những thị hiếu lành mạnh cho thanh niên. Thanh niên trong quân đội phải nêu gương tốt cho thiếu niên, nhi đồng. Trong công tác tư tưởng và văn hóa, cũng như trong việc xây dựng con người mới, lại cần có sự phân biệt giữa cán bộ và chiến sĩ. Cán bộ cũng có nhiều cấp, nhiều loại khác nhau. Chiến sĩ có lớp cũ, lớp mới. Nội dung và biện pháp giáo dục cho từng đối tượng, từng loại, từng lớp phải cụ thể, sát hợp, thì mới đạt kết quả tốt.

Công tác Đảng, công tác chính

trị có chú trọng làm tốt những nhiệm vụ trên đây mới có thể làm cho quân đội ta thật sự trở thành *một trường học lớn* đào tạo các thế hệ thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa vừa chiến đấu giỏi vừa sản xuất tốt, mới làm cho toàn quân ta không ngừng vươn lên đáp ứng mọi yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng hiện nay.

4 — *Bám sát thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, sản xuất và xây dựng của bộ đội, kiên quyết cải tiến phương thức hoạt động và tác phong công tác.*

Bám sát thực tiễn, thâm nhập và tác động vào thực tiễn, làm cho thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, sản xuất và xây dựng của các lực lượng vũ trang ta quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, đó là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang ta hiện nay. Cũng chính qua thực tiễn hết sức sinh động và phong phú đó mà chúng ta có thể kiểm tra, đánh giá đúng đắn chất lượng và hiệu lực của công tác Đảng, công tác chính trị. Nơi nào, lúc nào, công tác Đảng, công tác chính trị xa rời thực tiễn của bộ đội thì sẽ rơi vào tình trạng chung chung, khô khan, thiếu sức sống.

Tính cách mạng và tính khoa học của công tác Đảng, công tác chính trị phải thể hiện ở chỗ biết xuất phát từ thực tế khách quan, phân tích cụ thể tình hình cụ thể, phát hiện mâu thuẫn, tích cực góp phần cùng với các mặt công

tác khác giải quyết mâu thuẫn, đưa quân đội ta tiến lên, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội là thực tiễn lớn nhất, bao trùm nhất. Thực tiễn đó rất khác với thực tiễn lao động sản xuất của công nhân, nông dân và những người lao động khác trên mặt trận xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa.

Mỗi thứ quân, mỗi quân chủng, binh chủng, mỗi đơn vị, cơ quan, nhà trường, học viện, xí nghiệp quốc phòng... có những nhiệm vụ cụ thể khác nhau. Vì thế, công tác Đảng, công tác chính trị ở từng đơn vị phải bám sát thực tiễn và phục vụ đắc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình, không thể chung chung được.

Công tác Đảng, công tác chính trị còn phải *gắn liền với tổ chức ngày càng phát triển của ba thứ quân.* Cho nên không thể chỉ bó hẹp phạm vi hoạt động ở lực lượng thường trực, ở các đơn vị bộ binh mà phải đi sâu vào các quân chủng và binh chủng, vào cả bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, vào các lực lượng chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng kinh tế, các xí nghiệp quốc phòng... Đối với từng lực lượng khác nhau, phải có nội dung và hình thức công tác khác nhau.

Thực tiễn rộng lớn của các lực lượng vũ trang bao quát nhiều mặt rất phong phú, song tất cả

các mặt đó đều được thực hiện ở đơn vị cơ sở. Đó là nơi quần chúng trực tiếp phát huy trí tuệ và tài năng, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ cụ thể của lực lượng vũ trang. Đó cũng là nơi thể hiện trực tiếp sự đúng đắn và sức mạnh của đường lối và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở mạnh thì binh đoàn mạnh; cơ sở chuyển biến gần liền với sự chuyển biến của cơ quan các cấp thì toàn quân chuyển biến. Cho nên, nói công tác Đảng, công tác chính trị phải bám sát thực tiễn là trước hết và chủ yếu phải bám sát cơ sở, đi sâu xuống cơ sở, bảo đảm cho cơ sở hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu, huấn luyện, sản xuất. Chiến đấu thì có hiệu suất cao, tiêu diệt nhiều địch, ta ít thương vong. Huấn luyện thì có chất lượng tốt, rèn luyện thật sự đề nâng cao bản lĩnh chiến đấu của bộ đội. Sản xuất thì có năng suất lao động cao, có hiệu quả kinh tế. Công tác thì có hiệu lực thiết thực... Qua đó, giúp đỡ đơn vị cơ sở xây dựng, củng cố chi bộ và các tổ chức quần chúng, chăm lo các mặt sinh hoạt tinh thần, vật chất của cán bộ, chiến sĩ...

Cũng như các mặt công tác khác, công tác Đảng, công tác chính trị phải có những hoạt động nghiệp vụ cần thiết và thông thạo. Nhưng cần tránh khuynh hướng nghiệp vụ đơn thuần, không nắm vững đường lối, xa rời thực tiễn, bằng lòng với những nội dung và nguyên tắc « không bao giờ thay

đổi », sai thì không sai, nhưng tác dụng rất hạn chế. Giải nghiệp vụ là rất quan trọng nhưng nghiệp vụ không phải là mục đích mà là phương tiện để quán triệt nội dung, tức là quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng nhằm mục đích hoàn thành tốt nhiệm vụ của quân đội. Quán triệt nội dung, lại thành thạo nghiệp vụ nữa, thì công tác Đảng, công tác chính trị sẽ có hiệu lực cao. Phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức, khéo kết hợp các phương tiện, các công cụ và các mặt hoạt động của công tác Đảng, công tác chính trị theo một phương hướng và kế hoạch thống nhất.

Công tác Đảng, công tác chính trị lại phải gần bó mật thiết với các mặt công tác tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, xây dựng kinh tế, cùng với các mặt công tác đó hiệp đồng chặt chẽ với nhau, tác động vào thực tiễn hoạt động của bộ đội. Phải chủ động phối hợp với các cơ quan dân, chính, Đảng để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả quân và dân, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội hoàn thành nhiệm vụ và góp phần xây dựng, phát triển phong trào cách mạng ở địa phương và trong cả nước.

Công tác Đảng, công tác chính trị bám sát thực tiễn không có nghĩa là đi theo sự phát triển của thực tiễn một cách bị động, mà phải tác động vào thực tiễn một cách chủ động để thúc đẩy thực tiễn tiến lên theo đường lối của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm

vụ của lực lượng vũ trang. Vì vậy, cần đặc biệt coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tiến hành tự phê bình và phê bình về các chủ trương công tác của đơn vị, qua đó, đề ra các chủ trương công tác mới sát hợp, thúc đẩy đơn vị không ngừng tiến lên.

5 — Xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị và cơ quan chính trị mạnh.

Tạo nên sự chuyển biến mạnh của công tác Đảng, công tác chính trị phải là trách nhiệm của đông đảo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong toàn quân mà trước hết là đội ngũ cán bộ chính trị và cơ quan chính trị các cấp. Cho nên, đi đôi với việc đào tạo đội ngũ cán bộ chỉ huy, cán bộ khoa học kỹ thuật cùng các cán bộ nghiệp vụ chuyên môn khác, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài, cần hết sức coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị, kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của cơ quan công tác chính trị các cấp từ trên xuống dưới, trong cả ba thứ quân, đồng thời phát huy vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ đối với mọi hoạt động công tác chính trị.

Trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng và nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, trong tình hình đội ngũ cán bộ của ta nói chung được rèn luyện, thử thách nhiều trong đấu tranh cách mạng, ý thức chính trị vững vàng nhưng trình độ còn bị hạn chế, thì một vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay là phải nâng cao hơn nữa trình

độ về mọi mặt của cán bộ chính trị, cả về chính trị quân sự, kinh tế, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn.

Cán bộ chính trị trước hết phải nắm vững đường lối, nhiệm vụ chính trị và đường lối, nhiệm vụ quân sự của Đảng. Như vậy, chúng ta mới làm cho các mặt công tác Đảng, công tác chính trị luôn luôn có nội dung phong phú, có sức sống mạnh mẽ, có hiệu quả thiết thực. Phải thấy rõ tính cách mạng và tính khoa học của đường lối và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đề rèn luyện phương pháp tư tưởng đúng đắn. Phải chú ý lắng nghe ý kiến quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, đi sâu đi sát thực tế, điều tra, nghiên cứu tình hình cụ thể. Như vậy mới có thể phân tích tình hình và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong bộ đội một cách tích cực, khách quan và khoa học. Như vậy mới không tùy tiện, đơn giản, vô tình rơi vào chủ nghĩa chủ quan, vào thuyết duy ý chí coi tư tưởng là tất cả, hoặc duy vật tầm thường cho rằng chỉ cần giải quyết tốt những vấn đề tổ chức và chính sách thì dầu sẽ vào đây hết.

Kinh nghiệm thực tế trong quân đội ta đã cho thấy có nhiều cán bộ chính trị, nhờ đã trải qua trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy bộ đội xây dựng và chiến đấu, lại chịu khó học tập chính trị, quân sự, am hiểu những vấn đề về chiến lược và sách lược của cách mạng, cũng

như các vấn đề chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, kỹ thuật, cho nên đã làm công tác chính trị một cách thuận lợi, có hiệu lực cao, khi bộ đội chiến đấu cũng như khi bộ đội học tập, công tác trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngược lại, cũng còn có một số cán bộ chính trị do ít chăm lo học tập, không đi sâu nghiên cứu các vấn đề chính trị và quân sự, nhất là các vấn đề quân sự và khoa học kỹ thuật, cho rằng đó là việc của cán bộ quân sự, cán bộ kỹ thuật, cho nên mặc dù rất tích cực và tận tụy mà vẫn không đạt hiệu suất cao trong công tác. Đó là chưa kể đến một số cán bộ còn chủ quan, tự mãn, bằng lòng với « vốn liếng » sẵn có của mình, tưởng như chỉ cần nắm một số nguyên tắc chung về công tác chính trị là có thể làm tốt được công tác trong mọi hoàn cảnh!

Đi đôi với việc chú trọng nâng cao năng lực, chúng ta hết sức quan tâm *rèn luyện phẩm chất cách mạng* cho cán bộ chính trị, làm sao cho mỗi cán bộ chính trị cũng như mọi cán bộ khác của Đảng thật sự là những tấm gương sáng về mọi mặt.

Muốn đạt được yêu cầu về phẩm chất và năng lực theo phương hướng nói trên, việc bồi dưỡng, đào tạo tại chức và tại trường cũng như việc tự rèn luyện nâng cao trình độ các mặt của cán bộ chính trị cần có một *chuyên hướng mạnh*. Các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính

trị hiện nay cần có nội dung chương trình học tập toàn diện, cả về chính trị và quân sự với tỷ lệ thích hợp, gắn nội dung quân sự vào chương trình giáo dục lý luận và chính trị. Phải có một cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy tương ứng, đồng thời có một cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết.

Đề nâng cao hiệu lực công tác Đảng và công tác chính trị, một vấn đề rất quan trọng nữa là phải ra sức *kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của cơ quan chính trị các cấp*. Đây là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ nhiệm vụ kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy và cải tiến chế độ làm việc trong quân đội trước tình hình và nhiệm vụ mới.

Cơ quan chính trị các cấp phải có chất lượng cao, số lượng hợp lý; bộ máy phải gọn, nhẹ, giảm bớt những khâu trung gian, phát huy hiệu lực trực tiếp tới các đơn vị, bám sát thực tiễn, đi sâu xuống cơ sở. Trong cơ quan, giữa các bộ phận, giữa cơ quan cấp trên và cấp dưới cũng như giữa cơ quan chính trị và các cơ quan khác, phải xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ ngang dọc, trên dưới cho rõ ràng, không dẫm đạp lên nhau nhưng phải phối hợp chặt chẽ với nhau. Các mối quan hệ, chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ phải được thể chế hóa thành các điều lệnh, điều lệ, chế độ..., đưa hoạt động của cơ quan chính trị, cán bộ

chính trị vào nền nếp chính quy, thống nhất.

Tổ chức mạnh hay yếu phụ thuộc vào phẩm chất và năng lực của cán bộ, song đến lượt nó, chính tổ chức lại quyết định sự trưởng thành của mỗi người cán bộ. Đó cũng là mối quan hệ biện chứng giữa con người và tổ chức, giữa đội ngũ cán bộ chính trị và hệ thống tổ chức công tác chính trị, bảo đảm cho công tác Đảng, công tác chính trị phát huy được sức mạnh đối với toàn bộ hoạt động thực tiễn của quân đội.



XÂY dựng lực lượng vũ trang nhân dân là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là trách nhiệm của toàn thể cán bộ, chiến sĩ ta, của tất cả các ngành, các cấp. Đó phải là kết quả tổng hợp của mọi mặt công

tác, trong đó có công tác Đảng và công tác chính trị.

Các mặt công tác tuyên huấn, xây dựng Đảng, cán bộ, bảo vệ, chính sách, dân vận, địch vận... cần xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của mình mà vận dụng đường lối, quan điểm của Đảng để nâng cao không ngừng chất lượng công tác. Như vậy, chúng ta mới phát huy tốt tác dụng của từng mặt công tác và sức mạnh tổng hợp của toàn bộ công tác Đảng, công tác chính trị nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, từng địa phương, góp phần tích cực nhất vào việc hoàn thành vẻ vang mọi nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng kinh tế của các lực lượng vũ trang ta, cùng toàn dân đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên giành thêm nhiều thắng lợi mới.

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

NHÂN dân ta và nhân dân thế giới đang chứng kiến một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại ở Cam-pu-chia. Đó là sự bùng nổ của căm hờn và uất hận, là sự vùng dậy của cả một dân tộc quyết tâm đập đổ vật chướng ngại chính trên con đường phát triển của mình là bè lũ phản nước hại dân Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Bắc-kinh.

Theo Thông tấn xã Cam-pu-chia SPK, tại một địa điểm trong vùng giải phóng Cam-pu-chia Đại hội đại biểu thành lập *Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia* đã được cử hành trọng thể và thành công rực rỡ. Đại hội đã nhất trí thông qua bản Tuyên bố về đường lối cách mạng Cam-pu-chia. Đó là ngọn cờ chỉ đường cho cách mạng Cam-pu-chia tiến lên, đồng thời là bản án tử hình đối với chế độ cực kỳ phản động của bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Đại hội đã bầu ra Ủy ban trung ương của Mặt trận gồm 14 vị, thay mặt cho các lực lượng cách mạng chân chính và các tầng lớp nhân dân yêu nước.

Sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia là một bước ngoặt lớn trong lịch sử Cam-pu-chia. Nó thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia kiên quyết cùng nhau đứng dậy đập tan bè lũ độc tài, quân phiệt gia đình trị Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, giành quyền sống, quyền định đoạt vận mệnh và tương lai của dân tộc về tay mình. Nó là kết quả của quá trình nổi dậy đấu tranh từ hơn ba năm nay của những người cộng sản chân chính, những cán bộ, chiến sĩ trung thành với cách mạng, những người thật sự yêu nước Cam-pu-chia.

Như mọi người đều biết, nhân dân Cam-pu-chia, sát cánh với nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào, đã chiến đấu lâu dài và vô cùng anh dũng chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cuối cùng đã

chiến thắng vẻ vang, giành thắng lợi vĩ đại ngày 17-4-1975. Lẽ ra, sau ngày lịch sử đó, nhân dân Cam-pu-chia đã có điều kiện sống trong hòa bình, đem tài năng và trí sáng tạo của mình xây dựng đất nước phồn vinh và giàu đẹp, đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng. Nhưng bọn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry đã thừa cơ cướp công của cách mạng, tiếm đoạt quyền lực tối cao, thu gọn vào tay gia đình chúng, thi hành một chính sách cực kỳ tàn bạo, đẩy dân tộc Cam-pu-chia vào nguy cơ diệt chủng, cam tâm làm công cụ thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc của Bắc-kinh.

Nhân danh chủ nghĩa xã hội, chúng đã thi hành một thứ chủ nghĩa phát-xít cực kỳ dã man, chưa từng có trong lịch sử. Chỉ hơn ba năm qua, chúng đã giết hàng triệu người, nhốt cả một dân tộc vào những trại tập trung mệnh danh là « công xã », gây ra biết bao đau thương tang tóc cho nhân dân Cam-pu-chia. « Con người mới » mà chúng xây dựng trong các « công xã » ấy chỉ là con người lao động khổ sai, con người nô lệ sống không có gia đình, không có tình cảm, không có văn hóa, không có tiếng hát, không có nụ cười trên môi, chỉ có tiếng thở dài với những nỗi lo âu. Cả một đất nước vốn tươi đẹp và có nền văn hóa Ấng-co huy hoàng bị chúng chìm trong máu và nước mắt. Chúng đã phá nát cả một nền văn hóa lâu đời, chà đạp lên mọi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ gia đình, làng mạc, trường học, tiền tệ, tôn giáo, bưu điện thư tín, chúng tàn sát dân tộc Chăm-pa, đồng hóa các dân tộc thiểu số khác, xua đuổi, khinh bỉ ngoại kiều, nhất là Việt kiều. Cái « chế độ tập thể trong mọi lĩnh vực » mà chúng rêu rao thực chất là một nhà tù khổng lồ, cái « xã hội trong sạch » mà chúng quảng cáo thực chất là một lò sát sinh của những bọn đao phủ ghê tởm hơn cả phát-xít Hít-le. Chúng đã kéo lùi lịch sử Cam-pu-chia lại không biết bao nhiêu năm.

Về mặt đối ngoại, chúng đã phản bội tình bạn chiến đấu, biến bạn thành thù, thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam, ngoan ngoãn phục vụ chủ nghĩa bá quyền nước lớn Bắc-kinh. Chúng coi Việt-nam là « kẻ thù số 1 », coi « mâu thuẫn giữa Việt-nam — Cam-pu-chia là mâu thuẫn chiến lược một mất một còn... không giải quyết bằng chính trị được ». Vì vậy, chúng đã gây ra cuộc chiến tranh biên giới ác liệt chống dân tộc Việt-nam, một dân tộc đã không tiếc máu xương cùng nhân dân Cam-pu-chia anh em làm nên chiến thắng lịch sử giải phóng đất nước Cam-pu-chia. Hận thù dân tộc mù quáng và tâm địa xấu xa muốn làm vừa lòng quan thầy Bắc-kinh đã khiến cho chúng mất hết lý trí, nuôi ảo tưởng điên cuồng chiếm đoạt lãnh thổ Việt-nam. Nhưng cuộc chiến tranh biên giới do

chúng gây ra đã làm cho lực lượng của chúng bị thiệt hại nặng, thể của chúng bị cô lập hơn bao giờ hết.

Tức nước thì vỡ bờ. Nhân dân Cam-pu-chia anh hùng đã và đang nổi dậy tinh sỏ tội ác của bè lũ Pôn Pốt — lêng Xa-ry, quyết chặn bàn tay giết người của chúng, cứu dân tộc Cam-pu-chia khỏi cảnh nô lệ và họa diệt chủng. Ngay từ năm 1975, nhiều cuộc nổi dậy lẻ tẻ đã nổ ra. Nhiều người có cương vị quan trọng trong chính quyền và quân đội của tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry cũng chống lại chúng. Những năm 1976 — 1977, lực lượng chống đối càng phát triển, bao gồm nhiều cán bộ các cấp trung ương, khu, vùng, huyện. Các vụ nổi dậy liên tiếp xảy ra ở Xiêm Riệp — Công-pông-thom tháng 2-1976, ở quân khu Nông-pênh và Công-pông Chơ-năng tháng 3-1977, ở Xiêm Riệp tháng 5-1977.

Sang năm 1978, phong trào nổi dậy càng lan rộng nhanh chóng. Có trên 40 vụ nổ ra ở hầu hết các sư đoàn và các quân khu trong nước. Nổi bật là cuộc nổi dậy ngày 26-5-1978 ở quân khu 203 (miền Đông Cam-pu-chia), trọng điểm là Công-pông Châm. Lực lượng nổi dậy đã trụ lại, xây dựng những vùng căn cứ, vùng du kích. Từ đó đến nay, phong trào nổi dậy của nhân dân miền Đông Cam-pu-chia ngày một phát triển, đánh địch bằng mọi cách: phục kích, tập kích, đột nhập các kho thóc, kho vũ khí... phong trào nổi dậy có tính quần chúng rộng rãi bao gồm cả dân ở các ấp, xã lẫn nhiều người trong chính quyền và quân đội của bọn phản động, và có chủ trương, phương hướng đấu tranh ngày càng rõ ràng. Ở nhiều nơi khác như quân khu Tây-bắc, quân khu trung tâm, vùng Cra-chê, quân khu miền Tây..., thời gian gần đây cũng có phong trào nổi dậy khá mạnh.

Đến nay, những cuộc nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia đã phát triển thành một cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng rộng lớn. Các lực lượng cách mạng đang phát triển mạnh mẽ, có vùng giải phóng, vùng căn cứ liên hoàn, có quân đội, có các đoàn thể quần chúng... Đó là những điều kiện chín muồi để cho Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia ra đời.

Trước bão táp nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia, trước những thất bại nặng nề của cuộc chiến tranh biên giới chống Việt-nam, bè lũ Pôn Pốt — lêng Xa-ry càng lao sâu vào con đường khủng bố ác liệt từ trên xuống tận cơ sở. Trong cơn hoảng hốt, chúng nêu khẩu hiệu: « Tiêu diệt tất cả mầm mống của lực lượng chống đối để ổn định nội bộ, dù phải diệt thêm một triệu người Cam-pu-chia nữa », « giết nhầm một kẻ vô tội còn hơn để sót một kẻ chống đối » ; thậm chí chúng nói: chỉ cần giữ lại ba triệu dân Cam-pu-chia miễn là « trong

sạch»! Đặc biệt, chúng âm mưu giết sạch 1,7 triệu dân miền Đông Cam-pu-chia. Nhưng chúng càng gây tội ác, tinh thể của chúng càng nguy ngập. Chỗ đứng chân của chúng đang sụt lở. Vị trí của chúng lung lay đến tận gốc. Quan thầy của chúng cũng đang lúng túng, khó bề xoay sở. Kẻ gieo gió ắt phải gặp bão,

Tình hình đó chứng tỏ tập đoàn phản bội Pôn Pốt — Iêng Xa-ry không còn có thể cai trị được như trước nữa, nhân dân Cam-pu-chia không còn có thể sống dưới sự cai trị tàn bạo của chúng nữa. Tinh thể cách mạng ở Cam-pu-chia đã chín muồi. Thời cơ lớn đã đến với cách mạng Cam-pu-chia. Sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia đáp ứng đúng yêu cầu của tinh thể.

Với bản Tuyên bố của Mặt trận, cách mạng Cam-pu-chia đã có đường lối rõ rệt: «Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia được xây dựng trên tinh thần độc lập chận chính của nhân dân Cam-pu-chia, đoàn kết tất cả các dân tộc trong nước, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo, gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, sư sãi, những người yêu nước còn ở trong hàng ngũ của bọn cầm quyền hiện nay và kiều bào đang sống ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, trên dưới một lòng thi hành nhiệm vụ cách mạng trước mắt của nhân dân Cam-pu-chia là: *Đoàn kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, bẻ gãy độc tài quân phiệt trong nước làm tay sai cho lực lượng phản động nước ngoài, xóa bỏ chế độ tàn ác dẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phát huy truyền thống Áng-co, làm cho nước Cam-pu-chia thật sự là một nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình và ổn định ở khu vực Đông — Nam châu Á.*»

Bản Tuyên bố của Mặt trận đã nêu lên 11 chính sách cụ thể về đối nội và đối ngoại: thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry; xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng; xây dựng và phát triển quân đội cách mạng Cam-pu-chia; thực hiện các quyền tự do dân chủ thật sự của nhân dân; thực hiện chính sách kinh tế độc lập, tự chủ theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội tốt đẹp và thật sự; phục hồi đời sống hạnh phúc của mỗi gia đình; xây dựng nền văn hóa mới có tinh dân tộc và nhân dân...; thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và không liên kết; giải quyết mọi vấn đề tranh chấp với các nước láng giềng bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, chấm dứt cuộc chiến tranh biên giới với Việt-nam do bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry

gây ra, lập lại quan hệ hữu nghị, hợp tác và láng giềng tốt với các nước Đông — Nam châu Á, góp phần xây dựng một khu vực Đông — Nam châu Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh, tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, kiên quyết ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Con đường cứu nước nêu ra trong bản Tuyên bố của Mặt trận là con đường duy nhất đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Cam-pu-chia, với quy luật phát triển của lịch sử, đưa sự phát triển của dân tộc Cam-pu-chia vào chính dòng của cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Dù còn phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ nữa, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia nhất định sẽ thắng lợi, bè lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry nhất định sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát. Khối đoàn kết toàn dân rộng rãi, con đường cứu nước đúng đắn, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình, công lý và tiến bộ trên thế giới, đó là những bảo đảm chắc chắn cho cách mạng Cam-pu-chia thắng lợi.

Cùng với nhân dân Cam-pu-chia chia ngọt sẻ bùi trong hàng thế kỷ đoàn kết chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc để giải phóng đất nước, nhân dân Việt-nam chúng ta rất vui mừng trước sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia. Chúng ta tin tưởng rằng với sự phát triển của cách mạng Cam-pu-chia, đám mây mù bao phủ tình hữu nghị lâu đời, xây bằng xương máu, giữa nhân dân hai nước, do bọn phản tình bội nghĩa Pôn Pốt — Iêng Xa-ry gây ra, sẽ bị xua tan. Hai dân tộc anh em Việt-nam — Cam-pu-chia sẽ kề vai sát cánh tiến lên trong nghĩa tình trọn vẹn.

TUYÊN BỐ

CỦA MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA

Thưa toàn thể đồng bào kính mến!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ thân mến!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mến!

SUỐT cả quá trình lâu dài dưới ách chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, biết bao đồng bào, cán bộ và chiến sĩ ta đã phát huy truyền thống anh liệt của cha ông, không quản gian khổ hy sinh, liên tục chiến đấu vô cùng anh dũng chống đế quốc Pháp rồi đế quốc Mỹ để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, làm rạng rỡ non sông Ang-co huy hoàng.

Đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với tinh thần tự lập, tự cường và được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, nhân dân ta đã chiến thắng vẻ vang, giành thắng lợi vĩ đại ngày 17 tháng 4 năm 1975, giải phóng hoàn toàn đất nước, mở ra cho dân tộc Cam-pu-chia một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. •

Lẽ ra sau khi nước nhà được hoàn toàn độc lập, nhân dân ta được hưởng hòa bình, đem hết tinh thần và lực lượng, cùng nhau xây dựng lại đất nước, đoàn kết hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các nước yêu chuộng hòa bình, độc lập, tự do ở Đông – Nam châu Á và trên thế giới.

Nhưng hơn ba năm qua, sự thật đã diễn ra hoàn toàn ngược lại. Một chế độ độc tài quân phiệt, tàn bạo có một không hai trong lịch sử, được dựng lên ở Cam-pu-chia. Tập đoàn phản động Pôn Pốt — lèng Xa-ry nắm toàn bộ quyền hành vào tay gia đình chúng, đi theo con đường phản nước, hại dân, gây ra biết bao đau thương, tang tóc cho đồng bào, đẩy dân tộc ta vào nguy cơ diệt chủng. Những hành động phản trắc, bạo ngược của tập đoàn này được các nhà cầm quyền Trung-quốc ra sức khuyến khích và tiếp tay.

Chỉ trong vài ba ngày sau giải phóng, dưới chiêu bài « cách mạng xã hội toàn diện, triệt để », « làm trong sạch xã hội », chúng xóa bỏ thành thị, cưỡng bức hàng triệu nhân dân thành phố, thị xã phải bỏ nhà cửa, tài sản đi về nông thôn sống trong cảnh cơ cực và chết dần, chết mòn dưới chế độ lao động khổ sai.

Bọn chúng cắt đứt mọi tình cảm thiêng liêng đối với bố mẹ anh em vợ chồng và họ hàng, láng giềng, trên thực tế chúng xóa bỏ làng mạc là nơi gắn liền tình cảm và nơi sinh sống từ nghìn xưa của nhân dân ta.

Chúng đề ra các chính sách « hợp tác xã tập thể », « ăn chung, ở chung », « xóa bỏ tiền tệ, chợ búa », thực chất là giam hãm đồng bào ta trong những trại tập trung trá hình, tước đoạt toàn bộ phương tiện sản xuất và sinh hoạt, bắt nhân dân ta lao động quá sức, ăn đói mặc rách, làm cho mọi tầng lớp phải bần cùng và biến thành nô lệ. Chúng còn đề ra chính sách phân loại nhân dân để chúng dễ kìm kẹp sai khiến và chém giết lẫn nhau.

Tội ác của bọn đại gian, đại ác Pôn Pốt — lèng Xa-ry thật không sao kể xiết! Nhân dân ta ở khắp nơi đều chứng kiến cảnh chúng giết người còn tàn bạo, dã man hơn dưới thời Trung cổ, hơn cả bọn phát-xít Hít-le. Chúng từng tuyên bố rằng dù có phải hy sinh cả triệu dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội theo kiểu của chúng thì chúng cũng cứ làm. Nhiều nơi chúng giết sạch cả làng, cả xã, từ em bé đang nằm trong bụng mẹ, bọn chúng cũng không tha. Thậm chí chúng định giết sạch khoảng trên một triệu bảy mươi vạn dân miền Đông. Trước tình hình ấy, hàng trăm nghìn người đã nổi dậy chống lại chúng; hàng vạn người vì tính mạng bị đe dọa đã buộc phải xa rời Tổ quốc, lánh nạn ở nước ngoài — người còn sống sót ở trong nước thì ngày đêm nơm nớp lo âu, khác nào cá nằm trong giỏ, không biết lúc nào đến lượt mình bị giết hại.

Tập đoàn phản động Pôn Pốt — lèng Xa-ry đã cướp quyền lãnh đạo của Đảng, quên hết công lao của nhân dân cách mạng đã nuôi

đường, che chỗ cho chúng. Đến lúc chúng nắm được quyền binh cao nhất trong tay thì chúng trả ơn nhân dân bằng chém giết, nhục hình! Chúng đã phản bội đồng bào, đồng chí của chúng. Biết bao cán bộ, đảng viên, những người cách mạng và yêu nước chân chính, biết bao cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã co công giải phóng đất nước, một mực trung thành với Tổ quốc, chỉ vì không tán thành đường lối phản động và chính sách tàn bạo của chúng mà bị giết hại hàng loạt ở khắp các cấp, các nơi.

Chúng còn chà đạp lên mọi truyền thống và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân ta, phá hoại nền văn hóa lâu đời của dân tộc ta. Chúng không cho tự do tín ngưỡng, chúng tổ chức các cuộc cưỡng bức hôn nhân tập thể, chúng gây ra biết bao cảnh gia đình tan nát, phong hóa suy đồi.

Chúng đã phá tan hệ thống chùa chiền của đạo Phật, nền quốc đạo lâu đời của nhân dân Cam-pu-chia, cưỡng bức sư sãi hồi tục. Chúng diệt cả đạo Hồi đi đôi với diệt dân tộc Chăm-pa. Chúng đã xóa bỏ gần hết các nhà trường từ cấp tiểu học đến đại học, bắt tất cả thiếu niên 13, 14 tuổi không được học hành, phải đi lính phục vụ lợi ích của chúng.

Chế độ của tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry là chế độ nô lệ kiểu mới, tuyệt nhiên không có một chút gì là xã hội chủ nghĩa!

Đề che giấu tội ác tày trời của chúng đối với nhân dân ta và đánh lạc hướng dư luận trong, ngoài nước, để phục vụ mục đích đen tối là xây dựng một chế độ độc tài quân phiệt tàn bạo sẵn sàng chém giết những ai không tuân theo lệnh của chúng, đồng thời phục vụ ý đồ chiến lược bành trướng nước lớn của nhà cầm quyền Trung-quốc, chúng đã gây ra chiến tranh biên giới với Việt-nam, biến bạn thành thù. Chúng đã làm cho bộ đội cách mạng của ta thành lính đánh thuê cho nhà cầm quyền Trung-quốc, thành công cụ đàn áp phong trào nổi dậy của nhân dân.

Thưa toàn thể đồng bào kính mến!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ thân mến!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mến!

BON phản bội và bạo ngược Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã nhuộm đất nước Cam-pu-chia bằng máu và nước mắt! Sôi sục căm thù

trước những hành động dã man, vô nhân đạo và chính sách phản nước, hại dân đó, những lực lượng cách mạng yêu nước chân chính đã cùng với nhân dân trong cả nước đứng lên đấu tranh quyết liệt đánh đổ bọn chúng, cứu nước, cứu nòi khỏi ách nô lệ và họa diệt vong.

MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA đã thành lập, trình trọng tuyên bố :

Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia được xây dựng trên tinh thần độc lập chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, đoàn kết tất cả các dân tộc trong nước, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo, gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, sư sãi, những người yêu nước còn ở trong hàng ngũ của bọn cầm quyền hiện nay và kiều bào đang sống ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, trên dưới một lòng thi hành nhiệm vụ cách mạng trước mắt của nhân dân Cam-pu-chia là: Đoàn kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, bẻ gãy độc tài quân phiệt trong nước làm tay sai cho lực lượng phản động nước ngoài; xóa bỏ chế độ tàn ác đẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phát huy truyền thống Ăng-co, làm cho nước Cam-pu-chia thật sự là một nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình và ổn định ở khu vực Đông – Nam châu Á.

Để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử trên đây, **MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA** chủ trương:

1 – Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đánh đổ chế độ độc tài, quân phiệt, gia đình trị của tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Giải tán Viện đại biểu nhân dân do Pôn Pốt – Iêng Xa-ry nặn ra. Tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội; tổ chức lại chính quyền dân chủ nhân dân các cấp; thảo ra Hiến pháp mới nhằm bảo đảm các quyền bình đẳng, tự do, dân chủ thật sự của nhân dân và định ra những pháp luật của một Nhà nước độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2 – Xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng Cam-pu-chia, thành viên của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, đề tập hợp các giới đồng bào, làm cho họ nhận rõ bộ mặt phản nước, hại dân của tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, từ bỏ mọi tổ chức, đoàn thể do bọn chúng lập ra, tích cực tham gia vào Hội thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Nghiệp đoàn cứu

quốc, Hội nông dân cứu quốc và Hội trí thức cứu quốc nhằm đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — lêng Xa-ry, đưa lại quyền làm chủ đất nước thật sự cho mọi tầng lớp nhân dân.

3 — Xây dựng và phát triển quân đội cách mạng Cam-pu-chia, củng cố nhân dân đập tan chính quyền phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tăng cường bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Cam-pu-chia.

4 — Thực hiện các quyền tự do dân chủ thật sự và tôn trọng nhân phẩm của nhân dân. Mọi người dân Cam-pu-chia có quyền trở về quê quán cũ của mình, xây dựng lại đời sống gia đình hạnh phúc. Toàn thể nhân dân Cam-pu-chia có quyền tự do cư trú và di lại trong nước, có quyền ứng cử, bầu cử, quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do tin ngưỡng, quyền lao động, nghỉ ngơi và học hành. Bảo đảm quyền tự do thân thể của mỗi người dân. Mọi dân tộc trong cộng đồng xã hội Cam-pu-chia có quyền tự do, bình đẳng, có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau.

5 — Thực hiện chính sách kinh tế độc lập, tự chủ theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội tốt đẹp và thật sự. Xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá. Khôi phục nền kinh tế quốc dân bị bẽ lũ Pôn Pốt — lêng Xa-ry làm suy sụp. Nền kinh tế mới là một nền kinh tế phục vụ lợi ích nhân dân trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp; đó là một nền kinh tế vừa có kế hoạch, vừa có thị trường, thích hợp với nhu cầu tiến lên của xã hội.

Xóa bỏ chế độ cưỡng bức « làm chung, ăn chung », xóa bỏ chính sách vơ vét lúa gạo, tài sản của nhân dân của bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry. Giúp đỡ và khuyến khích các hình thức tương trợ, hợp tác trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự giác của nông dân nhằm đẩy mạnh sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân.

Thành lập ngân hàng, phát hành tiền tệ, khôi phục và phát triển lưu thông hàng hóa. Mở rộng buôn bán trong nước và tăng cường quan hệ kinh tế với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.

Xóa bỏ chế độ cưỡng bức lao động làm kiệt sức người của bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry. Thực hiện chế độ ngày làm tám giờ và trả lương theo nguyên tắc hưởng thụ theo lao động.

6 — Xóa bỏ chế độ hôn nhân cưỡng bức, thực hiện chế độ tự do kết hôn, phục hồi đời sống hạnh phúc của mỗi gia đình. Thực hiện

nam nữ bình đẳng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phụ nữ được học tập văn hóa, trau dồi nghề nghiệp của mình để phục vụ xã hội như nam giới.

Chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

Chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Chăm sóc người già, người tàn tật và trẻ mồ côi không nơi nương tựa.

Chú trọng bảo vệ quyền lợi chính đáng của kiều bào ở nước ngoài. Có chính sách đúng đắn với ngoại kiều ở Cam-pu-chia.

7 — Xóa bỏ mọi văn hóa phản động của tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry. Xây dựng nền văn hóa mới có tính dân tộc và nhân dân. Xóa bỏ nạn mù chữ — phát triển giáo dục quốc dân, xây dựng các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Trọng dụng các nhà khoa học, kỹ thuật, văn hóa và nghệ thuật.

Giữ gìn và tu bổ di tích lịch sử, chùa chiền, công viên bị bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry hủy hoại.

8 — Hoan nghênh và tạo điều kiện thuận lợi cho sĩ quan, binh lính trong lực lượng vũ trang, cho cán bộ, nhân viên trong bộ máy chính quyền phản động trở về với nhân dân, chống lại tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry để cứu nước, cứu nhà.

Nghiêm trị những tên đầu sỏ phản động ngoan cố chống lại nhân dân và có nhiều nợ máu với nhân dân. Khoan hồng với những người thật thà hối cải. Khen thưởng thích đáng những người lập công với cách mạng.

Đối xử nhân đạo với những người trong hàng ngũ chính quyền và lực lượng vũ trang của Pôn Pốt — lêng Xa-ry bị bắt trong chiến đấu và giúp họ trở thành những người lương thiện, những người có ích cho xã hội.

9 — Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và không liên kết với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

10 — Giải quyết mọi vấn đề tranh chấp với các nước láng giềng bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Chấm dứt cuộc chiến tranh biên giới

với Việt-nam do bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry gây ra. Lập-lại quan hệ hữu nghị, hợp tác và láng giềng tốt với các nước Đông — Nam châu Á, góp phần xây dựng một khu vực Đông — Nam châu Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh. Cam-pu-chia không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào và không cho phép bất cứ nước nào lập căn cứ quân sự và đưa các loại thiết bị quân sự vào lãnh thổ Cam-pu-chia.

11 — Tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Kiên quyết ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Thưa toàn thể đồng bào kính mến!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và năm, nữ chiến sĩ thân mến!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mến!

Dân tộc ta đang đứng trước nguy cơ bị diệt chủng!

Tổ quốc ta đang lâm nguy!

MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA
kêu gọi:

Toàn thể đồng bào, mọi dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, kiều bào ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, không phân biệt xu hướng chính trị, tôn giáo, hãy xiết chặt hàng ngũ dưới ngọn cờ của **MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA**, đồng tâm nhất trí nổi dậy đánh đổ chế độ độc tài quân phiệt, diệt chủng do tập đoàn gia đình trị Pôn Pốt — lêng Xa-ry khát máu cầm đầu.

Đó là con đường duy nhất để cứu dân, cứu nước và tự cứu mình.

Chỉ có như vậy mới đem lại hòa bình, độc lập thật sự cho đất nước, tự do, dân chủ thật sự và hạnh phúc cho nhân dân ta.

Anh chị em cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đang bị o ép trong bộ máy chính quyền và quân đội của tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry hãy nổi dậy chống lại mọi chủ trương, chính sách phân dân, hại nước của chúng, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân; hãy đứng dậy diệt bọn chỉ huy ác ôn, chuyển thành lực lượng vũ trang cách mạng chân chính của nhân dân! **MẶT**

TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA thiết tha kêu gọi nhân dân và chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức dân chủ trên thế giới đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội hãy tích cực ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân chúng tôi.

Chế độ thống trị của tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry vô cùng dã man tàn bạo, nhưng đang lung lay đến tận gốc, không tránh khỏi sẽ sụp đổ hoàn toàn.

Trong thời đại ngày nay, không một thế lực phản động quốc tế nào đủ hung hãn xảo quyệt đến mức cũng không tiêu diệt nổi nhân dân Cam-pu-chia anh hùng.

Lực lượng cách mạng chân chính Cam-pu-chia, dù phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng có đường lối cách mạng đúng đắn, có mục tiêu chiến đấu chính nghĩa, phù hợp với nguyện vọng thiêng liêng của dân tộc và với trào lưu lịch sử, có khối đoàn kết toàn dân vững chắc, lại được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình công lý và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới, nhất định sẽ giành được thắng lợi vẻ vang.

Thời cơ cách mạng đã đến!

Dòng bào, anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ hãy đoàn kết anh dũng tiến lên!

Kiên quyết đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry!

Nhân dân ta nhất định thực hiện được một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội!

Cách mạng Cam-pu-chia nhất định thắng!

Khu giải phóng Cam-pu-chia,
ngày mùng 2 tháng 12 năm 1978

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC
CAM-PU-CHIA

Nêu điển hình tốt, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước ở Hà-sơn-bình

NGUYỄN-HÒU-THỤ

Bí thư tỉnh ủy Hà-sơn-bình

CÁC hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Hà-sơn-bình trước đây phát triển không đồng đều. Có hợp tác xã đã phát triển mạnh mẽ, các mặt công tác đều có thành tích tốt, nhưng có hợp tác xã lại trì trệ không vươn lên được, có những hợp tác xã vào loại yếu kém nhưng lại có từng mặt có thành tích nổi bật hơn hẳn các hợp tác xã khác trong tỉnh. Trong tình hình ấy, chúng tôi đã dùng phương pháp xây dựng điển hình để rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm của điển hình để phát động và tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng. Tỉnh chúng tôi đã xây dựng được nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thành điển hình tiên tiến tiêu biểu đối với địa phương và tích lũy được một số kinh nghiệm về xây dựng và chỉ đạo học tập và làm theo các hợp tác xã đó.

XÂY DỰNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN CHO TỪNG VÙNG CỤ THỂ

Hà-sơn-bình là một tỉnh rộng, có cả vùng núi, vùng trung du (đồi gò) và vùng đồng bằng. Có những việc đã làm tốt ở vùng này nhưng lại không

thích hợp đối với vùng khác, cho nên trong việc lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, ngay từ đầu chúng tôi đã quan tâm bồi dưỡng một số đơn vị để làm ngọn cờ dẫn đầu cho từng vùng khác nhau.

Đó là Bình-minh, Song-phượng và Yên-sở ở vùng đồng bằng. Các hợp tác xã này đã nhanh chóng xác lập, củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Các hợp tác xã đó đã phát động phong trào làm thủy lợi trong nhiều năm liền, tổ chức xã viên đào xới mấy triệu mét khối đất cải tạo đồng ruộng, đưa năng suất lúa lên 5 tấn, rồi 9 — 10 tấn. Cùng với biện pháp về thủy lợi, các hợp tác xã này đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp kỹ thuật thâm canh. Giống lúa mới được đưa vào sản xuất đại trà; chăn nuôi tập thể và gia đình đều được mở rộng, trồng trọt và chăn nuôi từng bước đi vào cân đối. Khoai tây, tuy mới chiếm 20 — 30% diện tích vụ đông nhưng đã có tiến bộ so với trước. Nghề thủ công phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước khá phát triển. Đồng góp cho Nhà nước mỗi năm một tăng.

Tuy một số mặt quản lý còn yếu, nhưng các hợp tác xã này đều đã được công nhận là lá cờ đầu về thâm canh của tỉnh. Ba hợp tác xã này thể hiện rõ nét bước phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng: thâm canh tăng vụ lúa, mở rộng diện tích sản xuất vụ đông, và phân bố lại lao động xã hội, phát triển ngành nghề, rút bớt được lực lượng lao động dư thừa ở vùng kinh tế mới. Các hợp tác xã bạn đều công nhận đã học được những kinh nghiệm tốt của Bình-minh, Song-phượng và Yên-sở.

Hợp tác xã Thanh-hối có những nét tiêu biểu cho các hợp tác xã miền núi hiện nay. Nhờ có sự bồi dưỡng của tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, trong vài năm lại đây, hợp tác xã đã có nhiều tiến bộ. Những khu rừng trước đây thuộc sở hữu cá nhân đã được tập thể hóa. Việc giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh đã làm xong. Do quy mô hợp tác xã được mở rộng, có thêm nhiều sức lao động để khai thác đất đai tốt hơn. Cùng với việc ra sức thâm canh lúa và mở rộng diện tích trồng-lúa, hợp tác xã coi trọng làm màu, từng bước mở rộng chăn nuôi tập thể. Hợp tác xã lập thêm được các đội chuyên trồng rừng, trồng cây ăn quả. Hợp tác xã bước đầu biết khai thác và chế biến lâm sản, làm nghề thủ công. Hợp tác xã Thanh-hối có một số mặt còn yếu: năng suất lao động cũng như năng suất cây trồng chưa cao, sản lượng chưa nhiều, quản lý còn đơn giản, nhưng do những cố gắng chung, sản xuất có tăng, nhân dân phấn khởi. Kinh nghiệm Thanh-hối cho thấy, ở miền núi chúng tôi, phải tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác xã, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phải quán triệt tư tưởng lấy cách mạng quan hệ sản xuất mở đường, lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt, đồng thời dựa trên phương hướng sản xuất mới, giáo dục thuyết phục đồng bào các dân tộc thay đổi

quen cũ cách làm ăn, lối suy nghĩ cũ kỹ, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra cần đưa thêm nhiều lao động mới có kỹ thuật từ miền xuôi lên thì miền núi chúng tôi mới có khả năng nhanh chóng phá thế độc canh, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Tuy mới đạt được những tiến bộ bước đầu, hợp tác xã Thanh-hối đã thiết thực giúp cho huyện Tân-lạc và tỉnh chúng tôi thấy rõ hơn phương hướng và biện pháp khai thác tốt các thế mạnh của miền núi.

Từ bảy hợp tác xã nhỏ, hợp nhất lại thành một hợp tác xã lớn có quy mô toàn xã, hợp tác xã Đường-lâm một hợp tác xã vùng đồi gò — bắt đầu có sự tiến bộ rõ rệt từ khi có cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lúc đầu nó là một hợp tác xã làm thử. Tỉnh bồi dưỡng nó làm mẫu phát triển sản xuất nông nghiệp vùng đồi gò huyện Ba-vi. Đây vốn là nơi trồng cây thuốc là có năng suất cao nhất tỉnh Sơn-tây cũ. Trên cơ sở giải quyết được thủy lợi, chống được hạn, nay hợp tác xã Đường-lâm là nơi thực hiện có kết quả một chế độ canh tác mới: trồng thuốc lá luân canh với lạc, trồng sản xen lạc; bố trí một công thức thời vụ mới. Nó chỉ cho tỉnh chúng tôi khả năng phát huy thế mạnh của vùng đồi gò: vừa chuyên canh và thâm canh sản, phát triển lương thực ổn định, đồng thời phát triển cây công nghiệp và cây lương thực; vừa phát triển trồng trọt, vừa phát triển chăn nuôi (cả tập thể và gia đình); vừa thâm canh tăng năng suất cây trồng, vừa giữ được và tăng thêm độ phì của đất. Đây là một điển hình mới ra đời nhưng vài năm lại đây đã đạt 5 tấn thóc 1 héc-ta cả năm; 10 tạ thuốc là 1 héc-ta so với 5 tạ trước đây. Ngoài ra còn thu hoạch được trên dưới 400kg củ lạc khô trên 1 héc-ta và một khối lượng lớn dây lạc để làm phân xanh và chăn nuôi lợn.

Như vậy ba loại hợp tác xã trên đây tiêu biểu cho ba vùng sản xuất chủ yếu của tỉnh Hà-sơn-binh : đồng bằng miền núi, đồi gò. Trình độ của các hợp tác xã đó chưa cao. Có hợp tác xã đã đạt được tiến bộ khá cả trong phát triển sản xuất và tổ chức đời sống, có hợp tác xã mới đi được bước đầu tiên. Tuy nhiên, ba loại hợp tác xã đó thật sự khẳng định hướng đi của nông nghiệp ở vùng mà nó tiêu biểu. Vì vậy, cuộc vận động học tập và làm theo kinh nghiệm điển hình tiên tiến hiện nay ở tỉnh chúng tôi là học hướng đi và cách tạo những điều kiện thực hiện hướng đó của các hợp tác xã tiên tiến.

TỔ CHỨC VIỆC HỌC VÀ LÀM THEO KINH NGHIỆM CÁC ĐIỂN HÌNH

Những kết luận về ba loại hợp tác xã áp dụng cho ba vùng trong tỉnh là kết quả tổng hợp công sức, trí tuệ của toàn đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà-sơn-binh.

Đó là kết quả phấn đấu thực hiện một cách nghiêm chỉnh, có sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng để từng bước tổ chức lại và đưa nền sản xuất nông nghiệp trong tỉnh từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đề nhanh chóng xóa bỏ tình trạng phát triển không đều hiện nay giữa các đơn vị tiên tiến và chậm tiến, chúng tôi sẽ tăng cường các điển hình tiên tiến đã có, hoàn chỉnh điển hình từng mặt, trên cơ sở đó mở rộng việc học tập và làm theo các điển hình tiên tiến ra toàn tỉnh, trước hết coi trọng con số trên 60% các hợp tác xã hiện còn thuộc diện trung bình và yếu kém.

Tổ chức học tập và làm theo điển hình. Như đã nói ở trên, Hà-sơn-binh là một tỉnh rộng, có vùng núi, vùng đồi gò (trung du), vùng đồng bằng.

Đồng thời tỉnh còn có các tiểu vùng: bãi ven sông, đồng ven, đồng trũng... Vùng núi và vùng đồi gò đều có nhiều tiểu vùng khác nhau. Những vùng và tiểu vùng này có điều kiện thiên nhiên, tập quán canh tác, tâm lý khác nhau. Hơn thế nữa, trình độ phát triển của các hợp tác xã cũng khác nhau. Vì vậy, việc học tập và làm theo điển hình tiên tiến của chúng tôi được triển khai trên hai hướng, bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau. **Thứ nhất**, là học kinh nghiệm tương đối toàn diện của điển hình từng vùng. **Thứ hai** là học từng mặt điển hình của một đơn vị.

Học tập điển hình vùng là : hợp tác xã trong mỗi vùng nghiên cứu áp dụng cách giải quyết những vấn đề có tính chất phương hướng và có tính chất bắt buộc đối với tổ chức sản xuất trong vùng, đã được tổng kết. Điển hình vùng cũng là nơi mà chúng tôi cố gắng tập trung xây dựng thành kinh mẫu làm chủ tập thể cả về chính trị, kinh tế, văn hóa. Cho nên, học tập điển hình ở đây là học tập toàn diện cách tổ chức chỉ đạo quản lý, sản xuất, phân phối, cũng như áp dụng kỹ thuật tiên tiến, làm cho hợp tác xã đạt được những thành tích ngày càng cao theo hướng từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì thế, đây không chỉ là sự phấn đấu vươn lên của bản thân hợp tác xã mà còn đòi hỏi sự cố gắng thường xuyên của các cấp, các ngành.

Còn học và làm theo từng mặt điển hình, từng việc làm tiên tiến của một đơn vị là mở từng đợt liên công đợt điểm, nhằm đạt được sự tiến bộ cụ thể, lấy đó thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện. Để thực hiện điều đó, chúng tôi giao trách nhiệm cho toàn bộ hệ thống các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh, trong khi chỉ đạo công tác, kịp thời phát hiện những việc làm tốt, những đơn vị đi đầu làm tốt từng công việc cụ thể. Khi đã phát hiện được những mũi nhọn

tiến công có kết quả đó, chúng tôi kịp thời tổng kết, huy động bộ máy tuyên truyền phổ biến rộng rãi kinh nghiệm, tổ chức cho các nơi đến tham quan học tập ngay tại chỗ, ngay trong từng đợt công tác.

Trên tinh thần đó, đề rút kinh nghiệm và động viên mở rộng sản xuất vụ đông xuân ta khâu yếu trọng tỉnh chúng tôi, vừa rồi chúng tôi đã nêu gương Phú-long là nơi đồng trúng, đã trồng khoai tây trên nền đất ướt, vụ đầu làm được 500 mẫu. Trong khi đó, Hà-hồi vốn là nơi trồng khoai tây có truyền thống nhưng chỉ làm được 200 mẫu. Rõ ràng Phú-long là một nhân tố mới, chúng tôi đã phát động tất cả các hợp tác xã nông nghiệp đều cố gắng học tập kinh nghiệm tổ chức trồng khoai tây của Phú-long. Nhờ sáng kiến đó và sự hưởng ứng kịp thời, vụ đông xuân vừa rồi tỉnh chúng tôi đã trồng được gần 10.000 ha khoai tây. Hiện nay các hợp tác xã có điều kiện trồng khoai tây đang tích cực chuẩn bị để mở rộng diện tích khoai tây trong vụ đông xuân. Những tiến bộ đó là điều kiện thuận lợi để chúng tôi phát động các huyện trồng khoai tây hai vụ liên tiếp trong vụ đông này để có thêm lương thực bù vào số bị hao hụt do thiên tai nặng gây ra trong năm nay. Phong trào mở rộng diện tích trồng màu cũng đã được cổ vũ bằng tấm gương Yên-thủy, Hoàng-long trồng khoai lang ngắn ngày trên diện tích rộng. Nó đã giúp cho toàn tỉnh trồng được gần 11.000 ha, tăng 45% diện tích so với năm 1977. Bằng cách đó, sau 10 năm bị thu hẹp nghiêm trọng, diện tích trồng khoai lang có nhiều triển vọng mở rộng, việc chuẩn bị cho vụ khoai lang tới đang được tiến hành tích cực. Nhờ học tập việc phát triển ngành nghề của Thư-phủ (thu nhập về tỉnh đầu hương nhu và bạc hà được nửa triệu đồng/năm), toàn tỉnh chúng tôi đã có trên 500 xã phát triển nghề thủ công, đặc biệt có nhiều xã có từ 500 đến 700

người làm nghề thủ công; hiện nay chỉ còn 30 xã chưa có nghề thủ công. Chúng tôi đang cố gắng tận dụng nguyên liệu địa phương, đẩy mạnh hơn nữa việc sản xuất hàng tiêu dùng.

Chúng tôi không những tổ chức cho quần chúng học tập những điển hình tiên tiến trong sản xuất, mà còn chú ý đến những điển hình làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1977, sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân có sút kém, việc làm nghĩa vụ đối với Nhà nước gặp khó khăn. Ngay cả những hợp tác xã có thu hoạch khá cũng tính chuyện trừ lương thực để phòng đói. Trong khi đó với truyền thống tốt đẹp nhiều năm liền làm nhanh và tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, hợp tác xã Liên-bạt tuy gặp khó khăn trong sản xuất, nhưng từ đầu vụ đã tiến hành giáo dục tư tưởng cho nhân dân, khi bước vào vụ gặt, hợp tác xã đã chủ động tính toán số lương thực ăn chia cho xã viên, làm nghĩa vụ với Nhà nước, và trong đợt đầu hợp tác xã đã xung phong đóng góp 450 tấn thóc nghĩa vụ cho Nhà nước. Chúng tôi đã phát hiện và biểu dương kịp thời ý thức làm chủ tập thể theo lập trường giai cấp công nhân của cán bộ và nhân dân xã Liên-bạt, nêu gương cho toàn tỉnh. Nhờ đó, việc làm nghĩa vụ lương thực của tỉnh đối với Nhà nước được tiến hành thuận lợi. Từ năm 1973 đến nay Liên-bạt đã 5 năm liền làm nghĩa vụ đối với Nhà nước từ 700 đến 800 tấn thóc một năm, trong khi vẫn giữ đúng mức ăn chia cho xã viên. Việc nhân dân tỉnh Hà-sơn-bình hoàn thành sớm nghĩa vụ lương thực vụ chiêm xuân năm 1978 gắn liền với việc động viên, tổ chức học và làm theo hợp tác xã có việc làm tiên tiến của tỉnh chúng tôi, và là thước đo lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân tỉnh chúng tôi. Về chuẩn bị cho thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc, chúng tôi phát động các xã học gương tốt của Hòa-xá, Hòa-xá chuẩn bị cho con

em mình đến tuổi nhập ngũ được bồi dưỡng sức khỏe, luyện tập động tác cơ bản về quân sự, động tác chiến đấu, tổ chức thành đội ngũ, thực tế là chuẩn bị sẵn sàng ba thứ quân tại xã, có lệnh là lên đường đi chiến đấu được ngay...

Tỉnh chúng tôi còn thiếu kinh nghiệm về nhiều mặt. Chúng tôi đã tổ chức cho các địa phương đi học các tỉnh bạn: kinh nghiệm về điều hành lao động toàn huyện của Quỳnh-lưu; về bảo đảm phúc lợi tập thể của Định-công; về quản lý thị trường của Hải-phòng... Tất cả các kinh nghiệm học được đều được áp dụng có sáng tạo và có kết quả, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của tỉnh chúng tôi. Chúng tôi thấy rằng phương pháp này là rất tốt. Sắp tới, chúng tôi sẽ tổ chức đi tham quan nhiều hơn cho các đơn vị và nhân dân ở những nơi trước nay đi ít, cho cả những người chậm tiến, để mở rộng tầm mắt của họ, lấy quần chúng giáo dục, động viên quần chúng.

Phương pháp học tập từng mặt tốt nhất của bất cứ đơn vị nào đã có tác dụng liên tục động viên quần chúng tham gia thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng, ngày càng nâng cao ý thức làm chủ tập thể của mình; khuyến khích các địa phương phát huy sáng kiến, làm cho họ tin vào năng lực sáng tạo của bản thân; sản sinh những mối quan hệ mới, đoàn kết thân ái giữa các đơn vị trong toàn tỉnh. Chính trong khi học tập từng mặt ấy, nhiều đơn vị từ việc này hiểu ra các việc khác, vừa nâng cao trình độ của cán bộ, vừa giác ngộ quần chúng, từ đó tạo ra những điển hình tiên tiến mới, tương đối toàn diện. Lối học đó đòi hỏi các cấp, các ngành phải đi sát phong trào cơ sở, gần mình với cuộc sống, khắc phục bệnh quan liêu, nâng cao năng lực nhạy cảm với cái mới, tổng kết cái mới, nâng cao năng lực lãnh đạo. Cuộc vận động tương trợ khôi phục sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai

hiện nay được sự hưởng ứng kịp thời, rộng rãi là kết quả chung của phương pháp học tập điển hình tiên tiến đó. Noi gương hợp tác xã Văn-tảo giúp hợp tác xã Nghiêm-xuyên 20 tấn thóc, cho mượn 18 ha đất làm màu, những nơi gặp khó khăn ít dạng giúp những nơi gặp khó khăn nặng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Đây sẽ là một nhân tố có tác dụng nâng cao tinh thần tương trợ, thúc đẩy nhau tiến lên.

Việc học tập điển hình từng mặt không làm mất ý nghĩa của điển hình nhiều mặt mà giáo dục lại nó, đã phá thái độ tự kiêu (nếu có) của nó. Việc học tập này, vì vậy chính là thi đua. Nó đòi hỏi cơ quan thi đua phải vứt bỏ lối làm việc bần giấy để đi sát cuộc sống. Cơ quan thi đua của tỉnh chúng tôi hiện nay không theo kịp cái mới, không kịp thời khen thưởng sáng kiến của quần chúng cách mạng mà nó là người động viên tổ chức.

Có biện pháp cụ thể đối với từng loại cơ sở. Chúng tôi đã tiến hành việc sắp xếp các cơ sở để việc động viên học và làm theo điển hình tiên tiến có kết quả. Đối với cơ sở trung bình và yếu kém, vấn đề then chốt là củng cố tổ chức Đảng ở đó. Việc giáo dục nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng đường lối, chính sách cho đảng viên phải đi đôi với việc củng cố, kiện toàn tổ chức của Đảng, thi hành nghiêm chỉnh kỷ luật đối với những đảng viên thoái hóa biến chất, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên. Trên cơ sở đó kiện toàn cơ quan lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ. Nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở của Đảng là tổ chức, lãnh đạo sản xuất, xây dựng lực lượng cách mạng, mỗi nơi tùy theo tình hình cụ thể mà giải quyết những vấn đề cụ thể, với chính bản thân cán bộ và quần chúng ở đó. Đối với cơ sở trung bình thì phải động viên để họ tự làm lấy, thông qua việc bồi dưỡng cốt cán, tổ chức tham quan điển hình. Đối với những nơi

còn kém (hiện có khoảng 10% tổng số đơn vị cơ sở) cần chú trọng hơn, có khi phải điều chỉnh cán bộ chủ trì, đề tổ chức và động viên quần chúng tiến lên. Ở những đơn vị tiến thì giúp đỡ cho họ tự tiến hành việc kiểm tra toàn diện, thường xuyên, nhằm đánh giá đúng ưu điểm để phát huy và khuyết điểm để sửa chữa kịp thời...

Để chăm sóc, vun xới, khuyến khích mầm non mới phát triển, chúng tôi luôn luôn tập trung làm tốt công tác tổng kết điển hình, phân tích những ưu điểm, phê phán những khuyết điểm để đưa phong trào tiến lên.

Chúng tôi đã có kế hoạch tập huấn các chủ nhiệm hợp tác xã. Việc này sẽ được tiến hành theo vùng. Vùng đồng bằng thì đến tập huấn ở Bình-minh, Song-phương và Yên-sở. Vùng đồi gò sẽ làm ở Đường-lâm. Vùng núi sẽ làm ở Thanh-bối. Việc tập huấn này trước đây đã làm, được các chủ nhiệm hoan nghênh. Nhưng làm mỗi lần đến một tháng là quá dài. Từ nay chúng tôi cũng sẽ làm mỗi năm hai lần, nhưng mỗi lần chỉ tập trung khoảng 15 ngày, bàn bạc trao đổi một - hai vấn đề, đi sâu kết hợp lý thuyết với khái quát hóa kinh nghiệm, vừa có thực tế mắt thấy tai nghe tại điểm, vừa tham gia trực tiếp thực hiện. Nội dung tập huấn sẽ nâng cao dần theo từng đợt, trước hết gồm những vấn đề đang còn yếu trong nông nghiệp hiện nay là chăn nuôi, phân bón, vấn đề quản lý ruộng đất, lao động, quản lý ngành nghề, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa các ngành nghề, xây dựng quỹ phúc lợi tập thể... Do đó, chúng tôi tin trình độ mọi mặt của các chủ nhiệm hợp tác xã sẽ được nâng dần lên từng thời gian, bằng kinh nghiệm của điển hình và của bản thân.

Về cán bộ, chúng tôi thực hiện quy hoạch cán bộ, tổ chức việc đào tạo cán bộ cả trong thực tiễn sản xuất và trong các trường lớp chính quy. Huyện

sẽ mở các lớp đào tạo cán bộ nông nghiệp sơ cấp: đội trưởng, đội phó trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp... Tỉnh sẽ mở lớp cao đẳng nông nghiệp (kế hoạch đã được Trung ương duyệt, bảo đảm sau năm năm tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật). Đồng thời mở một hệ thống trường học quản lý cho các ngành quản lý nông nghiệp và lâm nghiệp. Chúng tôi chủ ý kết hợp việc đào tạo cán bộ lãnh đạo với cán bộ quản lý. Chúng tôi sẽ dựa trên kế hoạch tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện mà tổng kết từng bước kinh nghiệm đưa cơ giới vào nông nghiệp của huyện Thanh-oai, kinh doanh sản xuất ở miền núi của huyện Tân-lạc, phát triển kinh tế ở vùng trung du của huyện Ba-vi. Dựa vào kinh nghiệm đó, chúng tôi kết hợp kiện toàn cấp xã với việc tăng cường sự chỉ đạo, tăng cường cơ sở vật chất của huyện, thật sự phát huy vai trò của cấp huyện. Hiện nay ở tỉnh chúng tôi cấp huyện chưa đủ sức năng lực lãnh đạo các xã, không đủ sức nắm các xã. Để sửa đổi một cách căn bản tình hình đó chúng tôi một mặt kiện toàn cấp huyện, trước hết nâng cao trình độ các huyện ủy viên. Các huyện ủy viên phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trình độ quản lý kinh tế, nghiệp vụ và văn hóa của mình, phải nắm được kinh nghiệm chỉ đạo, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình. Mặt khác, chúng tôi cố gắng xây dựng trong phạm vi khả năng của mình với sự giúp đỡ của Trung ương, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho huyện: vật tư, kỹ thuật, phương tiện quản lý, theo đà tiến bộ của nền kinh tế địa phương chúng tôi. Các cơ quan nông nghiệp, thị đua, tuyên truyền báo chí, mỗi cơ quan theo chức trách của mình, phát huy vai trò tổ chức và động viên, góp phần đưa phong trào cách mạng quần chúng tiến lên.



(Xem tiếp trang 75)

LÝ TƯỞNG VÀ CUỘC SỐNG CỦA THẾ HỆ TRẺ NGÀY NAY

VŨ CÔNG CÂN

TRONG cuộc sống, loài người khác loài vật ở chỗ có ý thức về sự sống. Do có ý thức về sự sống mà loài người, ngay từ buổi bình minh của lịch sử, đã có những ước mơ về cuộc sống và dần dần từng bước phấn đấu thực hiện những ước mơ từ thấp lên cao trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội, làm cho cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Cuộc sống của con người khác cuộc sống của loài vật ở chỗ loài người có ý thức về sự sống, biết mình sống để làm gì, còn loài vật chỉ sống và hạnh động theo bản năng của chúng mà thôi » (1). Ước mơ, lý tưởng của con người nảy sinh từ cuộc sống, và việc thực hiện ước mơ, lý tưởng làm cho cuộc sống của con người ngày một phát triển toàn diện và cao hơn. Những người có lý tưởng thường có những ước mơ cao đẹp, gắn với mục tiêu thực tế trước mắt và lâu dài trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên, cải tạo và xây dựng xã hội.

Mỗi một chế độ xã hội có ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành, phát triển, nuôi dưỡng, thực hiện ước mơ của thế hệ trẻ trong chế độ xã hội đó. *Sống có ước mơ là bản năng, đặc tính*

của tuổi trẻ. Tuổi trẻ là tuổi hướng về tương lai, mơ ước tương lai. Những ước mơ ấy kêu gọi được sức mạnh của tuổi thanh xuân, tạo cho tuổi trẻ nghị lực vượt qua gian khổ khó khăn, giúp họ « chấp cánh bay lên » như các nhà thơ thường hình tượng hóa.

Tuổi trẻ thường mong muốn sống có mục đích tốt đẹp, sống có lý tưởng. Lý tưởng đi liền với tuổi trẻ và cuộc sống của tuổi trẻ không thể thiếu được lý tưởng, như nhà văn lớn xô-viết Mácxim Gôóc-ki đã nói: « Tuổi thanh niên không có lý tưởng cũng như bài ca thiếu vần thơ » (2). Ước mơ của tuổi trẻ nếu được kêu gọi, cổ vũ, nuôi dưỡng và phát triển theo hướng cao hơn với mục đích đúng đắn, cao đẹp, sẽ trở thành *lý tưởng của cuộc sống.* Lý tưởng làm cho thế hệ trẻ xác định rõ ràng đường đi đúng đắn của đời mình, giúp cho họ dám nhìn về phía trước, vững bước tiến đến tương lai, gắn mình với vận mệnh của đất nước, dân tộc và rộng ra là với sự nghiệp cách mạng chung của tất cả những

(1) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 140.

(2) Xem báo *Tiến phong*, năm 1977, số 35, trang 3.

người lao động, những người bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới. Lý tưởng cuộc sống của thế hệ trẻ, vì vậy, gắn chặt với xã hội, với quy luật tiến hóa của lịch sử loài người, với phương hướng đi lên của xã hội và cách mạng.

Lý tưởng chi phối toàn bộ cuộc sống của con người, và cuộc sống của con người có lý tưởng hướng vào việc phục vụ cho lý tưởng cuộc sống của mình. Lý tưởng làm cho cuộc sống con người trở thành cao đẹp, làm cho con người có niềm tin sắt đá, ý chí kiên định, nghị lực lớn lao để phấn đấu thực hiện lý tưởng và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng. Lịch sử loài người mãi mãi ghi công của hàng vạn anh hùng hữu danh và vô danh đã vượt qua mọi gian khổ khó khăn, cống hiến cả đời mình, thậm chí hy sinh cả thân mình, bất chấp lưỡi gươm, họng súng, lửa thiêu... của cường quyền phong kiến, tôn giáo, tư bản... để thực hiện lý tưởng cao đẹp của mình, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chính phục thiên nhiên, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Chính lý tưởng đã làm tăng sức mạnh của con người một cách diệu kỳ. Nếu con người, như Lê-nin đã nói, không có ước mơ, lý tưởng thì « động cơ nào sẽ làm cho người ấy tiến hành và hoàn thành tốt được những công trình lớn lao và vất vả trong nghệ thuật, khoa học và đời sống thực tế » (3).

Nói đến *lý tưởng của cuộc sống* là nói đến cái gì cao đẹp, cho nên trong thời đại chúng ta chỉ có mục đích cuộc sống của giai cấp công nhân, của những người lao động bị áp bức bóc lột, của tất cả những ai tự nguyện đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng chân chính mới đáng gọi là *lý tưởng của cuộc sống*. Còn mục đích cuộc sống của các giai cấp bóc lột, thống trị, các thế lực phản động và bè lũ tay sai của chúng không thể gọi là lý tưởng của cuộc sống mặc dù chúng

cũng vẫn thường nói đến « lý tưởng ». Bè lũ Ngô-Dinh-Diệm, Nguyễn-Văn-Thiệu, tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta trước đây, đã chẳng không ngót rêu rao về lý tưởng « quốc gia », « dân chủ » của chúng đấy sao? Hoặc như hiện nay, tập đoàn phản cách mạng Pôn Pốt - lêng Xa-ry, được thế lực phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh nuôi dưỡng và sử dụng, đã chẳng luôn mồm tự xưng là « cộng sản », khoe khoang chúng đang « xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong sạch » và « tuyệt vời », đang « thực hiện lý tưởng cộng sản » đấy hay sao? Thật ra, chúng làm gì có lý tưởng. Chúng chỉ có *những mục đích thấp hèn của cuộc sống* (về mặt chính trị, kinh tế...) mà thôi.

Mục đích cuộc sống có *tính giai cấp*. Trong xã hội có giai cấp, mục đích cuộc sống, của mỗi giai cấp do *thế giới quan và nhân sinh quan* của giai cấp, đó chi phối và quyết định. Hồ Chủ tịch đã phân tích: « Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chúng do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng « ngồi mát ăn bát vàng ». Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ « đạo đức », « tự do », « dân chủ » v.v. »

Không thể chịu áp bức bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm *cách mạng* để tự giải phóng và *đề cải tạo* xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no, sung sướng, không có người bóc lột người » (4).

Cuộc sống có lý tưởng và cuộc sống không có lý tưởng chỉ có những mục

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập V, trang 612.

(4) Hồ Chủ tịch *bản về giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 198—199.

đích thấp hèn, là những cuộc sống hoàn toàn khác nhau về bản chất. Cuộc sống có lý tưởng là cuộc sống cao đẹp, sống đầy đủ nhất (nói theo nghĩa toàn diện của cuộc sống), một cuộc sống xứng đáng, đáng sống. Còn cuộc sống không có lý tưởng là cuộc sống đầy dẫy những vô vị, chán chường, những tầm thường, nhỏ nhen.

cuộc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: “Không phải, mọi người sinh ra là đã có lý tưởng, phẩm chất tốt đẹp cả. Lý tưởng, phẩm chất cách mạng chỉ có thể được hình thành trong quá trình đấu tranh cách mạng, trong sản xuất, chiến đấu và tu dưỡng” (5).



Là con em của một dân tộc anh hùng có hơn bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, thế hệ trẻ Việt-nam kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc: truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động xây dựng đất nước, và đoàn kết, mưu trí, anh dũng, kiên cường trong kháng chiến chống bọn cướp nước, giành và giữ độc lập, tự do của dân tộc, bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Truyền thống hết sức quý báu ấy cũng chính là lý tưởng cuộc sống truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác của dân tộc ta. Hồ Chủ tịch – người cộng sản Việt-nam quang vinh đầu tiên – cùng với Đảng ta, trong hơn nửa thế kỷ qua, tiếp thụ và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống vẻ vang của dân tộc với chân lý cách mạng sáng ngời của thời đại, đã nâng cao ước mơ, lý tưởng ngàn đời của dân tộc, đem lại cho nhân dân và thế hệ trẻ nước ta *lý tưởng cách mạng* có sức mạnh vô địch: *Độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*. Con đường cách mạng đầy hy sinh, gian khổ nhưng hết sức vẻ vang của những thanh niên cách mạng, những người cộng sản Việt-nam mà tiêu biểu là Bác Hồ vĩ đại, đã và đang đi, là con đường phấn đấu không mệt mỏi cho việc thực hiện lý tưởng cách mạng cao

(5) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 199.

đẹp đó. Hồ Chủ tịch thường xuyên nhắc nhở: «*Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới*» (6).

Là người trực tiếp lãnh đạo thế hệ trẻ, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã hết sức coi trọng việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, *coi đó là vấn đề quan trọng hàng đầu* của sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ Việt-nam, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng, bảo đảm thắng lợi ngày nay và mai sau, cho sự nghiệp cách mạng về vang của nhân dân ta. Đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích: «*Thanh niên có mạnh, dân tộc mới mạnh. Nhưng cái gì đã tạo nên sức mạnh «dời núi lấp biển» của thanh niên ta? Phải chăng sức mạnh đó đã bắt nguồn từ lý tưởng cách mạng, lý tưởng chiến đấu* do Đảng ta giáo dục và bồi dưỡng cho thanh niên từ mấy chục năm nay?» (7).

Có đặt vấn đề bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên trong toàn bộ cuộc đấu tranh giải cấp đang diễn ra hết sức gay gắt và liên tục ở trong nước cũng như trên thế giới, có xem xét vấn đề này trong bối cảnh bẽ bủ phản động quốc tế câu kết với chủ nghĩa đế quốc tìm mọi cách giành giật thế hệ trẻ với chúng ta một cách quyết liệt để thực hiện những mưu đồ đen tối của chúng, mới thấy hết ý nghĩa sâu sắc của những kết quả đã đạt được và công lao to lớn của Đảng ta và Hồ Chủ tịch trong sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ nước ta, cũng như của những yêu cầu đang và sẽ đặt ra đối với sự nghiệp đó.

Coi cách mạng là sự nghiệp vĩ đại của cả dân tộc mà thanh niên lại là một bộ phận quan trọng, coi «*một năm khởi đầu từ mùa Xuân*», «*một*

dời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội» (8), thế hệ trẻ lại là người chủ hiện tại và tương lai của nước nhà. Đảng ta đã hết sức quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, *làm cho lý tưởng cách mạng luôn luôn gắn liền với cuộc sống của thế hệ trẻ, lý tưởng cách mạng trở thành mục đích cao đẹp cuộc sống của thế hệ trẻ*. Thông qua việc tổ chức đưa thế hệ trẻ vào hành động cách mạng, rèn luyện họ trong lò lửa đấu tranh chính phục thiên nhiên, đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, Đảng ta đã giáo dục, bồi dưỡng, vũ trang cho cuộc sống của họ lý tưởng cách mạng bách chiến bách thắng của Đảng, làm cho họ nhanh chóng trưởng thành, có những cống hiến về vang đối với Tổ quốc và dân tộc. Lý tưởng cách mạng đã trở thành động lực đấu tranh và nguồn gốc sức mạnh vô địch của thế hệ trẻ.

Lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ Việt-nam là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và chế độ xã hội chủ nghĩa đã thật sự là chỗ dựa vững chắc và điều kiện thuận lợi bảo đảm thành công cho việc giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.



Xây dựng và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ là yêu cầu khách quan của cách mạng đồng thời cũng là nguyện vọng thiết tha của thế hệ trẻ nước ta.

Lý tưởng cao đẹp của thế hệ trẻ Việt-nam ngày nay là ra sức phấn đấu cho sự toàn thắng của những mục tiêu

(6) Trích theo báo *Tiền phong*, số 24, tháng 6-78, trang 3.

(7) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 179.

(8) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập 1, trang 73.

cách mạng mà Đảng ta đã đề ra: **chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản**. Xuất phát từ cơ sở lý luận khoa học và từ thực tiễn cách mạng nước ta, lý tưởng đó bắt rễ mỗi ngày một vững chắc vào thể hệ trẻ Việt-nam và có sức mạnh lớn lao. Lý tưởng đó là mục tiêu phấn đấu suốt cả cuộc đời của mỗi một thanh niên. Hạnh phúc lớn lao nhất của thể hệ trẻ Việt-nam là suốt đời phấn đấu thực hiện thành công lý tưởng cách mạng cao quý đó dưới ngọn cờ lãnh đạo bách chiến bách thắng của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng, là mục tiêu cách mạng của thể hệ trẻ Việt-nam. Để thực hiện mục tiêu cách mạng lâu dài đó, chúng ta phải phấn đấu thực hiện từng bước những **mục tiêu cách mạng trước mắt**, có thể gọi là **lý tưởng cách mạng cụ thể** trong từng giai đoạn cách mạng. Mục tiêu cách mạng do Đại hội lần thứ IV của Đảng cùng những Nghị quyết 2, 3 và 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra gần đây: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chính là **lý tưởng cách mạng cụ thể hiện nay của thể hệ trẻ Việt-nam ta**. Tin tưởng vào ý thức giác ngộ về lý tưởng cách mạng và tiềm năng cùng năng lực làm chủ tập thể của mình, thể hệ trẻ nước ta coi việc phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng cách mạng cụ thể đó là trách nhiệm, vinh dự và niềm hạnh phúc lớn lao nhất của mình trong giai đoạn mới của cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói với thanh niên ta: «Hạnh phúc lớn lao nhất của thanh niên là cống hiến trọn vẹn tuổi trẻ của mình cho sự nghiệp cách mạng cao cả đó. Vinh quang và hạnh phúc thuộc về những ai biết cống hiến thật nhiều cho chủ nghĩa xã hội, cho lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc» (9).

Lý tưởng cách mạng không phải là một cái gì trừu tượng. Lý tưởng cách mạng chung của cả thể hệ trẻ Việt-nam cũng là lý tưởng của mỗi một

bạn trẻ, nhưng lý tưởng cách mạng chung đó phải được thể hiện ở từng người bằng những nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công trong chế độ xã hội chủ nghĩa có lãnh đạo, có tổ chức của chúng ta. Thực hiện lý tưởng cuộc sống của mình, trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, mỗi một đoàn viên và thanh niên ta sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất kỳ việc gì mà Tổ quốc cần đến, và với ý thức làm chủ tập thể cao, đem hết tài năng và tinh thần sáng tạo hoàn thành thật xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Chọn con đường vào đời là vấn đề hết sức quan trọng đối với mỗi một thanh niên để thực hiện một cách cụ thể lý tưởng cách mạng của mình. Tại những «Diễn đàn thanh niên» do các cơ sở Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh tổ chức về những chủ đề «lý tưởng của thanh niên», «tương lai và tiền đồ của tuổi trẻ», «con đường vào đời của thanh niên»..., đại đa số các bạn trẻ đã có những suy nghĩ đúng đắn, tỏ ra vững vàng trong việc xác định lý tưởng cách mạng của mình trên cương vị và nhiệm vụ công tác cụ thể. Sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa chúng ta ngày nay đang mở ra cho thể hệ trẻ nước ta hàng trăm nẻo đường thênh thang để cùng đi về một mục đích, một lý tưởng, đề cống hiến và tiến bộ, trưởng thành. Nhiều bạn trẻ học xong phổ thông đã trở thành những xã viên hợp tác xã nông nghiệp, những công nhân các nhà máy, công, nông, lâm trường, những mậu dịch viên, những cô nuôi dạy trẻ, những thầy giáo, những kỹ thuật viên... say sưa với nhiệm vụ, có những cống hiến xứng đáng và trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt. Nhiều bạn trẻ ở các thành phố, tỉnh đồng bằng đông dân đã trở thành những người lính tiên phong của đội quân lao động đi xây dựng

(9) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên Hà-nội, 1966, trang 142.

những vùng kinh tế mới, tiến công những vùng đất nông nghiệp hoang hóa, đánh thức 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng ra khỏi giấc ngủ triền miên hàng thế kỷ nay, chinh phục 1,3 triệu ki-lô-mét vuông biển cả và thêm lục địa để làm giàu cho Tổ quốc. Nhiều bạn trẻ khác gia nhập các lực lượng vũ trang đã rèn luyện tốt, luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, và anh dũng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ thanh niên trí thức say mê sáng tạo, cống hiến thật nhiều cho Tổ quốc. Sức mạnh của thế hệ trẻ bắt nguồn từ lý tưởng cách mạng, đã góp phần quan trọng làm nên sức mạnh to lớn của dân tộc ta.

Ở các bạn trẻ đó, *cuộc sống và lý tưởng đã gắn bó chặt chẽ với nhau và lý tưởng cách mạng đã trở thành mục đích và nội dung cao đẹp của cuộc sống.*

Tiếc thay! Còn một số ít thanh niên chỉ mới có cuộc sống mà chưa có lý tưởng, hoặc nói một cách khác, chỉ mới có cuộc sống tầm thường của bản thân với những mục đích thấp kém của cuộc sống cá nhân mà thôi. Cuộc sống ấy còn ở ngoài lề xã hội, chưa có ích gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là cuộc sống ăn bám xã hội của những người có nghĩa vụ phục vụ đất nước mà ngại lao động, ngại những công việc vất vả, ngại gian khổ khó khăn, ngại xa thành phố, ngại công tác ở rừng núi, v.v. Cuộc sống của tuổi trẻ không được vũ trang bằng lý tưởng cách mạng đã đánh là cuộc sống tầm thường nhưng theo quy luật của cuộc sống, mức độ thấp kém đó không phải chỉ dừng lại ở đây. Nhân dân ta thường nói "nhân cư vi bất thiện": nếu cuộc sống, nhất là cuộc sống của thanh niên, mà chỉ có ăn không ngồi rồi, chờ việc nhân hạ, không được cuốn hút vào những công tác cụ thể, sôi động của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì cuộc sống đó sẽ là miếng đất tốt cho những hiện tượng tiêu cực (như lối lẩn tránh trong sinh hoạt, cần quấy,

phe phây, làm ăn bất chính..., thậm chí phạm pháp) phát triển.

Hiện nay, bên cạnh hàng chục vạn thanh niên ở miền Nam đã tham gia các hoạt động cách mạng từ sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng (tham gia các đội thanh niên xung phong xây dựng các vùng kinh tế; tham gia cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, quản lý thị trường; tham gia cải tạo nông nghiệp; giữ gìn trật tự an ninh, phục vụ chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc), và có nhiều tiến bộ, đáng khen ngợi, cũng còn một số ít thanh niên hư hỏng ở các thành thị chưa có chuyển biến tốt, cần được giúp đỡ nhiều hơn nữa. Chưa nói đến ước mơ cao đẹp và lý tưởng là điều còn rất xa lạ đối với họ, mà ngay cả cuộc sống bình thường cũng chưa đến với họ. Ở miền Bắc, lúc đầu một số ít thanh niên lạc hậu đua đòi, chạy theo những thị hiếu tầm thường, thấp kém trong cuộc sống, xao lãng lý tưởng cao đẹp vốn có của chế độ xã hội chủ nghĩa, xa lạ dần với những phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ nước ta ngày nay, cũng cần được giáo dục, rèn luyện một cách tích cực. Đó là điều mà Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các cơ quan có trách nhiệm đang quan tâm.

Phong trào *"Ba xung kích làm chủ tập thể"* phát động trong thanh niên cả nước ta từ đầu năm nay đang phát triển mạnh mẽ và được tiếp tục nâng lên một bước trong tình hình và nhiệm vụ mới, với việc tổ chức *lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*, là thời cơ tốt và điều kiện thuận lợi mới để thế hệ trẻ Việt-nam thực hiện lý tưởng cách mạng của mình. Đợt sinh hoạt chủ đề *"Đất nước và tuổi trẻ"* do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh tổ chức từ đầu năm nay, được Hội nghị lần thứ 26 Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh họp gần đây quyết định nâng lên thành chủ đề *"Tuổi trẻ và*

Tổ quốc xã hội chủ nghĩa», đã thu hút hàng triệu đoàn viên và thanh niên tham gia sôi nổi, nhất là từ khi tập đoàn phản động trong giới cần quyền Bắc-kinh công khai ráo riết thi hành chính sách thù địch đối với cách mạng nước ta. Đợt sinh hoạt chủ đề cùng với việc trên 7 triệu rưỡi đoàn viên và thanh niên trong cả nước đăng ký tham gia *lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* đã làm bùng lên khí thế cách mạng mạnh mẽ của phong trào thanh niên cả nước, thể hiện cụ thể lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ Việt-nam trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ngày nay, lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ nước ta được thể hiện tập trung trong phong trào *«Ba xung kích làm chủ tập thể»* với những nhiệm vụ cụ thể là: hăng hái thi đua lao động sản xuất, hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1978 và các kế hoạch tiếp sau; sẵn sàng tinh nguyện lên đường làm mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc cần; hăng hái gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đề cho cuộc đời mình có ý nghĩa, mỗi một thanh niên chúng ta cần giải quyết tốt hai vấn đề: *xây dựng lý tưởng cách mạng và phấn đấu thực hiện lý tưởng*. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau. Xây dựng được lý tưởng cách mạng cho cuộc sống đã là việc khó nhưng phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng lại càng khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của mỗi người chúng ta. Không ít người do ý chí cách mạng giảm sút, nghị lực cách mạng không còn, đã chùn bước ngã lòng trước những gian khổ, khó khăn hoặc bị những dục vọng thấp hèn của cuộc sống chinh phục mà bỏ dở con đường cách mạng, cam tâm làm kẻ chiến bại, thậm chí có trường hợp phản lại chính lý tưởng của mình.

Người xưa đã nói một cách triết lý: *«Đường đời đi khó nhưng không khó vì ngàn sông cách núi mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông!»*.

Đoàn viên và thanh niên ta cần qua học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lịch sử cách mạng Việt-nam, lịch sử của Đảng ta, đường lối chính sách của Đảng... mà tự xây dựng và kiên định thế giới quan chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước nồng nàn với ý thức giác ngộ cao về giai cấp công nhân, kiên quyết chiến đấu suốt đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Mỗi một đoàn viên và thanh niên luôn luôn tự bồi dưỡng và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có dũng khí đấu tranh bất khuất, kiên cường, không sợ gian khổ hy sinh, sẵn sàng quên mình vì cách mạng như những gương anh hùng của nhiều đơn vị, cá nhân thanh niên ta hiện nay trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà tiêu biểu là anh hùng liệt sĩ Lê-dinh-Chinh và Đoàn công an nhân dân vũ trang Thanh-xuyên. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: *«Cuộc sống chỉ cao quý khi chúng ta sống có lý tưởng và đề thực hiện lý tưởng khi cần có thể xả thân vì sự nghiệp chung của dân tộc, của giai cấp»* (10).

Đề *phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng cách mạng*, mỗi một đoàn viên và thanh niên không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mình. Năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm những yếu tố chủ yếu: trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý kinh tế; trình độ.

(10) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa* Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 140.

khả năng tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ công tác nhất định; trình độ văn động, tổ chức quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng, v.v. Những năm gần đây, thanh niên ta có nhiều tiến bộ về văn hóa, khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ, đó là cơ sở thuận lợi cho việc phấn đấu thực hiện lý tưởng trong các nhiệm vụ cụ thể được giao cho. Như ở nhà máy ô-tô Ngô-Gia-Tự, 77% tổng số thanh niên có trình độ văn hóa cấp III và đại học; ở mỏ than Hà-lăm (Quảng-ninh) về kỹ thuật 28,65% tổng số đoàn viên và thanh niên có trình độ sơ cấp, 13,22% có trình độ trung cấp và 2,37% có trình độ cao cấp. Trong nông nghiệp, thanh niên ở các hợp tác xã cũng là lực lượng chủ yếu nắm kỹ thuật trong mọi khâu cụ thể sản xuất. Theo Niên giám thống kê tóm tắt năm 1975 thì ở miền Bắc 7,8% thanh niên trong nông nghiệp được đào tạo một cách hoàn chỉnh, 22,4% thanh niên công nhân được đào tạo vững về tay nghề và 1,5% thanh niên có trình độ đại học. Tuy nhiên, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các cơ quan có trách nhiệm còn tiếp tục tăng cường hơn nữa việc động viên, khuyến khích, giúp đỡ thanh niên tiếp tục học tập văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ tập thể. Theo tài liệu khảo sát về tình hình thể hệ trẻ gần đây ở một số địa phương, cơ sở thì tại 4 xí nghiệp ở Hà-nội mới có 53% tổng số thanh niên tham gia học tập thêm tại các trường, lớp ngoài giờ sản xuất; ở các công trường tỷ lệ đó còn thấp hơn nhiều: mới có 18%. Qua 62 phiếu trưng cầu ý kiến của thanh niên ở một số cơ sở, chỉ có 20 phiếu thể hiện xu hướng muốn tiếp tục học tập thêm ngoài giờ sản xuất về văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ.

Nâng cao năng lực làm chủ tập thể của thể hệ trẻ để họ có đủ khả năng thực hiện lý tưởng cách mạng là nhiệm vụ trực tiếp và cụ thể của

toàn hệ thống chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cũng như của chủ quan mỗi một đoàn viên và thanh niên. Khó có thể nói rằng thể hệ trẻ thực hiện tốt lý tưởng cách mạng của mình một khi năng lực làm chủ tập thể của chính bản thân họ lại thấp kém. Và « điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ (tức thể hệ trẻ - VCC) không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi » (11).

★

Trong cuộc đời của mỗi người, giai đoạn nào trong đời cũng hết sức quý giá nhưng nói cho cùng thì tuổi trẻ là tuổi quý nhất vì tuổi trẻ là tuổi nuôi dưỡng nhiều ước mơ, khát khao với lý tưởng nhất và cũng là tuổi có nhiều khả năng nhất để thực hiện ước mơ, lý tưởng, nhất là tuổi trẻ trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thanh niên ta nhiều người đã đọc và say mê tác phẩm nổi tiếng *Thép đã tôi thế đấy* với nhân vật Pa-ven và rất đồng tình với tác giả Nhi-cô-lai Ô-xơ-rốp-xki: « Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Đời người chỉ sống có một lần, phải sống làm sao để khỏi phải xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống thừa, để khỏi phải hổ thẹn vì một đi vắng tiện và dón hèn, và để khi hấp hối có thể nói rằng: suốt cả đời tôi và sức tôi đều đã cống hiến cho sự nghiệp đẹp đẽ nhất thế giới: sự nghiệp đấu tranh giải phóng nhân loại ».

Được Đảng giáo dục, tổ chức và lãnh đạo, thể hệ trẻ nước ta, vũ trang bằng lý tưởng bách chiến bách thắng của Đảng, nhất định sẽ sống một cuộc sống có ý nghĩa cao đẹp, sẽ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và phấn đấu suốt đời cho thắng lợi của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

(11) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 350.

TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TIÊU CÔNG NGHIỆP VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

NGUYỄN-BÍCH



TIÊU công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh và thành phố miền Nam có một tiềm lực khá lớn. Với hàng chục nghìn cơ sở lớn nhỏ khác nhau thuộc nhiều ngành nghề thiết yếu đối với đời sống và xuất khẩu, hàng năm nó có khả năng sản xuất hàng tỷ đồng về giá trị hàng hóa. Với công cụ sản xuất và thiết bị của một số cơ sở tương đối tốt, với tay nghề khéo léo của thợ thủ công, trước đây lại có điều kiện tiếp xúc với sinh hoạt của các nước có nền kinh tế phát triển, tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam đã sản xuất một khối lượng hàng hóa có phẩm chất tốt, mặt hàng phong phú, đa dạng, có trình độ mỹ thuật khá, thỏa mãn được ở mức độ nào đó nhu cầu muôn hình muôn vẻ của nhân dân. Trên một số mặt hàng, tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp đã làm ra được một số sản phẩm vượt xa khả năng của từng cơ sở cá biệt, đem lại hiệu quả kinh tế tốt.

Nhưng nói chung, do còn trong tình trạng sản xuất nhỏ, một thời gian lại bị tác động của các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, cho nên tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam vẫn còn nhiều nhược điểm và nét tiêu cực. Mặc dù vậy, trên con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, một chính sách kinh tế đúng đắn đòi hỏi chúng ta phải

phát huy, mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất của tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam trên cơ sở cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, nền chuyên chính vô sản đã được xác lập và ngày càng củng cố, kinh tế quốc doanh đã chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực đã và đang được tiến hành một cách toàn diện và sâu sắc. Các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội bắt đầu phát huy tác dụng ở miền Nam. Trong điều kiện ấy, chúng ta hoàn toàn có khả năng cải tạo, tổ chức lại sản xuất của tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam, đưa nó tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp với sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, sản xuất nhỏ và phân tán, trình độ trang bị kỹ thuật nói chung thấp, phân công lao động đơn giản, năng suất lao động thấp, lại quen chịu tác động của các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, cần được cải tạo theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội và phải được tổ chức lại, để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là một tất yếu kinh tế khách quan.

Mục đích cơ bản, bao trùm của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ

chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là tạo ra những điều kiện, những tiền đề nhất thiết phải có để phát triển sản xuất. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất phải làm cho thợ thủ công yên tâm, phấn khởi đem hết nhiệt tình ra xây dựng chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và hợp tác hóa, thúc đẩy phong trào cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, từ đó làm cho sản phẩm của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển về số lượng, phong phú về chủng loại và mặt hàng, có trình độ mỹ thuật và chất lượng cao hơn trước, phục vụ một cách nhạy bén và thuận lợi cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đây là thước đo kết quả của cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, chỉ đạo thực hiện, tốt hay không tốt.

Dương nhiên, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cũng là một quá trình hạn chế và xóa bỏ những mặt tiêu cực của nó do chế độ kinh tế cũ để lại. Song, nhất thiết không được vì vậy mà gây trở ngại cho sản xuất; ngược lại, *phải duy trì và phát triển được sản xuất. Đó là tư tưởng chỉ đạo* quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Muốn thực hiện được mục đích bao quát ấy, chúng ta cần quan tâm giải quyết mấy vấn đề chủ yếu dưới đây:

Một là, *tiến hành quy hoạch sản xuất*. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là một bộ phận quan trọng của kinh tế địa phương, đồng thời lại nằm trong từng ngành công nghiệp của cả nước. Quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là một thể thống nhất, dựa vào nhau để phát triển trên một quy hoạch chung.

Trên cơ sở điều tra, nắm vững năng lực sản xuất của từng ngành

công nghiệp trong cả nước, dựa trên phương hướng phát triển trước mắt và lâu dài, có sự sắp xếp hợp lý theo tư tưởng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có phân công, hợp tác, tạo nên một trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất, thì năng lực của từng ngành công nghiệp sẽ được nâng cao lên rất nhiều. Từ đó, chúng ta sẽ tiết kiệm được vốn đầu tư, sản xuất được nhiều sản phẩm mà trước đây không làm được, hiệu quả kinh tế chung của nền kinh tế quốc dân và của từng cơ sở sẽ được nâng lên rất nhiều. Trong quy hoạch, cần xác định rõ, đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì công nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cùng làm; đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì để cho các hợp tác xã thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp sản xuất mà quốc doanh chưa làm hoặc không làm; đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì chỉ phát triển công nghiệp quốc doanh mà không sử dụng các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Trong tình hình sản xuất chưa ổn định, việc quy hoạch sản xuất tuy có nhiều khó khăn nhưng không phải là không làm được. Điều quan trọng là cần điều tra nắm chắc tình hình, xác định cho được phương hướng sản xuất, đứng trên lợi ích kinh tế của cả nước, chống tư tưởng bản vị, cục bộ, địa phương để phân công, sắp xếp các khu vực kinh tế một cách hợp lý. Với chức năng quản lý toàn ngành trong cả nước, các ngành *quản lý* kinh tế ở trung ương cần chủ động và giữ vai trò quyết định trong việc làm quy hoạch.

Hai là, *áp dụng các hình thức cải tạo hợp lý*. Đưa tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào sản xuất dưới hình thức nào là một nội dung quan trọng của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất. Chọn được hình thức tổ chức hợp lý phù

hợp với đặc điểm kinh tế — kỹ thuật của từng mặt hàng khác nhau sẽ tạo ra những điều kiện cần thiết cho tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp đổi mới kỹ thuật, phân công lại lao động, chuyên môn hóa thao tác. Đó cũng là những điều kiện để phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh chóng và vững chắc. Ngược lại, nếu sắp xếp tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp một cách máy móc, đơn giản, không phù hợp với đặc điểm kinh tế — kỹ thuật của từng mặt hàng khác nhau sẽ hạn chế sản xuất, làm cho mặt hàng của nó nghèo nàn, đơn điệu, gây trở ngại cho người tiêu dùng.

Dưới đây là những hình thức phổ biến cần được nghiên cứu vận dụng cho thích hợp với đặc điểm riêng của từng ngành nghề

Hợp tác xã sản xuất là đơn vị kinh tế cơ sở, có tư cách pháp nhân, đơn vị hạch toán kinh tế theo nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở đây, tư liệu sản xuất được tập thể hóa, lao động tập thể và phân phối theo lao động được thực hiện. Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã mà thực hiện chế độ khấu hao tài sản cố định, tích lũy để tái sản xuất mở rộng, lập các quỹ phúc lợi tập thể để chăm lo đời sống chung của xã viên. Hợp tác xã sản xuất là một tổ chức kinh tế tập thể, trong đó các thành viên của hợp tác xã gắn bó với nhau, phụ thuộc lẫn nhau trên cơ sở sản xuất và kinh doanh chung; thu nhập, đời sống của từng người về cơ bản phụ thuộc vào sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Hợp tác xã sản xuất chỉ nên bao gồm các ngành, nghề có phương hướng phát triển ổn định, có điều kiện và nhất thiết phải sản xuất tập trung để đổi mới công cụ, thiết bị, tổ chức lại dây chuyền sản xuất. Trên cơ sở đó mà chuyên môn hóa thao tác, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Không nên đưa vào hợp tác xã sản xuất những ngành, nghề mà điều kiện sản xuất chưa đòi hỏi hoặc chưa cho phép đổi mới công cụ, thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất, và sản xuất tập trung vẫn không đem lại một tiến bộ gì về năng suất lao động và chất lượng hàng hóa so với sản xuất phân tán.

Chúng ta cần thấy rằng, đối với những cơ sở sản xuất cá thể không yêu cầu sản xuất tập trung mà lại tổ chức thành các hợp tác xã sản xuất thì chẳng những không đem lại hiệu quả kinh tế tốt hơn mà trái lại làm cho công tác quản lý phức tạp, chi phí về quản lý sản xuất tăng lên, hiện tượng dựa dẫm vào nhau có điều kiện phát sinh. Do đó, khi đã tổ chức thành hợp tác xã sản xuất, nhất thiết phải tổ chức lại dây chuyền sản xuất theo hướng chuyên môn hóa lao động, đổi mới công cụ và thiết bị; nếu không làm được những việc này thì tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới không thể có được, trái lại những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất dễ phát sinh và phát triển.

Tổ sản xuất, về cơ bản giống như hợp tác xã sản xuất; nó cũng tiến hành lao động tập thể và phân phối theo lao động. Tất nhiên là quy mô tổ sản xuất nhỏ hơn hợp tác xã sản xuất. Thông thường có hai loại tổ sản xuất.

Trên một địa bàn nào đó, những người cùng sản xuất trong một ngành, nghề giống nhau đòi hỏi phải tổ chức lại với số lượng ít thì tổ chức thành tổ sản xuất. Các chế độ quản lý trong các tổ sản xuất loại này về cơ bản không khác gì chế độ quản lý trong các hợp tác xã sản xuất. Nếu xét về lâu dài, không có điều kiện và không đòi hỏi phải mở rộng quy mô sản xuất thì quỹ tích lũy không phải tập trung nhiều như ở hợp tác xã sản xuất.

Trên một địa bàn nào đó, những người sản xuất cùng một ngành, nghề phải được tổ chức lại với số lượng nhiều thì đã có điều kiện tổ chức

thành hợp tác xã sản xuất. Song, vì một lý do nào đó như phương hướng sản xuất chưa được xác định rõ, quần chúng chưa tự nguyện vào hợp tác xã, v.v. thì tạm thời có thể tổ chức thành tổ sản xuất. Trong trường hợp này, tổ sản xuất chỉ là hình thức quá độ, sau này có thể chuyển thành hợp tác xã sản xuất. Công tác quản lý ở đây dựa theo nguyên tắc quản lý hợp tác xã và yêu cầu của quần chúng mà tiến hành cho thích hợp.

Hợp tác xã và tổ cung tiêu - sản xuất. Đối với những ngành, nghề không đòi hỏi phải sản xuất tập thể, trái lại sản xuất, phục vụ riêng lẻ lại tiện lợi cho khách hàng, sử dụng được hợp lý lao động của người sản xuất, song trong quá trình sản xuất, kinh doanh lại đòi hỏi phải cùng mua chung nguyên liệu hay tiêu thụ chung hàng hóa thì nên tổ chức dưới hình thức tổ hoặc hợp tác xã cung tiêu - sản xuất. Về thực chất đây là sản xuất riêng lẻ, công cụ thuộc sở hữu cá thể, lao động riêng lẻ, hưởng thụ dựa trên kết quả lao động của từng cá nhân, do vậy, công tác quản lý hết sức đơn giản. Tùy theo nguyện vọng của quần chúng, ở đây chỉ nên lập quỹ tương trợ để giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn.

Hợp tác xã cung tiêu - sản xuất và tổ cung tiêu - sản xuất chỉ khác nhau về mặt quy mô mà thôi. Có loại hình cung tiêu - sản xuất được duy trì lâu dài. Trái lại, do những tiến bộ về kỹ thuật, có ngành, nghề nào đó về sau này được trang bị các loại máy móc và công cụ cải tiến đòi hỏi phải sản xuất tập trung mới hợp lý thì hình thức cung tiêu - sản xuất ở đây không còn thích hợp mà phải chuyển thành hợp tác xã sản xuất.

Sản xuất cá thể. Đối với những ngành, nghề không có yêu cầu hợp tác trong sản xuất cũng như trong thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là các nghề sửa chữa, phục vụ thì nên duy trì hình thức

sản xuất và phục vụ cá thể. Sau khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, một bộ phận thợ thủ công còn được duy trì sản xuất cá thể là vì lợi ích của sản xuất. Trong trường hợp này, sản xuất cá thể cần được giúp đỡ. Tất nhiên những người làm ăn riêng lẻ cũng phải được Nhà nước quản lý và bản thân họ phải nghiêm chỉnh chấp hành các thể lệ, chế độ và chính sách của Nhà nước.

Hiện nay ở miền Nam, các hình thức tổ chức trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp khá phong phú và phức tạp. Cần dựa vào các nguyên tắc trên đây mà sắp xếp lại cho hợp lý. Từ đó cần áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ và có hiệu lực. Điều quan trọng là tránh khuynh hướng giản đơn, chủ quan, nôn nóng, muốn đưa mọi ngành, nghề vào hợp tác xã sản xuất một cách hình thức, gây trở ngại cho sản xuất.

Ba là, đưa sản xuất của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được cải tạo dưới nhiều hình thức khác nhau: có bộ phận được tập thể hóa thuộc phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa, có bộ phận còn duy trì ở hình thức cá thể. Tuy nhiên, các thành phần ấy là những bộ phận của nền kinh tế quốc dân phát triển dưới sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Như vậy, điều quan trọng là không được gò ép tập thể hóa các ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp một cách hình thức mà chính là phải thực hiện một hệ thống quản lý hợp lý, thúc đẩy tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển đúng hướng nhằm phục vụ tốt quốc kế dân sinh.

Thật là sai lầm nếu hiểu một cách máy móc rằng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp chỉ là xóa bỏ mọi

hình thức sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, từ đó « đánh trống ghi tên » đưa mọi người vào hợp tác xã, nhưng sau đó lại buông trôi lãnh đạo, quản lý lỏng lẻo để hợp tác xã biến thành « phường hội » gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế quốc dân.

Đề đưa tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần sử dụng một cách đồng bộ các công cụ và chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước, từ công tác kế hoạch hóa, các thể lệ, chế độ về quản lý hành chính—kinh tế đến các đòn bẩy kinh tế, trong đó các chính sách về đòn bẩy kinh tế là hết sức quan trọng.

Nền kinh tế của ta hiện nay chưa ổn định, nhiều tính toán của các cơ quan quản lý kinh tế có trường hợp chưa ăn khớp với diễn biến thực tế, sản xuất của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp lại phức tạp, đa dạng, phân tán. Do đó, việc sử dụng các công cụ, biện pháp, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cần phải bảo đảm cả hai mặt: vừa giữ được tính nguyên tắc của công tác quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa thích ứng với đặc điểm sở hữu và sản xuất muôn hình muôn vẻ của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Công tác kế hoạch hóa chỉ nên tập trung thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản nhất mà Nhà nước quản lý và đưa vào cân đối trong nền kinh tế quốc dân như: các sản phẩm chủ yếu, vật tư, nhiên liệu, lao động được phân bổ cho khu vực này, v.v. Những mặt hàng thứ yếu muôn hình muôn vẻ trong đời sống không thể nào tính toán ăn khớp với nhu cầu xã hội, cần để cho cơ sở sản xuất căn cứ vào nhu cầu thị trường mà sản xuất.

Các thể lệ, chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước vừa phải thể hiện tính chất triệt để nghiêm túc, chống các hiện tượng làm ăn không đúng đắn,

vừa phải phù hợp với điều kiện chấp hành của các cơ sở sản xuất. Chống khuynh hướng hình thức chủ nghĩa, đưa ra nhiều chế độ, nguyên tắc một cách chi li, nhưng không ai chấp hành được và cuối cùng không ai tuân theo cả.

Các chính sách về đòn bẩy kinh tế cần quán triệt nguyên tắc phục vụ và thúc đẩy sản xuất, vừa bảo đảm lợi ích của Nhà nước, lợi ích của toàn xã hội, vừa bảo đảm lợi ích của tập thể và của từng người lao động.

Hiện nay, sản xuất và đời sống của những người thợ thủ công chưa ổn định. Họ còn dựa một phần quan trọng vào thị trường tự do với giá cả lên xuống không bình thường, các chế độ phúc lợi tập thể chưa được quyết định. Các chính sách của Nhà nước không thể không chiếu cố đến thực tế đó.

Tóm lại, công tác quản lý tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp về nguyên tắc phải hết sức nghiêm túc và chặt chẽ, song khi xử lý các trường hợp cụ thể lại phải linh hoạt, có lý, có tình.

Bốn là, *xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của những người thợ thủ công*. Dù sản xuất dưới hình thức nào, người lao động đã làm chủ trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Họ không còn bị bóc lột, chèn ép như trước nữa. Đó là một động lực to lớn thúc đẩy việc phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, và cải thiện đời sống của người lao động.

Tuy nhiên, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của những người làm nghề thủ công là một vấn đề phức tạp lâu dài, do đó Đảng và Nhà nước ta cần giải quyết hàng loạt vấn đề một cách đồng bộ.

Về mặt tư tưởng, cần giáo dục người làm nghề thủ công hiểu rõ bản chất của chế độ kinh tế xã hội chủ

nghĩa, nhận rõ tính ưu việt của nó, thấy rõ mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa cá nhân và tập thể, giữa tập thể và Nhà nước. Từ đó mà chống lối thói sản xuất và kinh doanh của người sản xuất nhỏ, ảnh hưởng tập quán sản xuất và kinh doanh của chế độ cũ.

Công tác giáo dục chính trị cho người làm nghề thủ công không chỉ hạn chế ở chỗ tổ chức học tập, lên lớp, tuyên truyền mà điều quan trọng là thông qua thực tiễn sản xuất, chất lượng hàng hóa, giá cả, việc chấp hành chính sách của Nhà nước mà động viên hoặc uốn nắn kịp thời.

Về mặt tổ chức, cần tích cực xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong các đơn vị sản xuất, xác định vai trò lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng trong từng đơn vị cơ sở. Tổ chức Đảng ở đây phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mà lãnh đạo, điều dắt người làm thủ công đi lên chủ nghĩa xã hội, chống khuynh hướng phương hội trong hợp tác xã. Phải dùng phương pháp giáo dục, thuyết phục mà thực hiện quyền lãnh đạo của mình, tránh bao biện, độc đoán, làm lu mờ tổ chức chuyên môn.

Nhanh chóng xây dựng và kiện toàn các tổ chức chuyên môn, chăm lo đến sản xuất và đời sống vật chất, văn hóa của người làm nghề thủ công, có kế hoạch đào tạo cán bộ, kiện toàn bộ máy và cải tiến chế độ làm việc. Đây là những tổ chức đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của quần chúng, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của tập thể và bảo đảm quyền lợi chính đáng của quần chúng.

Trong tổ chức kinh tế tập thể, quần chúng gắn bó với tổ chức về nhiều mặt, trong đó quỹ không chia giữ một vị trí hết sức quan trọng. Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh mà xây

dựng các quỹ tích lũy, quỹ phúc lợi tập thể, dựa vào đó mà tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng lớn và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho xã viên. Chế độ phúc lợi của các hợp tác xã phải cố gắng theo kịp và, ở những nơi có điều kiện, có thể xây dựng cao hơn chế độ phúc lợi trong các xí nghiệp quốc doanh.

Mối quan hệ giữa các tổ chức kinh doanh và quản lý kinh tế của Nhà nước với các đơn vị kinh tế tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của người làm nghề thủ công. Trên cơ sở chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hai bên đều phải thi hành nghiêm túc nghĩa vụ đối với nhau. Một mặt, tránh thái độ cửa quyền, ban ơn bằng cách đặt ra các quy định tùy tiện, phô trương, gây phiền hà cho sản xuất cũng như các hành động xâm phạm tới công việc nội bộ của hợp tác xã. Mặt khác, lại phải đề phòng khuynh hướng lỏng lẻo, che giấu cho các cơ sở sản xuất làm ăn không chính đáng.

Từ trước đến nay, Đảng ta đánh giá cao vai trò, vị trí của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp càng có vai trò rất quan trọng. Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp hợp tác hóa ở miền Bắc đã có những cống hiến quan trọng. Với những kinh nghiệm đó, với đường lối chính sách của Đảng được bổ sung hoàn chỉnh hơn, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam, sau khi cải tạo và tổ chức lại sản xuất, nhất định sẽ phát triển tốt và mạnh mẽ, góp phần ngày càng to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

KỶ LUẬT PHẢI NGHIÊM MINH



ĂM 1922, khi biết thành ủy Mát-xcơ-va đã nhiều lần bao che, giảm nhẹ kỷ luật cho người cộng sản có khuyết điểm, Lê-nin đã gửi thư cho đồng chí Mô-lô-tốp đề chuyển cho các ủy viên Bộ chính trị, phân tích tác hại to lớn của việc làm đó, và đề nghị:

— « Cảnh cáo nghiêm khắc thành ủy Mát-xcơ-va.

— « Khẳng định cho tất cả các tỉnh ủy biết rằng Trung ương sẽ **khai trừ khỏi Đảng** những kẻ gây « thế lực » dù chỉ là chút ít đối với tòa án nhằm « rút bớt » trách nhiệm của những người cộng sản.

— « Ra thông tri cho Bộ dân ủy phụ trách luật pháp (...) biết rằng phải trừng trị những người cộng sản **ngghiêm khắc hơn** những người ngoài Đảng. Nếu không chấp hành việc đó thì các thẩm phán nhân dân và các ủy viên trong ban lãnh đạo Bộ dân ủy phụ trách luật pháp sẽ bị **cách chức**.

— « Ủy nhiệm Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương toàn Nga **khởi trách** Đoàn chủ tịch xô-viết Mát-xcơ-va bằng cách cảnh cáo trên báo chí ».

Lê-nin còn viết thêm trong phần « tái bút »: « Thật là nhục nhã và tệ hại quá chừng: Đảng cầm quyền mà lại biện hộ cho những tên đốn mạt « của mình ! » (1).

Chúng ta suy nghĩ gì trước thái độ hết sức nghiêm khắc đó của Lê-nin ? Phải chăng Lê-nin không có lòng nhân đạo, không có tình thương yêu đồng chí ? Phải chăng việc làm của Lê-nin như vậy là quá đáng ?

Không, Lê-nin là người nhân đạo hơn ai hết, thương yêu đồng chí mình hơn ai hết. Lê-nin chưa hề quá đáng bao giờ. Ở đây chỉ toát lên một tinh thần : Lê-nin là người kiên quyết giữ vững nguyên tắc, rất nghiêm khắc với sai lầm, khuyết điểm của đảng viên, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền ; Lê-nin muốn giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, một vũ khí sắc bén quyết định sự thắng lợi của giai cấp vô sản. Như Lê-nin đã nhiều lần khẳng định, giai cấp vô sản sẽ không thể nào giữ vững được chính quyền « nếu Đảng ta không có kỷ luật nghiêm minh nhất, một thứ kỷ luật sắt thật sự » (2); rằng « không thể nào chiến thắng được giai cấp tư sản nếu không có một cuộc chiến đấu lâu dài, kiên trì, quyết liệt », nếu không có một « sự kiên định, kỷ luật, quyết tâm, một ý chí thống nhất và không

(1) Lê-nin : *Về những nguyên tắc tổ chức của Đảng vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1978, trang 170 — 171.

(2) Lê-nin, Xta-lin : *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 62.

gi lay chuyện nổi » (3). Người còn nói : « kẻ nào làm yếu — dù chỉ là chút ít — kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyển chính của nó) là thực tế đã giúp cho giai cấp tu sản chống lại giai cấp vô sản » (4). Người yêu cầu : « cần phải đuổi ra khỏi Đảng những kẻ gian giáo, những đảng viên cộng sản đã quan liêu hóa, không trung thực, nhu nhược và những người men-sê-vích » (5).



Người Việt-nam ta có câu « thương em anh dễ trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh làm ». Nếu tước đi những gì là màu sắc phong kiến, câu này có ý nghĩa sâu sắc. Anh thương em lắm đấy, thương em da diết, thiết tha như bất cứ tình thương của đôi trai gái nào yêu nhau mãnh liệt nhất, nhưng khi giải quyết « việc quan », anh không thể để tình cảm riêng tư chi phối, mà phải chiếu theo pháp luật của Nhà nước.

Những người cộng sản là những người phấn đấu hy sinh vì lợi ích chung, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, luôn luôn đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, cho nên lại càng tôn trọng và giữ vững nguyên tắc khi giải quyết các công việc. Trong việc xử trí những người vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, những người cộng sản có thái độ phải trái rất phân minh, không dung túng, bao che đối với những sai lầm, khuyết điểm. Hồ Chủ tịch đã dạy : « phải đề cao tinh thần **kỷ luật**, tinh thần **nguyên tắc**; tinh thần **Đảng** của mỗi đảng viên » (6). « Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới » (7). Hồ Chủ tịch phê phán gay gắt những hiện tượng nê nang, bao che, không nghiêm minh trong khi thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Người yêu cầu « phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc » những đảng viên và cán bộ, kẻ

cả cán bộ cao cấp, cán bộ lãnh đạo quan liêu, mệnh lệnh nặng, hoặc phạm những sai lầm nghiêm trọng, cũng như « phải phê bình nghiêm khắc » những chi bộ không làm đúng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, những đảng viên không gương mẫu. Điều 53 của Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam quy định : « Những đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước phải chịu thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng và Nhà nước, không ai được dung túng, bao che » (8). Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng cũng khẳng định : « kỷ luật của Đảng phải công minh, không cho phép đảng viên nào có đặc quyền, đặc lợi » (9).



Những điều sơ đẳng trên đây thiết tưởng mọi cán bộ, đảng viên chúng ta đều đã biết và đã trở thành tình cảm của mỗi người. Nhưng trong thực tế hiện nay, vẫn có không ít trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên chưa nghiêm, chưa theo đúng tinh thần và nguyên tắc của Đảng. Tình trạng nê nang, che giấu khuyết điểm, giảm bớt kỷ luật cho nhau nhiều lúc vẫn xảy ra. Có đồng chí đáng bị kỷ luật nhưng không kỷ luật. Có đồng chí đáng phải xử phạt nặng thì chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa. Có cán bộ vừa bị kỷ luật ở nơi này lại được chuyển sang giữ cương vị quan trọng ở nơi khác, có khi còn được lên chức, lên lương.

(3), (4) Lê-nin, Xta-lin : *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 63 và 67.

(5) Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 48.

(6), (7) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 59 và 21.

(8) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam*, trang 140.

(9) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 102.

Vì sao như vậy ? Vì sao biết nguyên tắc, hiểu rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, nhưng một số người vẫn cứ không nghiêm trong việc thi hành kỷ luật, bao che cho một số cán bộ, đảng viên ? Ở đây có thể có ba trường hợp :

Trường hợp thứ nhất : Đó là do tư tưởng hay nể nang, « dĩ hòa vi quý » của một số người. Với lý lẽ « phải thể tất nhân tình », « phải thương yêu đồng chí », những người này thường xuê xoa, che giấu khuyết điểm của người khác, quá dễ dãi trong việc xem xét kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên có sai lầm, nhất là đối với những người thân thiết hoặc « ăn cắp » với họ. Họ tưởng như thế là đoàn kết, là sống có nghĩa, có tình. Dù có thương nhau bao nhiêu cũng không thể vì tình cảm riêng tư mà vứt bỏ nguyên tắc, buông lỏng kỷ luật ; việc xử lý nghiêm minh những người vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước đâu có trái với tình thương công sản. Trái lại, chính vì dễ bảo vệ tình thương, tình đoàn kết mà phải có những hình thức kỷ luật nghiêm minh để đồng chí mình khỏi mắc lại sai lầm, khuyết điểm ấy và từ đó mà ngăn ngừa những sai lầm, khuyết điểm khác. Chỉ có như vậy thì tình thương mới thật sự có ý nghĩa, mới là tình thương chân chính. Nếu bao che sai lầm, khuyết điểm cho nhau, thì về thực chất là tạo điều kiện cho nhau tiếp tục phạm sai lầm, coi thường kỷ luật của Đảng, và đó không phải là tình thương mà là một tội lỗi.

Trường hợp thứ hai : Đó là do tư tưởng cục bộ, bản vị, thành tích chủ nghĩa của một số cán bộ phụ trách. Sợ mất cán bộ, sợ không có người làm việc, sợ ảnh hưởng đến thành tích, uy tín của đơn vị, họ rất ngại phải thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên trong đơn vị họ, nhất là khi phải đụng chạm đến những người đã từng có « công lao » với đơn vị. Họ quên mất

rằng che giấu khuyết điểm, giảm nhẹ kỷ luật cho cán bộ, đảng viên là làm hại cán bộ, đảng viên ấy chứ không phải là bảo vệ cán bộ, đảng viên ; là làm tổn thương thành tích và uy tín của đơn vị chứ không phải là giữ gìn thành tích, uy tín của đơn vị. Đối với những người đã từng có cống hiến, Đảng ta, nhân dân ta luôn luôn ghi nhớ công lao của họ nhưng không phải vì thế mà dung túng, bao che, không dám xử lý nghiêm khắc một khi những người đó phạm pháp. Xta-lin đã nói một cách dứt khoát rằng, đối với những người trước đây đã có công lao « thì phải hết sức kính trọng », còn bây giờ các đồng chí ấy đã phạm sai lầm, muốn đặt mình lên trên tổ chức, ra ngoài kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước thì cần « phải giáng chức họ xuống và công bố việc đó lên báo chí », « trả họ về chỗ của họ ». Đừng ngại ngần gì cả. « Cần phải làm như thế để củng cố kỷ luật của Đảng và Nhà nước xã-viết trong toàn bộ công tác của chúng ta » (10).

Trường hợp thứ ba : Đó là do sự tính toán ích kỷ, sợ bị đụng chạm đến cá nhân, đến lợi ích riêng của một số cán bộ, đảng viên. Trong thực tế không phải họ bênh che, dung túng cho tất cả mọi người phạm sai lầm, khuyết điểm mà chỉ bênh che cho những ai có quan hệ trực tiếp đến lợi ích cá nhân của họ, hoặc những người biết « cái tổ con chuồn chuồn » của họ mà « pều làm gắng có khi họ « há miệng mắc quai », thậm chí có thể bị « đối phương » « quật » lại. Họ né tránh những trường hợp « hóc búa », gượng nhẹ đối với những người có chức, có quyền, mặc dù biết rằng những người này phạm sai lầm thì gây tác hại lớn hơn nhiều so với đảng viên thường. Trong khi đó đối với những người mà họ xét thấy có thể « bắt nạt » được thì họ lại rất nghiêm ; họ phê bình,

(10) Xta-lin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 13, trang 360.

dấu tranh thẳng cánh, dễ tỏ ra là công minh, chính trực, có khi việc bé họ còn xé ra to, không kể gì đến tình thương yêu đồng chí. Họ không biết rằng chính « tình trạng không công bằng trong việc thi hành kỷ luật, buông lỏng kỷ luật của Đảng đối với đảng viên, đặc biệt đối với những đảng viên giữ cương vị phụ trách, là một nguyên nhân quan trọng làm cho kỷ luật sắt của Đảng bị xem nhẹ và rất lỏng lẻo ở nhiều nơi » (11).

Cả ba trường hợp nói trên, dù mang tính chất thế nào chăng nữa, cũng đều dẫn đến tác hại làm cho kỷ luật của Đảng không nghiêm. Nó phá hoại tính chặt chẽ và sự thống nhất về tổ chức của Đảng, làm yếu sức chiến đấu của Đảng, làm rạn nứt lòng tin của quần chúng, làm giảm hiệu lực của hệ thống

chuyên chính vô sản, và góp phần làm trầm trọng thêm những hiện tượng tri trệ và tiêu cực trong đời sống xã hội.

Không biết những người thường bênh che cho những đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm có hình dung hết những hậu quả tai hại do họ gây ra hay không và có thấm thía hay không cái điều mà Lê-nin nói rằng hành động bao che, giảm tội cho những người cộng sản (nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền) là hành động tệ hại và nhục nhã?

Người xây dựng

(11) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 102.

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC TƯ SẢN HIỆN ĐẠI

PHONG-HIỀN

Khái niệm con người của giai cấp tư sản: từ cá nhân đến siêu nhân.

Con người — đúng hơn, những con người hiện thực, trong sự phát triển lịch sử của họ — ngay từ khi ra đời, đã không ngừng nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội. Tư duy nguyên thủy, vượt lên trên cái cụ thể hàng ngày, đã bước đầu tìm cách giải đáp những câu hỏi về nguồn gốc của vũ trụ, về nhân sinh, về cái chết. Nó cũng bước đầu xây dựng được những biểu tượng về quá khứ, rồi về tương lai, một cách khác biệt với hiện tại. Nhưng chỉ đến một thời kỳ nhất định nào đây, trong những điều kiện vật chất nhất định, con người mới biết tư duy về mình như là con người, với tư cách là chủ thể và mục đích của lịch sử. Khái niệm con người ra đời. Thời kỳ lịch sử cho phép này sinh khái niệm ấy là thời kỳ có nền sản xuất hàng hóa.

Nền kinh tế hàng hóa cổ đại và trung cổ, với thị trường còn hẹp của nó, đã khai sinh ra nhân vật Giê-su,

cái con người trừu tượng, thoát thai từ nền kinh tế ấy, được tư duy thần bí khoác cho bộ mặt thần linh, và được Thiên chúa giáo chuyển vào trong ngôn ngữ huyền nhiệm của nó thành **Người — Chúa**.

Còn nền kinh tế hàng hóa ở thế kỷ XIV—XVI, với khuynh hướng phổ biến hóa thành thị trường thế giới của nó, đã cấu tạo nên chủ nghĩa nhân đạo (humanus), phản ánh cuộc sống mới bắt nguồn từ nền văn minh thương mại tư sản mới được mở rộng. Cuộc sống ấy giả thiết phải đảo lộn trật tự phong kiến. Nó cũng giả thiết phải xây dựng một nền văn hóa tách biệt với cái siêu nhiên và không cần biểu hiện thông qua đức tin, để phát triển khoa học kỹ thuật cần thiết cho nền kinh tế mới, để xây dựng một thế giới quan và một phương pháp tư duy mới. Muốn thế, phải chống Thiên chúa giáo trung cổ. Vì vậy cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản đã mở đợt phá khâu trên lĩnh vực tư tưởng. **Chính ở đây, giai cấp ấy đã chiếm hườn khái niệm con người.** Cùng với việc đòi tự do, nó

đòi «tôn trọng con người», «lấy con người làm trung tâm». Con người ở đây được giới thiệu như là **con người tự mình và vì mình, chứ không phải con người ở trong Chúa và vì Chúa**. Trong thực tế, đó là **con người — triết gia** (homo-sapiens) trên lĩnh vực tinh thần, là **con người — công dân** trên lĩnh vực xã hội.

Giai cấp tư sản đứng trước một tình hình tế nhị. Trên danh nghĩa, nó «đấu tranh cho toàn thể loài người». Trong thực tế, nó chỉ biết đến lợi ích giai cấp của nó. Bộ *Bách khoa toàn thư* là niềm kiêu hãnh của giai cấp ấy khi chưa giành được chính quyền. Cách mạng 1789 là bản anh hùng ca của nó. Còn bản *Tuyên ngôn nhân quyền* là đài chiến thắng của nó sau cách mạng. Nhưng ngay trong thứ kinh thánh mới ấy, cái gọi là người công dân — chủ nhân mới của xã hội — lập tức được xác định chặt chẽ: người công dân là người có tài sản. Đó là những công dân «tích cực», đối lập với những công dân «tiêu cực», những người không có tài sản. Như vậy, cái gọi là tự do đã hóa thân thành quyền tư hữu. Người công dân trừu tượng đã biến thành anh tư sản bằng xương bằng thịt. Khẩu hiệu tư sản trừu tượng: con người tự mình và vì mình, thực chất chỉ là cá nhân tự nó và vì nó. Lý tưởng trừu tượng coi con người là mục đích, trong một xã hội chưa có điều kiện khách quan đề thống nhất lợi ích riêng với lợi ích chung, đã che giấu cho thực tế tư sản trong đấy con người là phương tiện của nhau, trước hết là phương tiện sinh ra giá trị thặng dư.

Như vậy, cuộc cách mạng mà giai cấp tư sản thực hiện, ngoài tính tích cực lịch sử, còn mang nhiều hạn chế giai cấp. Giữa lý tưởng mà nó nêu lên và hiện thực mà nó xây dựng, có cả một hố sâu ngăn cách, trong đó thay cho mâu thuẫn phong kiến với đẳng cấp thứ ba là mâu thuẫn tư bản với

vô sản. Công xã Pa-ri là biểu hiện sự nở bung của mâu thuẫn đối kháng ấy. Giai cấp công nhân từ lâu đã tách khỏi đẳng cấp thứ ba để trở thành một giai cấp vì mình. Còn giai cấp tư sản thì từ tiến bộ đã trở thành bảo thủ và phản động, từ tự do đã chuyển thành độc quyền, để quốc chủ nghĩa. Nó vứt bỏ ngọn cờ nhân đạo chủ nghĩa gắn liền với con người trừu tượng của thời kỳ đang lên, đề giương cao ngọn cờ bành trướng, xâm lược gắn liền với **mẫu người «chính phục»**. Nít-xơ đã chuyển tham vọng chính trị đó sang lĩnh vực ý niệm, thành «ý chí quyền lực». Theo ông, chính ý chí này đã phân chia xã hội thành kẻ yếu, người mạnh. Người mạnh là kẻ có ý chí quyền lực mãnh liệt, mà ông gọi là những con người thượng đẳng, những **siêu nhân**. Người yếu được gọi một cách khinh bỉ là «hạ đẳng», là «**bầy đàn**». Những người này chỉ có mỗi một tác dụng là hy sinh cho những mục tiêu do «siêu nhân», «người hùng» đề ra. Muốn thúc đẩy một sự hy sinh như thế, Nít-xơ cho rằng phải thay chế độ đại nghị bằng Nhà nước quân sự, thay tinh thần dân chủ bằng tinh thần thượng võ, phải tạo ra kẻ thù, gây ra chiến tranh để siêu nhân có dịp thi thố và xây dựng «thiên đường dưới bóng lưỡi kiếm» của họ.

Hít-le đã phát triển ý kiến của Nít-xơ về **những** chủng tộc, **nhưng** dân tộc thượng đẳng thành **một** chủng tộc, **một** dân tộc thượng đẳng; đó là chủng tộc A-ry-en, là dân tộc Đức. Hít-le cũng phát triển ý kiến của Nít-xơ về **những** người thượng đẳng, **nhưng** siêu nhân thành quan niệm về **một** cá nhân thượng đẳng, **một** siêu nhân; được gọi là **quốc trưởng** (Führer) của dân tộc Đức. Tất nhiên, «siêu nhân» Hít-le, không phải chỉ thống trị nước Đức một cách tàn bạo, mà còn lôi kéo nhân dân Đức vào một cuộc phiêu lưu bi thảm nữa.

Sự tuyệt vọng của con người trong chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 — 1918 và 1939 — 1945) cộng với một cuộc tổng khủng hoảng (1929 — 1933) diễn ra trong vòng 30 năm, đã làm lung lay tận gốc chế độ tư bản, khiến cho mọi người sống trong đó bị ném vào một sự đổ vỡ phổ biến, và đứng trước sự đe dọa bị tiêu diệt. Thế giới tư bản với những xáo trộn và những hy vọng, đã thôi thúc các nhà triết học và buộc mọi sự suy nghĩ triết học chỉ hướng về « hiện sinh » của con người.

Các nhà triết học tư sản lúc ấy (Xác-tơ-rơ, Ca-muyt, Ga-bri-en Mác-xen), với tư cách là những « chứng nhân của thời đại », mỗi người một vẻ, đều cố gắng phản ánh những nét ấy vào trong nhận thức của họ. Khi phủ nhận những « giá trị có sẵn » của thế giới tư sản, họ muốn « nổi loạn » chống lại thế giới đó để cố tìm một ý nghĩa cho cuộc sống. Khi quay lưng lại với mọi hệ thống duy lý, vốn tương phản với hiện thực phi lý tư sản, họ muốn suy nghĩ về « con người ở đời » và về sự hiện sinh riêng tư, đơn biệt, độc nhất, độc đáo của con người này. Họ từ bỏ **Con Người** (viết hoa) để đến với con người trong sự hiện sinh cụ thể của họ. Họ từ bỏ hành vi nhận thức để đào sâu vào cách thức tồn tại của con người cụ thể ấy, mà, theo họ, hai mươi thế kỷ triết học đã bỏ qua, chỉ nặng tư duy về tự nhiên và xã hội.

Trong lịch sử loài người, không thiếu gì những thời kỳ bế tắc về chính trị và tư tưởng. Chỗ độc đáo của các nhà hiện sinh chính là đã quay lưng lại với chủ thể nhận thức, để chỉ nhấn mạnh đến chủ thể của kinh nghiệm cảm xúc cá nhân có tính chất trực tiếp và sống thực. Xuất phát từ chính những kinh nghiệm cảm xúc có thật của họ trước hiện thực đen

tối tư sản, như là lo âu, buồn nôn, bi đát, tuyệt vọng, v.v. họ khái niệm hóa những kinh nghiệm ấy, hệ thống hóa chúng thành những phạm trù triết học, vừa có nguồn gốc cụ thể, vừa có tính chất phổ biến. Cái sai của họ chính là đã lấy tình hình của một giai cấp (giai cấp tư sản Đức, Pháp), trong cơn suy thoái của nó (khủng hoảng, bại trận) suy diễn thành tình hình của con người nói chung. Và sự bi thảm của giai cấp ấy được phổ biến hóa thành sự bi thảm của mọi hiện sinh, và được gắn liền với cái gọi là « thân phận con người » muôn thuở, dường như đã là con người thì phải chịu những thảm họa như vậy.

Một số nhà hiện sinh khác không cam chịu một cách thụ động, cái thân phận bi thảm đó của con người. Họ muốn cứu vớt sự có mặt và khả năng của con người bằng cách cho rằng cá nhân là điểm xuất phát tuyệt đối. Cá nhân ấy tự giải phóng khỏi mọi quy luật khách quan và mọi điều kiện xã hội để trở thành một « trung tâm sáng tạo » tuyệt đối. Đây cũng là một quan niệm sai lầm, vì cá nhân cũng là một sản phẩm xã hội và mang tính xã hội trong mỗi quyết định và lựa chọn của mình. Tất nhiên, do sự tác động trở lại của nó đối với xã hội, cá nhân đó vừa là sản phẩm, đồng thời vừa là kẻ « sáng tạo », vừa bị quy định, đồng thời cũng vừa tự do. Và biện chứng khách quan này của con người hoàn toàn khác với sự tuyệt đối hóa ý thức chủ quan của chủ nghĩa hiện sinh. Mặt khác, hành động của cái chủ thể được tuyệt đối hóa ấy không nhằm chống lại xã hội tư sản đang đè bẹp con người, chỉ chống lại cái « số phận » đang đè nặng lên họ. Hình thức biểu hiện của nó không phải là một cuộc cách mạng xã hội — vì theo họ, mỗi cá nhân là một ốc đảo, không có sự giao cảm với nhau, mà còn là « địa ngục » của nhau — mà là một hành vi của ý thức, biến sự xung đột xã hội thành

cuộc xung đột giữa «thiện và ác», «cách mạng và đạo đức», v.v. Kết quả, đó chỉ là một sự «dấn thân» vô hiệu quả, không may mắn đụng chạm tới trật tự tư sản, cũng không làm thay đổi được số phận của bản thân.

Chủ nghĩa hiện sinh phản ánh bước suy đồi về tư tưởng của giai cấp tư sản. Ở thời kỳ đang lên, giai cấp ấy tự hào về «cây sậy biết suy nghĩ». Nó phát cao ngọn cờ duy lý. Nhưng bây giờ, giai cấp tư sản suy tàn thờ phụng chủ nghĩa phi lý. Nó gạt bỏ cái tôi tư duy, chỉ quan tâm đến cái tôi tồn tại, đến «cách thể hiện sinh», lại là hiện sinh trong sự bi đát. Xưa kia, đề tư duy một cách duy lý, nó lấy sự hoài nghi về phương pháp luận làm điểm xuất phát. Bây giờ, đề tồn tại một cách phi lý, nó gạt bỏ quyết định luận, lấy sự tuyệt vọng làm trung tâm và cái chết làm điểm kết thúc.

Một chủ nghĩa như thế lại mang tham vọng muốn đem lại một «nhân học» cho chủ nghĩa Mác, thật kỳ quặc! Do thiếu tính duy lý, thiếu tính lịch sử, lại mang đầy tính chất chủ quan và cá nhân chủ nghĩa, nó đã không giải quyết được vấn đề con người, chấm dứt được bước khủng hoảng của tư tưởng tư sản. Nó là vật chướng ngại cho sự chuyển hóa sang một quan niệm thật sự khoa học về con người, do chủ nghĩa Mác nêu lên.

Cái «chết» của con người trong chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước.

Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật để phát triển các lực lượng sản xuất, mặt khác, nhờ tích cực sử dụng bộ máy Nhà nước để đáp ứng nhu cầu của sản xuất, mở rộng lợi nhuận tư bản, qua đó mà cũng có quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cho nên chủ nghĩa tư bản đã có một số thay đổi về nội dung, tuy vẫn giữ nguyên bản chất. Nó mang một cái tên mới: chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước.

Xét riêng về mặt hệ tư tưởng, người ta chứng kiến một sự chuyển tiếp mới. Sự «tuyệt vọng hiện sinh» dần dần nhường chỗ cho cái gọi là tinh thần «lạc quan kỹ học». Sự đề cao cá nhân và tính chủ thể theo kiểu hiện sinh tỏ ra không còn ý nghĩa, vì cá nhân, phản ánh địa vị của từng nhà tư bản riêng lẻ, vốn đã mất dần tầm quan trọng của nó về kinh tế và chính trị trong chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước, khi nhất thể hóa các mặt kinh tế và chính trị tư sản dưới cái bề ngoài là sự nhất thể hóa của tính duy lý, tính kế hoạch và tính kỹ thuật, càng thể hiện sự áp đặt và điều khiển của nó trên mọi lĩnh vực, từ sản xuất đến tiêu dùng... Nó đề cao tính khách thể, cơ cấu, sự chặt chẽ khoa học, thu hẹp tâm thần và ý thức, thu hẹp nhân cách và tính cá thể của cá nhân ấy.

Vì thế, người ta thấy xuất hiện một hiện tượng mới trong đời sống xã hội tư sản, hiện tượng con người tự xóa trong mọi lĩnh vực.

Trước hết, đó là con người bị hấp thu về mặt chính trị. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước không phải chỉ sử dụng khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất. Nó còn dựa vào những thành tựu của khoa học kỹ thuật để hoàn thiện bộ máy đàn áp của Nhà nước, kiểm soát được con người công dân một cách chặt chẽ hơn, cả trong đời sống công, cũng như trong đời sống tư, thu hẹp ý thức chính trị và các quyền tự do dân chủ của họ một cách có hiệu quả hơn. Nó muốn hình thành một mẫu người, mà tính cá thể và ý thức phê phán bị mài mòn, nhân cách bị giảm sút, để xã hội tư sản có thể dễ dàng hòa nhập được.

Về mặt ý thức, giai cấp tư sản thống trị đã sử dụng các phương tiện thông tin quần chúng, thông qua trực giác để nhào nặn ý thức của con người, đề tư bản hóa tâm lý quần chúng, thông qua việc tư bản hóa thể

giới nghe — nhìn, để khuôn sự phát triển của các cá nhân theo những mục tiêu kinh tế, chính trị, đạo đức của nó, tạo nên một tình hình thực tế, trong đấy cái rõ rệt nhất chính là sự chi phối mọi ứng xử của con người bởi các cơ cấu, lẫn át cả mặt sáng tạo và lựa chọn tự do của họ, làm suy yếu sự tìm hiểu, làm mất phương hướng nhận thức của họ, khiến họ không còn phân biệt được hay dở, phải trái, thiện ác, cuối cùng biến con người thành một thứ phản xạ có điều kiện.

Con người bị hòa nhập về chính trị, bị nhào nặn về mặt tư tưởng cũng là con người bị điều kiện hóa về mặt vật chất. Nhờ đấy mạnh mẽ được sản xuất, giai cấp tư sản đã thôi phóng mặt phân phối, qua đấy mà phát huy sự mua chuộc của nó bằng miếng mồi tiêu dùng, như là sự hổ sung cho việc hấp thu của nó về chính trị, để cột chặt người lao động vào trật tự tư sản. Mặt khác, con người càng chạy theo cái bề ngoài, lấy tiêu dùng làm lý tưởng, làm ý nghĩa cho cuộc sống, thì kết quả là: nội tâm của họ càng nghèo nàn, tinh thần của họ mau sa sút. Anh ta không chết đói, nhưng chết ngay trong « tình người » của mình, nếu không phải là chết buồn. Con người biến thành một thứ « người máy sung sướng », một « đồ vật », và đấy là biểu hiện mới của sự nô dịch tư sản. **Mẫu người « tiêu dùng »** đó thường được cộng thêm với mẫu người được xác định như là một chủ thể ham muốn tính dục, buông thả những dục lực động vật dưới dạng thức của con người, quay trở về với hành vi sinh lý có tính chất tự nhiên, bản năng, thân xác, cuối cùng, rơi xuống hàng một thứ chủ nghĩa cá nhân động vật.

Một số trào lưu triết học tư sản lúc ấy, tiêu biểu là chủ nghĩa cơ cấu, đã khái quát tình hình con người bị « điều kiện hóa », bị « nhào nặn », bị « hấp thu » nói trên trong xã hội tư

sản hiện đại, để nói đến « cái chết của con người ». Các nhà cơ cấu đã chuyển triết học thành một thứ « tri thức luận ». Họ không nói đến con người với tư cách là sản phẩm của lao động, của lịch sử, mà nhấn mạnh đến việc tìm hiểu các hệ thống ngôn ngữ, thế chế, tín ngưỡng, quan hệ thân tộc, v.v. với tư cách là cơ cấu khách quan, vô thức, vô ngã, tạo thành cơ sở của đời sống con người. Ở đây, con người đã bị cự tuyệt ở hai mặt: vừa như là kẻ sáng tạo ra cơ cấu, vừa như là đối tượng của cơ cấu. Trong khi ấy, thì không thể coi cơ cấu là một sự siêu nghiệm, phi chủ thể, lại càng không thể tuyệt đối hóa việc nghiên cứu cơ cấu, vì đó chỉ là một giai đoạn của sự tìm hiểu toàn diện về con người, con người lịch sử — xã hội, dựa trên những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội.

Con người trong cơn khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản giữa những năm 70.

Chủ nghĩa cơ cấu cùng những trào lưu có liên quan đến nó đánh dấu một giai đoạn « nghèo nàn » của tư tưởng tư sản. Hiện thực xã hội mà nó phản ánh cũng đang bị nhanh chóng vượt qua, vì chủ nghĩa tư bản, từ phồn vinh, đã đi đến chỗ « lâm nguy ». Trong những năm 1974 — 1975, nó đã rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất từ sau những năm 1929 — 1933 (với 121 000 công ty có vốn trên một triệu đô-la bị vỡ nợ và 18,5 triệu công nhân bị thất nghiệp), và đến bây giờ cũng chưa hồi phục được như cũ. Cái nhìn « lạc quan kỹ thuật », tuy vẫn có đại diện, nhưng ngày càng bị đón tiếp một cách lạnh nhạt. Trái lại, ba bản báo cáo của nhóm Rô-mơ, một nhóm được thành lập năm 1969 và gồm khoảng 70 nhà khoa học thuộc 25 quốc tịch, lại chỉ nói đến nguy cơ của nạn nhân mãn, của việc tận dụng đất đai quá đáng trong nông nghiệp.

của việc làm khánh kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường trong công nghiệp.

Sự khủng hoảng kinh tế và xã hội lần này đã tác động một cách đều khắp chứ không phải chỉ in dấu vào trong một số trí thức và sinh viên như trước kia. Nó dường như được chia nhỏ thành sự khủng hoảng của từng cá nhân, và được chuyển thành sự khủng hoảng ở bên trong cá nhân ấy, biểu hiện thành một cảm giác bị tước đoạt, một tâm trạng bất mãn, một sự đau khổ tinh thần có nguồn gốc xã hội. Tình hình ấy cũng làm sống lại nhiều chủ nghĩa phi lý, nhiều khuynh hướng tôn giáo bảo thủ, nhiều huyền thoại thần bí, tử vi, tướng số kiểu mới, phản ánh sự giải thể của con người trong cơn khủng hoảng, và lối thoát hư ảo cho tình trạng khủng hoảng ấy.

Trong bối cảnh đó, người ta thấy xuất hiện những trào lưu triết học mới, ồn ào nhất là các quan điểm về xã hội, về con người của I-van I-li-sơ, một giáo sĩ Thiên chúa giáo hiện sống ở Mê-hi-cô.

Đồng ý với những nhận xét của nhóm Rô-mơ, I-li-sơ cho rằng cái gọi là « phát triển kinh tế » hiện nay thực chất là một sự phá hoại: phá hoại một trái đất vốn chỉ có hạn về mặt tài nguyên, đất đai, nước, không khí, thành một hành tinh kiệt quệ, phá hoại môi sinh, biến nó thành một môi trường chết. Qua đây mà phá hoại con người về mặt sinh vật học, về mặt phát triển toàn diện của cá nhân và sự cân bằng giữa cá nhân ấy với xã hội và những cá nhân khác, v.v. Trong khi đó, chính I-li-sơ cũng thừa nhận rằng với những phương tiện đã có, có thể đem lại cho mỗi người, một cuộc sống xứng đáng với con người.

Sự phê phán của I-li-sơ — cũng như của nhóm Rô-mơ — phản ánh một tình trạng có thực: tình trạng thiếu số độc

quyền trong các nước tư bản chiếm đoạt các tài nguyên quốc gia và sử dụng những cái ấy phục vụ cho lợi ích của chúng một cách có hại cho đa số. Nhưng, một cách nghịch lý, sự phê phán ấy lại che giấu cho việc làm nói trên bằng cách trút trách nhiệm về những sự đau khổ, bất công, tệ nạn do chủ nghĩa tư bản gây ra cho loài người nói chung, cho những người lao động nói riêng thành trách nhiệm của tiến bộ khoa học và sự phát triển công nghiệp. Ông không phân biệt khoa học kỹ thuật với việc sử dụng tư bản chủ nghĩa đối với khoa học kỹ thuật ấy. Vì thế, ông đã coi khoa học kỹ thuật — chứ không phải chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước — là nguyên nhân của nhiều bất hạnh hiện tại. Mặt khác, ông không đặt ra vấn đề đánh đổ chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông viết: « Điều tôi quan tâm không phải là sự đối lập giữa một lớp người bị bóc lột và lớp người chủ nhân của các công cụ sản xuất, mà là sự đối lập giữa con người và cơ cấu của công cụ » (1). Nói cách khác, ông muốn cải tạo chủ nghĩa tư bản bằng cách « đổi mới công cụ ». Công cụ ở đây được hiểu theo một nghĩa rất rộng. Nó không phải chỉ bao gồm các dụng cụ (như ô-tô, xe đạp, nhà ở...) mà cả các thể chế xã hội (như bệnh viện, trường học, nhà máy...) thậm chí cả các tổ chức và các cơ chế có nhiệm vụ coi sóc sức khỏe, giáo dục, sự di lại, v.v. của nhân dân. Rõ ràng đây là một khái niệm không xác định, vì nó bao gồm những cái vừa thuộc hạ tầng cơ sở, vừa thuộc thượng tầng kiến trúc, vừa là những phương tiện phục vụ cho cuộc sống hằng ngày.

Mặc dù vậy, ông vẫn dựa trên đây để lảng tránh mâu thuẫn hiện thực của chủ nghĩa tư bản, để nhấn mạnh sự đối lập trừu tượng giữa « con người » và « các công cụ », và trong

(1) Ivan Illich : *La convivialité*, E. D. Seuil, 1975, p. 141

một vài lĩnh vực cụ thể, giữa « nhà trường » và « giáo dục », giữa « sức khỏe » và « y tế ». Vì thế, cái gọi là « cách mạng công cụ » ở đây, một cách khách quan, vẫn là sự lắng tránh cách mạng thật sự để bảo toàn chế độ tư bản, tuy có đủ kích một số hiện tượng bề ngoài có vẻ phi lý của chế độ ấy.

Theo I-li-sơ, cuộc « cách mạng công cụ » nói trên sẽ tạo điều kiện cho sự ra đời của cái gọi là « **xã hội cộng sinh** ». Đây cũng là một khái niệm không xác định khác, được đặc trưng một cách trừu tượng, độc lập với các quan hệ sản xuất, như là một xã hội trong đấy con người tìm lại được tính độc lập sáng tạo của mình, xây dựng được mối liên hệ trực tiếp với người khác, hưởng thụ được môi sinh tự nhiên và có được niềm vui trong lao động. Muốn thế, theo ông, phải từ bỏ « cách mạng chính trị » của những người mác-xít và « cách mạng kỹ thuật » của các nhà kỹ trị. Ông muốn tìm lối thoát bằng cách lùi lại với những dụng cụ không đòi hỏi năng lượng nào khác ngoài bắp thịt, có kích thước nhỏ hơn để cho ai nấy đều có thể sử dụng được... Giai cấp tư sản, trong lúc suy thoái, đã cố vũ cho những lối thoát không tưởng ấy, muốn kéo lùi nhân loại trở lại thời kỳ sản xuất nhỏ.



Lý tưởng duy lý và nhân đạo tư sản trong thời kỳ đang lên « cần có những người không lờ, và đã sinh ra những người không lờ ; không lờ về tư tưởng, về sự say mê, và tính cách, về tính phổ biến và sự uyên bác » (2), những con người đem lại « ánh sáng » cho thế kỷ tăm tối, để cho nhân loại đi bằng đầu chứ không phải bằng đầu gối. Nhưng thực tiễn tư sản ngày càng hạ thấp và chà đạp con người, trái với lý tưởng của họ. Và ngày nay, trong cơn suy thoái, giai cấp tư sản lại chỉ sản sinh ra được những nhà tư tưởng chuyên gieo « tăm tối » vào đầu óc con người, để ngăn cản họ vươn tới ánh sáng của độc lập, tự do và hạnh phúc chân chính.

(2) F. Ăng-ghe-n : *Biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản xã hội, Pa-ri, 1956, trang 3.

Nêu điển hình tốt,...

(Tiếp theo trang 50)

Chúng tôi tin rằng, làm tốt những việc nói trên sẽ tạo ra sự phát triển đồng đều của các địa phương và cơ sở trong tỉnh, vừa bảo đảm đời sống của nhân dân, vừa bảo đảm tốt nhu cầu của Nhà nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

KẺ NÀO THI HÀNH CHÍNH SÁCH BÀNH TRƯỞNG Ở ĐÔNG — NAM CHÂU Á ?

QUYẾT - TIẾN

TRONG thời gian gần đây, các nhà cầm quyền Trung-quốc đã nhiều lần vu cáo Việt-nam định bành trướng xuống Đông — Nam châu Á, thực hiện cái gọi là « chủ nghĩa bá quyền khu vực ». Nhưng lời vu cáo của họ chẳng đánh lừa được ai. Bởi vì đông đảo nhân dân trên thế giới hiểu rõ rằng: nhân dân Việt-nam đã từng đấu tranh gian khổ bao năm ròng cho độc lập tự do của mình, cũng là người vô cùng quý trọng nền độc lập tự do của các dân tộc khác; hơn nữa nhân dân Việt-nam rất tha thiết muốn sống trong hòa bình để hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mọi người cũng hiểu rằng một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh là nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho hòa bình và

ổn định ở Đông — Nam châu Á. Phơ-răng-xoa Tê-ve-nin, một người Pháp đã từng sống nhiều năm ở Nam Việt-nam trước và sau ngày giải phóng, đã viết: « Không có gì lợi hơn cho hòa bình và ổn định ở Đông — Nam châu Á và cuối cùng cho lợi ích cũng như cho sự sống còn bình thường của các nước láng giềng — ngay cả cho những nước không đồng tình với học thuyết của Hà-nội — bằng một nước Việt-nam hùng mạnh và cảnh giác » (Báo Pháp, *Buổi sáng ở Pa-ri*, ngày 19-7-1978).

Trong khi đó thì dư luận rộng rãi ở Đông — Nam châu Á và trên thế giới lại thấy cần phải hết sức cảnh giác trước chủ nghĩa bành trướng đạt dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn của các nhà cầm quyền Trung-quốc. Với thuyết « ba thế giới » — một « lý

thuyết» phản bội hoàn toàn những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, một « lý thuyết » nhằm tập hợp và liên minh với tất cả những lực lượng phản động để chống lại ba trào lưu cách mạng của thời đại, với chủ trương đầy mạnh « bốn hiện đại hóa » ở trong nước, mà chủ yếu là hiện đại hóa về quân sự, các nhà cầm quyền Trung-quốc hy vọng có thể tạo ra « cơ sở lý luận » và cơ sở vật chất để Trung-quốc có thể nhanh chóng tiến lên thành một siêu cường quốc hùng mạnh, đang thực hiện giấc mộng bá chủ châu Á và thế giới. Trong cuốn sách « Trung-quốc hay là sự tự sát của người da trắng », Clốt-đơ Ác-nun (Claude Arnould) viết rằng: « Tham vọng bá chủ châu Á của Trung-quốc là một tham vọng vốn có từ lâu, nhưng tới cuộc đụng độ biên giới Xô – Trung thì mới bộc lộ rõ rệt ».

Trong âm mưu chiến lược của các nhà cầm quyền Trung-quốc, Đông – Nam châu Á được coi là trọng điểm trước mắt. Bởi vì đây là một khu vực chiến lược rất quan trọng, một nơi án ngữ con đường biển nối liền hai đại dương của thế giới, một nơi có nguồn nhân lực và tài nguyên dồi dào, nơi đế quốc Mỹ vừa mới bị thất bại và rút khỏi Việt-nam. Hơn nữa đây lại là nơi ở giáp biên giới phía Nam của Trung-quốc, nơi mà các nhà cầm quyền Trung-quốc hy vọng có thể lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng

chục triệu người và sử dụng các nhóm tay sai vào việc phục vụ cho âm mưu bành trướng và xâm lược của họ.

Mưu đồ bành trướng xuống Đông – Nam châu Á của các nhà cầm quyền Trung-quốc đã có từ lâu. Để thực hiện mưu đồ đó, họ đã áp dụng nhiều thủ đoạn hòng đưa Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương vào quỹ đạo của họ, biến Đông-dương thành bàn đạp để bành trướng ra các nước khác ở Đông – Nam châu Á. Họ đã tạm thời thành công trong việc phản bội cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia, biến tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry thành tay sai của họ. Cả thế giới đều thấy rõ: cuộc chiến tranh chống Việt-nam mà bọn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry gây ra, chính là một bộ phận khăng khít của âm mưu chiến lược bành trướng xuống Đông – Nam châu Á của các nhà cầm quyền Trung-quốc. Song các nhà cầm quyền Trung-quốc đã hoàn toàn thất bại trong việc lôi kéo Việt-nam đi vào con đường tội lỗi của họ. Một nước Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, có đường lối độc lập tự chủ, đang là một trở ngại lớn cho sự bành trướng và bá quyền nước lớn của Trung-quốc ở Đông-Nam châu Á. Điều đó giải thích vì sao các nhà cầm quyền Trung-quốc lại hướng đòn dả kích chính của họ vào Việt-nam.

Hiện nay Đông – Nam châu Á là một trong những nơi tập trung

những mâu thuẫn lớn của thế giới. Trong các mâu thuẫn đó, chúng ta thấy nổi bật lên *mâu thuẫn gay gắt giữa một bên là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với một bên khác là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của các nhà cầm quyền Trung-quốc và các thế lực đế quốc tranh giành ảnh hưởng và quyền lợi trong khu vực này.*

Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay người ta đang nói nhiều đến mối nguy cơ to lớn mà sự liên minh bĩ đì giữa chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế gây ra đối với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Đông — Nam châu Á vì hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh của khu vực này của thế giới.

Chính là ở Đông — Nam châu Á mà *thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đang đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm.* Họ câu kết với các thế lực phản động khác, chống phá quyết liệt Việt-nam, Lào và cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia chống bè lũ phản động Pôn Pốt — lèng Xa-ry, tay sai của họ, từng bước bành trướng xuống Đông — Nam châu Á.

Trong cuốn «*Trung-quốc và Đông — Nam Á*» tác giả người Mỹ Giôí Tay-lơ đã vạch rõ quá trình những người lãnh đạo

Trung-quốc tìm cách bắt tay với Mỹ và hạn chế cuộc chiến tranh của nhân dân Việt-nam để đưa dân Việt-nam đi theo ý muốn của họ. Bản hòa ước mà Trung-quốc ký với Nhật cho ta thấy rõ ý định của các nhà cầm quyền Trung-quốc hòng liên minh với Nhật để ngăn cản ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á. Còn về việc chống phá Việt-nam, thì như báo Gran-^{ma}ma, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Cu-ba, đã viết: «*Xúi giục Cam-pu-chia gây chiến tranh chống Việt-nam, một trong những dân tộc anh hùng nhất và chịu nhiều đau khổ nhất trong thời đại chúng ta, đó là một trong những tội ác kinh tởm nhất của ban lãnh đạo Trung-quốc*». Với sự đồng tình của Mỹ, quân đội Trung-quốc đã chiếm đảo Hoàng-sa của nước ta (từ tay quân nguy Sàì-gòn trước đây), và ngày nay giới báo chí Trung-quốc lại công khai bày tỏ tham vọng của Trung-quốc muốn cướp đoạt đảo Trường-sa và các đảo khác ở biển Đông. Tham vọng của Trung-quốc độc chiếm biển Đông không có gì là lạ nếu chúng ta biết rằng từ lâu giới cầm quyền Trung-quốc đã ấp ủ hoài bão xâm chiếm lãnh thổ rộng lớn của các nước láng giềng của họ. Mọi người đều biết, ngay từ năm 1954, Trung-quốc đã xuất bản cuốn «*Lược sử Trung-quốc hiện đại*» với tám bản đồ ghi cái gọi là «*những phần lãnh thổ Trung-quốc bị những tên đế quốc chiếm đoạt*» gồm cả Mông-

cổ, Triều-tiên, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Miến-điện, Ma-lai-xi-a, Thái-lan, một phần của Ấn-độ, quần đảo Riu-kiu của Nhật-bản... Xem thế đủ thấy tham vọng bành trướng của Trung-quốc đã trở thành mối đe dọa to lớn như thế nào đối với nhiều nước châu Á. Đáng chú ý là gần đây giới cầm quyền Trung-quốc đang ra sức gây chia rẽ giữa nước ta với các nước khác ở Đông — Nam châu Á, đặc biệt họ cố gắng lôi kéo các nước ASEAN vào con đường chống lại Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Song chúng ta có thể khẳng định rằng mưu toan thâm độc này của các nhà cầm quyền Trung-quốc nhất định sẽ thất bại. Bởi vì chính các nhà cầm quyền ở Thái-lan, Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po là những nước mà Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đến thăm trong thời gian gần đây, đều đã nói lên lòng tin tưởng của họ vào thiện chí hòa bình và hữu nghị của Chính phủ và nhân dân Việt-nam, và đều thừa nhận rằng chuyến đi thăm của Thủ tướng nước ta đã đặt nền móng cho tình hữu nghị, sự hợp tác lâu dài, sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa Việt-nam và các nước đó.

Chúng ta biết rằng hơn 20 triệu Hoa kiều ở Đông — Nam châu Á là một lực lượng kinh tế và chính trị quan trọng mà các nhà cầm quyền Trung-quốc không ngừng mưu toan sử dụng vào việc phục vụ lợi ích sô vanh ích kỷ của họ. Nhiều nhà nghiên cứu về Trung-

quốc đã vạch rõ rằng: các nhà cầm quyền Trung-quốc thường dùng những Hoa kiều mà họ đã khống chế được để gây lộn xộn tại các nước Đông — Nam châu Á, gây sức ép đối với chính quyền các nước này, xây dựng các tổ chức tinh báo, phá hoại, lật đổ. Trong cuốn « Trung-quốc vô hình », tác giả người Mỹ Gát-đơ A-léc-xan-đơ đã khẳng định rằng các nhà cầm quyền Trung-quốc đã dùng « một mạng lưới đặc vụ lớn nhất và tốt nhất » để thực hiện tham vọng thống trị ở vùng này. Rất dễ thấy là, trong những hành động xấu xa đó, các nhà cầm quyền Trung-quốc dựa chủ yếu vào thế lực tư sản Hoa kiều là những kẻ nắm được những vị trí kinh tế then chốt ở các nước này. Vì vậy, ta không lấy làm lạ khi thấy rằng lòng ưu ái của các nhà cầm quyền Trung-quốc hướng chủ yếu vào bọn tư sản Hoa kiều chứ không phải là những người lao động Hoa kiều như thái độ gần đây của họ đối với người Hoa ở Việt-nam và Hoa kiều ở Cam-pu-chia đã chứng tỏ. Việc các nhà cầm quyền Trung-quốc lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng chục triệu Hoa kiều vào mục đích bành trướng của họ không thể không gây nên những mối lo ngại chính đáng trong các giới cầm quyền ở các nước Đông — Nam châu Á là nơi mà nền kinh tế bị các giới tư sản Hoa kiều lũng đoạn. Không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc họp báo ở thủ đô Gia-các-ta ngày 16-10 vừa qua, Bộ trưởng

bộ Ngoại giao In-đô-nê-xi-a Mốc-ta Cu-xa-ma-át-ma-gia đã nhấn mạnh rằng: « Cần cảnh giác đối với Trung-quốc » và ông cho biết: Chính phủ In-đô-nê-xi-a cho rằng: bây giờ chưa phải là lúc đề hình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung-quốc.

Các nhà cầm quyền Trung-quốc còn dùng các nhóm tay sai ở các nước Đông—Nam châu Á để phục vụ cho mục đích bành trướng của họ. Họ khống chế, điều khiển hoạt động của các nhóm tay sai này hòng gây áp lực với chính quyền các nước Đông—Nam châu Á, và biến các nhóm đó thành những con bài mặc cả, vì lợi ích ích kỷ của họ.

Những thủ đoạn kinh tế cũng được sử dụng vì mục đích bành trướng. Điều này thể hiện đặc biệt rõ trong việc các nhà cầm quyền Trung-quốc đã bỏ ra hàng tỷ đô-la để mua bọn phát xít diệt chủng Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, biến bọn này thành lũ tay sai dè hèn của họ để chống phá cách mạng Việt-nam, chuẩn bị thôn tính Đông-dương và Đông - Nam châu Á.

Như vậy, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đã trở thành kẻ thù nguy hiểm của các nước Đông — Nam châu Á, bất kể chế độ xã hội của các nước này như thế nào.

Tham vọng của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc ở Bắc-kinh rất lớn. Song sức lực của họ có hạn. Bằng sự liên minh với chủ nghĩa đế quốc và

các loại phản động khác, họ có tìm thấy một sức mạnh mới nào chăng? Đương nhiên chủ nghĩa đế quốc thế giới có thể giúp đỡ cho họ một phần nào trong việc tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự và khoa học kỹ thuật. Song chính trong sự liên minh ấy, những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc cũng vấp phải sự hạn chế rất lớn của bọn đế quốc là bọn có những lợi ích bị đe dọa bởi âm mưu bành trướng của Trung-quốc. Vả lại, việc các nhà cầm quyền Trung-quốc xúc tiến chính sách bành trướng và liên minh với chủ nghĩa đế quốc cùng các loại phản động khác đã và đang làm cho họ bị cô lập về chính trị chưa từng thấy ở trong nước họ, cũng như ở khu vực Đông — Nam châu Á và trên toàn thế giới. Đó là một chỗ yếu không thể khắc phục được của họ. Hơn nữa, trong thời đại ngày nay, khi mà ba dòng thác cách mạng trên thế giới — mà nòng cốt là hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, đang phát triển thế tiến công, khi mà đồng đảo nhân dân trên thế giới, kể cả nhân dân Trung-quốc, ngày càng thấy rõ bản chất xấu xa của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, khi mà nhân dân và chính phủ các nước Đông — Nam châu Á ngày càng thấy rõ mối đe dọa của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa thực dân mới đối với sự tồn tại của bản thân mình, khi mà

(Xem tiếp trang 106)

NHÀ CẦM QUYỀN TRUNG-QUỐC MƯU TOAN SỬ DỤNG HOA KIỀU ĐỂ THỰC HIỆN BÁ QUYỀN Ở ĐÔNG-NAM CHÂU Á

HƯƠNG-CƯỜNG

NHỮNG người Trung-hoa sinh sống ở ngoài lục địa Trung-quốc và Đài-loan thường được gọi một tên chung là Hoa kiều hay là người Hoa ở nước ngoài (1). Những người này, dù sống ở bất cứ nước nào, đều giữ những đặc tính riêng khác hẳn với nhân dân các nước mà họ cư trú. Họ vẫn giữ những phong tục tập quán, tiếng nói riêng, có những trường học và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, gia tộc, giải trí... riêng biệt.

Theo các tài liệu mới nhất, hiện nay có 20 triệu Hoa kiều sống ở các nước trên thế giới, trong đó 95% sống ở các nước Đông-Nam châu Á. Ở Xin-ga-po họ chiếm trên 75% số dân, ở Ma-lai-xi-a 43%, ở Thái-lan 11,3%, ở In-đô-nê-xi-a 2,7%, ở Việt-nam 3%, ở Cam-pu-chia 5,5%, ở Lào 0,6%, v.v. Người Hoa nguyên thủy hiện còn rất ít ở Đông - Nam châu Á; ở đây đại đa số là những người Hoa theo huyết thống vì trong cuộc di cư lâu dài, họ phần nào đã đồng hóa trong môi trường địa phương, cũng có phần vì những lý do kinh tế, họ đã chọn quốc tịch nơi làm ăn sinh sống, cho nên việc thống kê chính xác số người Hoa ở Đông - Nam châu Á cũng rất khó khăn.

Trong nhiều trường hợp, do những cuộc hôn nhân hỗn hợp hoặc lai chủng đã xuất hiện những đứa con có hai dòng máu. Nhưng trải qua nhiều thế hệ người Hoa vẫn giữ ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa và tôn giáo Trung - hoa. Sở dĩ như vậy là do người Hoa ở nước ngoài vẫn lập những trường học riêng để dạy dỗ con em họ học chữ, duy trì những phong tục tập quán Trung-hoa và liên kết với nhau qua các tổ chức hiệp hội, các bang, các hội kín, các sách báo Hoa ngữ để thông tin liên lạc với nhau... Theo thống kê của cơ quan Hoa kiều hải ngoại ở Đài-loan, năm 1971, ở các nước ngoài có đến 8 233 tổ chức xã hội, địa phương, gia tộc, nghề nghiệp, giáo dục, thanh niên, phụ nữ, giải trí, từ thiện, tôn giáo, chống cộng, v.v. của người Hoa; có 4 372 trường học trong đó có 34 trường đại học, 570 trường trung học, 24 trường dạy nghề và 3 744 trường tiểu học của

(1) Những từ này được dùng theo thói quen và đều không thật chính xác, vì chỉ có một số rất ít trong những người này có mang hệ cháu của Cộng hòa nhân dân Trung-hoa hoặc của Trung-hoa dân quốc (Đài-loan) và thật sự là « kiều dân » theo đúng nghĩa của từ đó.

người Hoa; có 435 loại báo chí tiếng Trung-hoa được in ở nước ngoài để truyền tin giữa người Hoa với nhau.

Người Hoa ở nước ngoài có những tính cần cù, năng động, tuy nghề chính của họ là thương mại, nhưng họ có thể làm nhiều ngành, nhiều nghề: tài chính, ngân hàng, công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, vận tải đường biển, đường sông, đường bộ, trồng trọt, xay lúa, cầm đồ đạc, cho vay nặng lãi, hàng xén, cao lầu, thuốc bắc, mở tiệm hút thuốc phiện, chữa bệnh, làm thủ công nghiệp, làm công, kéo xe, v.v. Vì vậy, một mặt, họ có góp phần khai thác và phát triển kinh tế vùng họ đến ở, nhưng mặt khác, dần dần họ nắm hầu hết các vị trí then chốt trong đời sống kinh tế của các nước trong vùng Đông-Nam châu Á; và dĩ nhiên do thế lực kinh tế tài chính to lớn của họ, cho nên họ cũng giữ một vai trò chính trị và xã hội cao trong những nước này. Chính phủ Ma-lai-xi-a nói thẳng ra rằng 90% kinh tế của nước họ là do người Hoa kiểm soát. Ngành xuất nhập khẩu của Xin-ga-po hầu như hoàn toàn trong tay người Hoa. Độ 80% hàng xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a do người Hoa nắm. Ở miền Nam Việt-nam trước đây người Hoa kiểm soát 80% tư bản trong dịch vụ thương mại và 75% hoạt động kinh tế.

Một trong những mặt đáng chú ý là phần lớn các ngân hàng ở Đông-Nam châu Á nằm trong tay người Hoa. Hầu hết những ngân hàng này đều là những ngân hàng của tư nhân và luôn luôn là một trong những công cụ chủ yếu bảo đảm ru thế cho nền thương mại Trung-quốc ở vùng Đông-Nam châu Á và cho hành động « siêu quốc gia » của những phe cánh người Hoa ở nước ngoài cùng với tất cả những chi nhánh của họ được đặt ở Xin-ga-po, Hương-cảng, Băng-cốc, Cua-la Lum-pua, Gia-các-ta, Ma-ni-la, v.v. Ở tất cả những nước Đông - Nam châu

Á, số đông những tên tư sản mại bản thường là người Hoa hay người gốc Hoa. Tư sản Hoa kiều chỉ chiếm từ 5 đến 10% tổng số người Hoa, nhưng họ lại nắm những vị trí quan trọng trong nền kinh tế các nước Đông - Nam châu Á. Họ nắm từ 60 đến 80% doanh số trong ngành bán buôn và bán lẻ. Trong những năm 60, tư sản người Hoa nắm 42% doanh số trong ngành ngoại thương, trong khi các tổ chức nhà nước ở đó chỉ nắm 8%, các hãng tư nhân bán xứ nắm 18%, các hãng của các nước đế quốc khác nắm 32%. Qua đó ta thấy, tư sản người Hoa không những là người cộng tác chặt chẽ với tư bản độc quyền các nước phương Tây, đồng thời khi cần thiết họ cũng là kẻ cạnh tranh có hiệu lực với bọn tư bản độc quyền ấy. Do khối lượng đầu tư của tư sản người Hoa trong nền kinh tế quốc dân các nước Đông-Nam châu Á vượt rất xa tư sản bản xứ cho nên tư sản bản xứ coi tư sản người Hoa là kẻ cạnh tranh hết sức nguy hiểm cho họ, còn nhân dân bị bóc lột thì coi tư sản người Hoa là những tên nước ngoài bóc lột họ rất tàn bạo; đồng thời tư sản người Hoa là lực lượng luôn luôn đứng về phía bọn phản động và chủ nghĩa đế quốc để chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở các nước này.

Theo con số chính thức của Đài-loan công bố, năm 1967, tổng số tiền lãi của hơn 17 triệu Hoa kiều ở nước ngoài là 4 100 triệu đô-la Mỹ, hay là trung bình 1500 đô-la mỗi gia đình; theo các nhà nghiên cứu về người Hoa thì con số này quá thấp vì không tính đến những khoản lãi do đầu tư có bình phong hay bí mật và những con số đã bị hạ thấp đó, nếu đem so sánh với thu nhập bình quân, cũng trong năm đó, của một gia đình người In-đô-nê-xi-a hay Thái-lan, thì cũng thấy ít nhất nó đã gấp 5 - 7 lần rồi và nếu tính số tiền lãi này tập trung vào tư sản người Hoa chiếm 5 - 10%

số 17 triệu Hoa kiều, thì kết luận có thể rút ra được là nhân dân các nước Đông — Nam châu Á bị tư sản người Hoa bóc lột tàn tệ đến mức nào và của cải của tư sản người Hoa ở vùng này to lớn đến chừng nào.

Do vai trò quan trọng đó của Hoa kiều, từ lâu Bắc-kinh đã tìm mọi cách để sử dụng lực lượng Hoa kiều như một công cụ sắc bén gây sức ép mạnh mẽ đối với các nhà cầm quyền ở các nước Đông—Nam châu Á. Không phải ngẫu nhiên mà Bắc-kinh có chủ trương bảo trợ các thành phần bóc lột người Hoa đang sinh sống ở các nước láng giềng và coi đó là một thứ quốc sách. Bắc-kinh rất thích thú khi thấy giai cấp tư sản Hoa kiều có ảnh hưởng kinh tế và chính trị rất lớn ở các nước đó, họ cho rằng, nếu nắm và sử dụng được giai cấp này thì họ sẽ có trong tay một công cụ để thực hiện những mưu đồ bành trướng của họ ở khu vực này. Cách đây 10 năm, một nhân vật chủ chốt trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã nói với cán bộ của họ rằng: «Chúng ta nhất định phải nắm lấy vùng Đông — Nam châu Á, kể cả Nam Việt-nam, Thái-lan, Miến-diện, Ma-lai-xi-a và Xiu-ga-po». Đông—Nam châu Á phải trở thành 'sân sau' của họ như châu Mỹ là tỉnh đã từng là như vậy đối với đế quốc Mỹ.

Từ nhiều năm nay, tư sản Hoa kiều vẫn là nguồn cung cấp ngoại tệ lớn cho nước Trung-hoa. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, những khoản tiền nhận được dưới hình thức tiền ký gửi của Hoa kiều đã cho phép tập đoàn thống trị Quốc dân đảng Trung-quốc điều chỉnh những hao hụt thường xuyên trong cân cán thương mại một cách tương đối dễ dàng. Trong khoảng từ 1934 đến 1936, số tiền đó chiếm tới gần 18% tổng thu nhập bằng tiền của chính quyền Quốc dân đảng.

Từ khi ra đời, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vẫn kế tục chính sách đó của bọn Quốc dân đảng. Các

số liệu chính Trung-quốc công bố cho thấy, từ 1950 đến năm 1957, trung bình số tiền của Hoa kiều gửi về nước hằng năm là 120 triệu đô-la, trong đó tiền của thành phần lao động chiếm 1/3. Cuối những năm 60, số tiền hằng năm gửi về nước lên tới 180 triệu đô-la, trong đó tiền của thành phần lao động chiếm chưa tới 10%. Hiện nay, tỷ lệ này gần như không còn nữa, mà hầu hết số tiền của Hoa kiều từ Đông—Nam châu Á gửi về là lợi nhuận của tư sản Hoa kiều, có được nhờ bóc lột nhân dân Đông—Nam châu Á. Nguyên nhân của sự thay đổi đó là do trước chiến tranh số lao động di cư ra nước ngoài khá nhiều. Hằng năm, họ phải gửi về nước số tiền dành dụm được để trợ cấp cho gia đình. Nhưng sau chiến tranh, tình trạng đó không còn nữa. Theo một hàng thống tấn nước ngoài, từ 1950 đến năm 1970, Hoa kiều ở Đông—Nam châu Á đã chuyển về Trung-quốc 3,5 tỷ đô-la Mỹ.

Số tiền của Hoa kiều gửi về nước chia làm ba loại: tiền ký gửi cho gia đình; tiền gửi đầu tư; tiền gửi nhằm các mục đích khác như xây dựng nhà ở, để lúc già trở về nước có nơi ăn chốn ở... Chỉ cần phân tích một trong ba loại ví dụ như tiền gửi đầu tư, cũng sẽ thấy rõ hơn bản chất mối liên hệ kinh tế giữa tư sản người Hoa ở Đông — Nam châu Á với nhà cầm quyền Trung-quốc:

Tháng 8-1951 chính phủ Trung-quốc đưa ra chính sách khuyến khích Hoa kiều tham gia vào việc xây dựng Tổ quốc, đầu tư vào hoạt động kinh doanh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, v.v. thành lập các công ty tư nhân hoặc hợp doanh với Chính phủ. Tiền đầu tư của Hoa kiều được Chính phủ bảo đảm là tài sản của tư nhân bất khả xâm phạm.

Năm 1957, chính phủ Trung-quốc lại tuyên bố chính sách khuyến khích đầu tư đặc biệt đối với Hoa kiều: các khoản đầu tư của họ sẽ được hoàn

vốn sau 12 năm, lợi tức 8% (trong khi tiền đầu tư vào một công ty hỗn hợp bình thường chỉ được lãi 5%). Một nửa số lãi sẽ được dùng để mua các phiếu mua hàng các loại với giá cố định ở các cửa hàng cung cấp đặc biệt; số còn lại được gửi vào ngân hàng và hoàn vốn sau 12 năm. Hết hạn, người đầu tư có thể rút vốn ra hoặc tiếp tục đầu tư. Năm 1955, công ty đầu tư của Hoa kiều được thành lập với vốn ban đầu là 50 triệu đô-la. Vào cuối năm 1966, đã có gần 110 xí nghiệp do Hoa kiều đầu tư được thành lập dưới sự bảo vệ của công ty này.

Đề thu hút tiền của Hoa kiều ở các nước Đông-Nam châu Á gửi về nước, Bắc-kinh cần dẫn dắt những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Lúc đầu công nhận về cơ bản khả năng hợp tác với tư sản Hoa kiều trong nền kinh tế Trung-quốc với những điều kiện nghiêm ngặt. Sau đó, hoàn toàn bảo đảm sự bất khả xâm phạm tài sản của họ, tức là một bước thụt lùi khỏi những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa.

Hoa kiều gửi tiền về nước theo các cách thức khác nhau. Cách thức hợp pháp là gửi tiền về cho họ hàng ở Trung-quốc. Các này bị các nước chủ nhà ngày càng hạn chế (giảm từ 20% tổng số tiền gửi về nước năm 1955 xuống còn 2,5% năm 1963). Các cách gửi không hợp pháp ngày càng phát triển: buôn lậu tiền, vàng và hàng hóa, sử dụng lịch vụ của sứ quán Trung-quốc tại các nước chủ nhà để gửi các khoản tiền lớn về Trung-quốc; dùng các mối liên hệ về tổ chức giữa các công ty Hoa kiều tại nhiều nước khác nhau để chuyển vốn từ nước này sang nước khác hoặc chuyển về nước, v.v. Hương-cảng, Ma-cao, Xin-ga-pô là những trung tâm buôn lậu và tích lũy tư bản của tư sản Hoa kiều gửi bất hợp pháp từ các nước Đông-Nam châu Á về, để sau đó chuyển về lục địa Trung-quốc. Trước chiến tranh thế giới thứ hai,

90% tổng số tiền gửi về Trung-quốc là qua Hương-cảng. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa được thành lập, Hương-cảng vẫn là một trung tâm chuyển tiền rất quý đối với Trung-quốc. Trong những tháng cuối năm 1969, hằng tháng, Hoa kiều ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái-lan và Phi-líp-pin đã gửi về Hương-cảng một số « tư bản bay » là 400 triệu đô-la Hương-cảng bằng 67 triệu đô-la Mỹ. Chính quyền Trung-quốc vẫn duy trì một mạng lưới bí mật, rộng khắp và có hiệu lực nhằm khuyến khích việc gửi tiền bằng những con đường riêng để bảo đảm việc thu nhận các khoản ngoại tệ gửi về nước đến tay ngân hàng Trung ương Trung-quốc.

Vùng Đông-Nam châu Á là nơi tập trung những mâu thuẫn và đấu tranh gay gắt về quyền lợi giữa nhiều nước đế quốc lớn trên thế giới, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, Đông-Nam châu Á có một vị trí rất quan trọng và hiện đang là mục tiêu trước mắt của mưu đồ bành trướng và xâm lược của họ. Họ đang tìm mọi cách để thu hút sự ủng hộ của phần lớn Hoa kiều, nhất là tư sản Hoa kiều nhằm thực hiện tham vọng bành trướng ở Đông-Nam châu Á.

Trong những năm gần đây, Bắc-kinh đã nuôi dưỡng trong giới kinh doanh lớn của Hoa kiều hy vọng là ảnh hưởng ngày càng mạnh của Trung-quốc ở Đông-Nam châu Á sẽ giúp họ củng cố vị trí trong nền kinh tế của các nước mà họ đang ở, hoặc ít ra cũng ngăn cản việc các chính phủ ở đó hạn chế hoạt động của họ.

Bắc-kinh chủ trương xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với tư sản Hoa kiều bằng cách: thừa nhận không xâm phạm tài sản tư nhân của Hoa kiều để ở trong nước và hợp pháp hóa các khoản tiền của Hoa kiều ở nước ngoài gửi về cho gia đình, tạo điều kiện thuận lợi để tư sản Hoa

kiều có thể đầu tư và sẵn sàng nhận nhượng một số điều kiện cơ bản miễn là có vốn ngoại tệ để thực hiện bốn hiện đại hóa: hứa bảo vệ về chính trị cho Hoa kiều đang sống ở nước ngoài. Trong Quốc hội Trung-quốc, có 30 đại biểu Hoa kiều, trong đó 18 người đại biểu cho Hoa kiều ở Đông - Nam châu Á.

Các điều trên đây càng cõ vũ tư sẵn Hoa kiều gắn bó chặt chẽ với Bắc-kinh. Ngày nay, càng có nhiều nước ở khu vực Đông-Nam châu Á áp dụng chính sách hạn chế hoạt động của tư sản Hoa kiều, cho nên, họ thấy càng phải tăng cường đầu tư một tỷ lệ vốn lớn ở nơi khác, như ở Hương-cảng, Xin-ga-po, Đài-loan, v.v. nhưng thực tế họ thấy không chắc chắn bằng gửi về Trung-quốc, một khi Bắc-kinh đã bảo đảm cho họ nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư.

Đề tranh thủ hơn nữa tiền đầu tư của Hoa kiều ở nước ngoài nhằm mục đích đẩy mạnh việc thực hiện bốn hiện đại hóa, từ đầu năm nay, các nhà cầm quyền Trung-quốc lớn tiếng phê phán những cái gọi là sai lầm trước đây về công tác kiều vụ. Làm ra vẻ quan tâm đến Hoa kiều và những người thân của Hoa kiều ở trong nước, họ đề ra một số quy định, một số thủ tục rộng rãi về việc đi lại, thăm hỏi, định cư, học tập, nhận tiền, gửi tiền, v.v. đồng thời dùng một từ có ẩn ý sâu xa là « huyết thống » nhằm buộc chặt Hoa kiều vào bánh xe xâm lược và bành trướng của họ.

Những sự việc Trung-quốc gây ra cho Việt-nam trong mấy tháng qua đã hoàn toàn bóc trần ý đồ thật sự của nhà cầm quyền Bắc-kinh là: Hoa kiều có thể vào quốc tịch nước nào đó để hưởng các quyền lợi mà thời chứ không bao giờ để trở thành công dân thật sự của nước đó. Đối với những nước nào mà Bắc-kinh coi là thù địch với Trung-quốc thì nhà cầm quyền Trung-quốc sẽ ngang nhiên xé

bỏ những hiệp định và những điều đã thỏa thuận, sẽ kêu gọi những người có « huyết thống » Trung-quốc làm nội ứng và chống lại Chính phủ nước đó bằng mọi cách, kể cả vi phạm pháp luật và các luật lệ hiện hành của nước mà họ đã và đang là công dân. Còn lúc bình thường hoặc lúc còn giao hảo với các nước thì Bắc-kinh vẫn nói ngon ngọt rằng Hoa kiều nên chọn quốc tịch nước mình đang ở, Hoa kiều phải tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán nước sở tại và không được tham gia hoạt động chính trị ở nước đó.

Ngày nay các nhà cầm quyền phản động Trung-quốc nhấn mạnh quan hệ « huyết thống » là đề đến lúc nào cần thì sẽ lợi dụng Hoa kiều để gây lộn xộn tại các nước mà họ cư trú, hoạt động chống lại hoặc gây sức ép, xây dựng các tổ chức tình báo, phá hoại, lật đổ, sử dụng trong các hoạt động có liên quan đến tiền tệ, thương mại, cung cấp... nhằm làm cho nền kinh tế và chính trị các nước Đông - Nam châu Á phụ thuộc vào Trung-quốc.

Chính sách lợi dụng Hoa kiều của các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, giờ đây cả thế giới đều biết rõ, và phía Trung-quốc cũng không úp mở, không giấu giếm gì hết. Chủ nhiệm ủy ban Hoa kiều vụ thuộc Quốc vụ viện Trung-quốc tán tụng: « Hoa kiều đã một lòng hướng về Tổ quốc », « đã góp phần xứng đáng vào việc chi viện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội », « tư sản Hoa kiều là yêu nước », « chúng ta áp dụng chính sách đoàn kết với giai cấp tư sản Hoa kiều », v.v.

Mưu đồ đen tối của phía Trung-quốc đã được bộc lộ, ngay từ giữa những năm 60, khi họ định thông qua một số phần tử xấu trong người Hoa, xuất khẩu cái gọi là « đại cách mạng văn hóa vô sản » sang Việt-nam. Họ tổ chức « hồng vệ binh » trong thanh niên và học sinh người Hoa, phát động viết « báo chữ lớn », xây dựng lực

lượng « nòng cốt », xúi giục và lôi kéo một bộ phận người Hoa « tạo phản tại chỗ », làm « cách mạng văn hóa » ở Việt-nam — Họ vận động người Hoa học tập cái gọi là « tư tưởng Mao-Trạch-Đông » và đặt cho người Hoa ở Việt-nam « một sứ mạng lịch sử truyền bá tư tưởng Mao-Trạch-Đông trên đất nước Việt-nam » nhằm mục tiêu gây rối và chống Việt-nam.

Khi bị thất bại trong những hành động phi pháp trên đây, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở trong thời kỳ gay go và quyết liệt, phía Trung-quốc bề ngoài vẫn tuyên bố ủng hộ cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại của nhân dân Việt-nam nhưng bên trong lại tiếp tục bí mật cử những nhân viên tinh báo và đặc vụ xâm nhập Việt-nam, lôi kéo những phần tử xấu trong người Hoa vào các tổ chức bí mật do Trung-quốc lập ra để chống phá Việt - nam. Trước ngày miền Nam Việt - nam hoàn toàn giải phóng, phía Trung-quốc đã lãnh đạo một nhóm người tự xưng là « Hoa kiều tiến bộ » tổ chức ra cái gọi là « Hoa kiều hòa bình liên hiệp hội » chủ trương chung sống hòa bình với Mỹ và ngụy. Sau đó lại nặn ra các loại tổ chức khác nhau như « Hội cứu vong Hoa kiều », « Đoàn thanh niên chủ nghĩa Mác — Lê - nin », « Hội học sinh Hoa kiều », v.v. Gần đây để chia lửa với tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, một mặt họ gây ra chiến dịch lôi kéo và cưỡng ép người Hoa về nước, mặt khác họ lại liên tiếp tung ra những luận điệu xuyên tạc sự thật và vu cáo Việt-nam « bài xích, khủng bố, xua đuổi Hoa kiều », nặn ra cái gọi là « Mặt trận thống nhất Hoa kiều » nhằm hoạt động gây rối ở hậu phương của Việt-nam.

Hơn thế nữa, chủ nhiệm Ủy ban Hoa kiều vụ thuộc Quốc vụ viện Trung-quốc còn công khai hô hào

« Hoa kiều ở bất cứ đâu cũng là bè bạn, là đồng chí », « Hoa kiều tuy không còn là công dân Trung-quốc nữa, nhưng họ vẫn là người thân thiết của chúng ta », « không được gạt bỏ Hoa kiều và những bạn bè có quốc tịch nước ngoài mà có huyết thống Trung-quốc ở hải ngoại ra khỏi mặt trận thống nhất chống bá quyền », v.v. Rõ ràng những lời nói trên đây, là những luận điệu sặc mùi sỗ-vanh nước lớn, chẳng khác giọng lưỡi ngang ngược trắng trợn của bọn phát-xít trước đây, công khai bảo vệ thuyết chủng tộc và huyết tộc, trắng tráo ra lệnh cho mọi người Hoa, dù đang mang quốc tịch nước nào, đều phải tuân theo mệnh lệnh của những tên cầm quyền phản động ở Bắc-kinh, đều phải hoạt động như một đạo quân ngầm — đạo quân thứ 5 — nhằm phục vụ mưu đồ xâm lược và bành trướng của chúng.

Ngày nay, các nhà cầm quyền Trung-quốc đang thực hành chính sách liên minh và câu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ, với bọn quân phiệt Nhật, với các loại phản động cực hữu hiếu chiến nhất trong các nước đế quốc và với các bè lũ tay sai khác để chia sẻ khu vực ảnh hưởng, để xâm lược và bành trướng xuống vùng Đông — Nam châu Á, để phá hoại công cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới cũng như của nhân dân các nước Đông — Nam châu Á.

Mưu đồ bành trướng của họ đã bị nhân dân thế giới và nhân dân các nước Đông — Nam châu Á vạch trần. Dù cho các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc có quỷ quyệt và thỏ bạo đến đâu, nhất định họ sẽ bị thất bại thảm hại vì họ đang bị nhân dân Trung-quốc, nhân dân Đông — Nam châu Á và nhân dân thế giới vạch mặt và kiên quyết chống lại.

Trao đổi ý kiến

VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC

Lời bộ biên tập

VÃI qua, Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** đã tổ chức cuộc trao đổi ý kiến về Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. Tham gia cuộc trao đổi ý kiến này, có một số đồng chí làm công tác nghiên cứu lý luận, giảng dạy, viết báo và làm công tác ngoại thương, ngân hàng...

Trong quá trình trao đổi ý kiến, các đồng chí nói trên đã nhất trí nhận định: **nguyên nhân** của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước gắn liền với cuộc lũng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản trước những bước tiến vọt của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Trong thời đại mới mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, chủ nghĩa tư bản trong lúc giãy chết đã chuyển từ chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. Chiến tranh thế giới thứ hai đưa cuộc lũng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn thứ hai. Nhiệm vụ chuyển lên chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước lại càng khẩn trương, ô ạt. **Về bản chất**, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước vẫn là chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Với một hình thức vận động mới là chủ nghĩa tư bản lũng

đoạn nhà nước (một sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ máy nhà nước tư sản với các tổ chức lũng đoạn), bản chất của chủ nghĩa đế quốc vẫn không thay đổi vì cơ sở kinh tế của nó vẫn là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, quy luật vận động của nó vẫn là bảo đảm lợi nhuận lũng đoạn cao cho bọn đầu sỏ tài chính trên cơ sở tăng cường bóc lột công nhân và nhân dân lao động trong nước và ngoài nước. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, như Lê-nin đã nói, vừa là thiên đường của bọn tư bản, vừa là nhà tù khổ sai của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Về tác dụng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đối với sự tồn tại của chế độ tư bản chủ nghĩa, khác với thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, dưới thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, nhà nước tư sản đã dùng nhiều hình thức và biện pháp điều chỉnh để can thiệp vào đời sống kinh tế. Những hình thức và biện pháp đó chỉ có thể tạm thời hòa hoãn một số mâu thuẫn nào đó của chủ nghĩa tư bản và tạm thời đẩy lùi nguy cơ khủng hoảng. Song, chúng lại làm gay gắt thêm những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản và làm nảy nở thêm những mâu thuẫn mới, nguy cơ khủng hoảng tích lại và đến kỳ sẽ nổ bùng mãnh liệt hơn. Nói một cách khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước dù có trăm phương nghìn kế cũng không thể nào cứu vãn được sự sụp đổ ngày càng đến gần của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội, là giai đoạn của lịch sử mà giữa giai đoạn đó với chủ nghĩa xã hội thì không có một giai đoạn trung gian ngăn cách nữa, như Lê-nin đã dạy. Điều đó có nghĩa rằng, trên cơ sở đẩy mạnh tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã làm cho lực lượng sản xuất xã hội hóa cao độ, đồng thời làm cho mâu thuẫn vốn có và mới phát sinh của chủ nghĩa đế quốc càng thêm gay gắt, đấu tranh giai cấp càng thêm sâu sắc, cách mạng vô sản trở thành tất yếu. Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã quá lỗi thời và giai cấp tư sản trở thành thừa trong hệ thống sản xuất hiện đại và là vật chướng ngại cho sự tiến bộ của xã hội. Điều đó cũng đặt ra trước mắt giai cấp vô sản vấn đề phải giành lấy chính quyền về tay mình để xây dựng một chế độ nghìn lần tốt đẹp hơn : chế độ xã hội chủ nghĩa ; mặt khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước phát triển thì tạo ra tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội, có nghĩa là tạo ra một " kỹ thuật hiện đại của một nền công nghiệp " và " một tổ chức có phương pháp, tức là một hình thức xã hội của việc quản lý kinh tế " cho chủ nghĩa xã hội. Nói như vậy, hoàn toàn không có nghĩa rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã là chủ nghĩa xã hội rồi và

*cách mạng vô sản không cần thiết. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước chứng tỏ rằng chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu nghiêm trọng. Những mâu thuẫn về kinh tế, chính trị và xã hội do chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước gây ra ngày càng gay gắt, đè nặng lên đời sống của những người lao động trong nước và các nước khác, đồng thời tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh cách mạng của đông đảo quần chúng không ngừng phát triển. Nhưng đó mới chỉ là điều kiện khách quan. Cách mạng vô sản còn phụ thuộc vào **điều kiện chủ quan** nữa là: con người, lực lượng cách mạng, đường lối cách mạng do đội tiên phong của giai cấp vô sản vạch ra. Đường lối cách mạng đúng hay sai có tác dụng quyết định sự thành, bại của cách mạng.*

*Chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức của nó đã và đang là vũ khí của chủ nghĩa đế quốc trong cuộc đấu tranh chống lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cho nên **cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước không thể tách rời cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hiện nay. Như Lê-nin đã nhấn mạnh, không có đấu tranh kiên quyết chống các đảng phái, tập đoàn, trào lưu cơ hội chủ nghĩa, v.v. thì sẽ không có cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, không có chủ nghĩa Mác và không có cả phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa nữa.***

*Hiện nay, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đang triển khai chiến lược quốc tế cực kỳ phản động theo học thuyết « ba thế giới » nhằm liên minh với mọi thế lực đế quốc, tập hợp mọi thế lực phản động, để cùng với đế quốc Mỹ chống lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cho nên loài người tiến bộ trên thế giới đã và đang nhận thức rằng **lăng cừồng đoàn kết đấu tranh chống lực lượng đế quốc phản động trong đó chủ nghĩa đế quốc Mỹ là lực lượng đầu sỏ, tập đoàn phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong giới cầm quyền Bắc-kinh là thế lực phản động quốc tế lớn nhất, đồng minh của Mỹ, là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng trước mắt để không ngừng đẩy mạnh phong trào cách mạng và giữ gìn hòa bình trên thế giới hiện nay.***

Dưới đây, là tóm tắt những ý kiến của một số đồng chí đã phát biểu trong cuộc thảo luận nói trên.

ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LỪNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA NÓ

Nguyễn-Hữu-Chính: Sự phát triển và hoạt động của các tập đoàn tư bản Mỹ trong hơn 60 năm qua rất phong phú. Chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Mỹ và cả các nước tư bản phát triển khác đã đi một chặng đường dài cho đến những « công ty nhiều nước » kếp sù như hiện nay. Trên chặng đường hiện nay, quá trình tích tụ và tập trung tư bản không ngừng được đẩy mạnh ráo riết. Năm 1977, Mỹ có 242 công ty hằng năm bán ra hơn 1 tỷ đô-la hàng hóa (năm 1976, con số này là 227). Năm 1977, công ty Gê-nê-rân Mô-tơ đứng đầu nước Mỹ và thế giới tư bản chủ nghĩa về kinh doanh: 54 961 300 000 đô-la; công ty Êc-xơn đứng thứ hai với 54 126 219 000 đô-la, nghĩa là riêng hai công ty này bán hơn 100 tỷ đô-la hàng hóa. Thời kỳ Mỹ vượt lên và cầm đầu các nước đế quốc chủ nghĩa khác thật ra không quá lâu, chỉ mới hơn 1/2 thế kỷ. *Trong thời kỳ Mỹ vươn lên, vai trò nhà nước vốn đã rất quan trọng lại càng quan trọng hơn nữa dưới chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Mỹ.*

Sự gần bó giữa các tập đoàn tư bản Mỹ với Nhà nước Mỹ thật hết sức mật thiết. Điều đó thể hiện trong hoạt động của tổ hợp quân sự — công nghiệp Mỹ, qua ngân sách hằng năm của Mỹ (khoảng 500 nghìn tỷ đô-la trong những năm tài chính hiện nay), nhà nước Mỹ thật sự đã đóng vai trò người điều chỉnh việc phân phối thu nhập giữa các tập đoàn tư bản Mỹ.

Bùi-Ngọc-Chương: chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Pháp có hai đặc trưng nổi bật: một là, sự hình thành một khu vực kinh tế nhà nước rộng lớn; hai là, sự điều chỉnh kinh tế bằng kế hoạch hóa. Khu vực kinh tế nhà nước Pháp rộng lớn bao gồm trên 150 xí nghiệp công nghiệp công

cộng, các xí nghiệp này lại có cổ phần tham dự trong 1 000 công ty tư nhân lớn. Các cấp chính quyền địa phương lại lập ra 800 công ty kinh tế hỗn hợp và trên 500 công ty nhà cửa, khoảng 30 — 40 công ty vận tải, gần 1 800 công ty phân phối nước, điện và hơi đốt. Những xí nghiệp lớn của nhà nước là những công ty vào loại quan trọng nhất của Pháp. Sở hữu độc quyền nhà nước Pháp có một số đặc điểm như: nó được hình thành chủ yếu bằng con đường quốc hữu hóa (còn số hữu mới được xây dựng thì ít) vào thời kỳ Mặt trận nhân dân 1936 — 1939 và những năm 1945 — 1947 là những thời kỳ phe tả nắm chính quyền và phong trào quần chúng đấu tranh mạnh mẽ đòi quốc hữu hóa. Từ đó đến nay không diễn ra cuộc quốc hữu hóa nào nữa. Khi các xí nghiệp đã được quốc hữu hóa rồi, tập đoàn tư bản lừng đoạn lại hướng hoạt động các xí nghiệp đó vào mục đích phục vụ lợi ích của tư bản lừng đoạn, và bản thân chúng chống lại việc mở rộng quốc hữu hóa. Các xí nghiệp nhà nước tư sản Pháp tham dự vào tư bản của các công ty tư nhân và ngược lại. Hoặc cả hai loại xí nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia vào xí nghiệp tư nhân khác. Có sự xoắn xuýt giữa tổ chức lừng đoạn tư nhân và tổ chức lừng đoạn nhà nước.

Kế hoạch hóa kinh tế là đặc trưng nổi bật thứ hai của chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Pháp. Đã trên 30 năm nước Pháp thực hiện kế hoạch hóa kinh tế (tuy việc đó chỉ có tính chất hướng dẫn; người ta cũng theo dõi thống kê kinh tế, điều tra thị trường, từ đó đề ra những mục tiêu và sử dụng những đòn bẩy kinh tế thích hợp với những biện pháp pháp lý để điều chỉnh kinh tế; song về thực chất, kế hoạch hóa

thật sự thì không có, và không chống được khủng hoảng sản xuất thừa, việc kế hoạch hóa đó chỉ đem lại lợi nhuận ngày càng tăng cho bọn tư bản thời), trong khi ý định của các nước tư bản chủ nghĩa khác muốn thực hiện « kế hoạch hóa » trên phạm vi rộng lớn lại thất bại.

Sự liên minh cá nhân giữa tổ chức lũng đoạn và chính phủ ở Pháp được thực hiện dưới hình thức đặc thù mà người Pháp gọi là « pantoufflage » tức là một mặt, những nhân viên cao cấp trong chính phủ sau một thời gian làm việc nắm được các bí mật và luồn lách trong hoạt động của cơ quan nhà nước rồi từ chức, ra làm cán bộ quân lý cao cấp của các công ty và ngược lại ; mặt khác trong bộ máy cai trị của nhà nước Pháp ngày nay giới chủ thâm nhập các cơ quan tối cao ngày càng đông kết hợp với những cán bộ đào tạo từ những trường hành chính quốc gia gồm những con cháu các gia đình tư sản có thế lực.

Để điều chỉnh và kiểm soát đối với kinh tế, nhà nước Pháp sử dụng tổng hợp các biện pháp : kiểm soát những yếu tố chính như năng lượng và vận tải, nghiên cứu và nhân công, sửa sang lãnh thổ (chỉnh đốn sự mất cân đối về phát triển kinh tế giữa các vùng) bằng những luật lệ và hành động độc đoán (cấm đoán tăng giá và tăng lương, kiểm soát thu nhập...), bằng tín dụng và tài chính, v.v. Những hoạt động kinh doanh hàng tỷ phơ-răng của các ngân hàng Pháp đã làm cho nước Pháp trở thành trung tâm tài chính lớn nhất, đứng đầu thế giới về xuất khẩu tư bản cho vay, biến nước Pháp thành nước đế quốc « hàng đầu nhưng không phải là hoàn toàn độc lập ». Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, tuy trải qua những cuộc khủng hoảng chu kỳ của thế giới tư bản chủ nghĩa và những cuộc khủng hoảng bổ sung khác, ngày nay nước Pháp đã có một cơ sở vật chất kỹ thuật đồ sộ, có những

ngành mũi nhọn : điện tử, nguyên tử, chế tạo máy bay, nước Pháp là lực lượng hạt nhân thứ ba của thế giới, tên lái súng lớn thứ hai sau Mỹ, có nền nông nghiệp cơ giới hóa và hiện đại hóa, những cơ sở chăn nuôi gia súc theo phương pháp công nghiệp, v.v. Sự phát triển công nghiệp và kinh tế của Pháp đạt được những kết quả như trên là do nhiều nguyên nhân : bị tàn phá nặng trong chiến tranh cho nên sau đó thay đổi tư bản cố định hàng loạt, lại lợi dụng được vốn Mỹ theo kế hoạch Mác-san và rút vốn từ các thuộc địa cũ bị mất và chuyển về tập trung vào việc sử dụng kỹ thuật mới. Nhưng sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp trong thời kỳ đang lên và phồn thịnh của nó là một trong những nguyên nhân quan trọng. Với sự hình thành khu vực kinh tế nhà nước rộng lớn làm cơ sở và trụ cột lúc đầu cho việc phát triển và điều chỉnh kinh tế khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp đã có tác dụng thúc đẩy tích tụ tập trung tư bản, hiện đại hóa guồng máy sản xuất, giảm nhẹ các cuộc khủng hoảng, bảo đảm được sự phát triển kinh tế với tốc độ cao mà các nhà kinh tế tư sản đã gọi là « phát triển kỳ diệu »...

Lê-Văn-Sang : Sau chiến tranh, ở Nhật-bản, do nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng, trình độ phát triển kinh tế nói chung kém xa những nước tư bản chủ nghĩa phương Tây, đặc biệt là so với Mỹ, nguồn tài nguyên trong nước nghèo nàn, thuộc địa và khu vực ảnh hưởng về kinh tế trước đây đều bị mất, với ý đồ vươn lên thành một cường quốc đế quốc về kinh tế, nhà nước Nhật-bản đã hướng sự điều chỉnh vào việc *bành trướng kinh tế ra nước ngoài trên cơ sở bóc lột triệt để nhân dân lao động trong nước, bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao*. Có ba biện pháp điều chỉnh quan trọng hàng đầu của tư bản lũng đoạn nhà nước Nhật-bản : đối với

hoạt động đầu tư, đối với « cơ cấu hai tầng » và đối với kinh tế đối ngoại...

Cho đến nay, công cụ bành trướng kinh tế ra nước ngoài của Nhật-bản chủ yếu vẫn là sức cạnh tranh của hàng hóa được xây dựng trên cơ sở phối hợp chặt chẽ hai yếu tố: tăng năng suất lao động và kiềm chế tiền lương ở mức tương đối thấp. Điều đó có nghĩa là để mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài, sự điều chỉnh của tư bản lũng đoạn nhà nước Nhật-bản trước hết là phải tập trung lực lượng khai thác mọi nguồn bên trong. Bảo đảm tích lũy cao, đồng thời phân bổ, sử dụng như thế nào có hiệu quả nguồn vốn tích lũy là những yếu tố quyết định việc mở rộng sản xuất bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao, đó là những mục tiêu điều chỉnh quan trọng nhất của nhà nước Nhật-bản trong lĩnh vực đầu tư sau chiến tranh. Tỷ lệ tích lũy ở Nhật-bản suốt thời kỳ sau chiến tranh cao hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác; nhà nước Nhật-bản hạn chế được các khoản chi tiêu ngoài mục đích đầu tư là nhờ nhiều nhân tố: *chỉ tiêu quân sự ở mức thấp nhất* so với các đế quốc khác; *hạn chế gắt gao các khoản chi về bảo hiểm xã hội*; *chính sách thuế*: giảm thuế lợi nhuận, đồng thời tăng cường thuế đánh vào quần chúng lao động; *chính sách khẩu hao nhanh*, một hình thức trợ cấp tài chính che đậy bảo đảm cho các công ty lũng đoạn trốn thuế một cách hợp pháp nhờ giảm số lượng lợi nhuận công bố, tăng cường cái gọi là khả năng « trợ cấp tài chính » của các công ty đó; *chính sách tiền tệ tin dụng* tăng cường sự phụ thuộc của các công ty vào nhà nước với mức độ cao hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác; *tiền tiết kiệm* của nhân dân Nhật-bản là nguồn tài chính cực kỳ quan trọng đối với quá trình mở rộng kinh doanh của tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Đầu năm 1971,

tiền tiết kiệm của nhân dân Nhật-bản chiếm trên 34,1% tổng số tiền có thể huy động vào kinh doanh. Đối tượng thứ hai của việc nhà nước Nhật-bản cần phải điều chỉnh là « cơ cấu hai tầng ». Thu hút mọi khả năng lao động vào guồng máy sản xuất giá trị thặng dư cho chủ nghĩa tư bản Nhật-bản bằng cách duy trì và phát triển khu vực kinh doanh nhỏ, sản xuất thủ công hoặc cơ khí nhỏ lạc hậu, đồng thời tập trung vốn phát triển khu vực sản xuất hiện đại, với quy mô lớn, tạo thành cái gọi là « cơ cấu hai tầng » — một đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Nhật-bản đồng thời là một trong nội dung điều chỉnh của tư bản lũng đoạn Nhật-bản — nhằm vừa triệt để lợi dụng được nguồn lao động « thừa », vừa nâng nhanh năng lực sản xuất của tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Sự điều chỉnh của Nhà nước Nhật-bản đối với « cơ cấu hai tầng » về mặt nào đó có thể coi như nhằm bảo đảm tỷ lệ vốn và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao. Song việc đó còn bao hàm một nội dung xã hội rộng lớn hơn. Nó không chỉ chặt chẽ quá trình thủ tiêu các xí nghiệp nhỏ; sự tồn tại của khu vực kinh doanh nhỏ là điều kiện quan trọng giúp nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản *giải quyết nạn thất nghiệp* một cách « hiệu quả » hơn các nước tư bản chủ nghĩa khác. Chính sách duy trì khu vực sản xuất nhỏ của nhà nước Nhật-bản nhằm hai mục tiêu rõ rệt: một là hạn chế quá trình biến thất nghiệp tiềm tàng thành thất nghiệp thực tế, hai là thu hút những cá nhân bị thải hồi ở các xí nghiệp lớn, nghĩa là biến thất nghiệp thực tế thành thất nghiệp tiềm tàng, tránh những xung đột xã hội do nạn thất nghiệp gây ra. Về thực chất, chính sách này nhằm thu hút lao động « thừa » của xã hội Nhật-bản vào guồng máy sản xuất giá trị thặng dư cho chủ nghĩa tư bản, kìm hãm mức sống chung, tiếp tay cho tư bản lũng đoạn tăng cường

bóc lột lao động tại các xí nghiệp lớn, biến khu vực kinh doanh nhỏ này thành « cái dẽm » rất linh hoạt trong việc điều chỉnh kinh tế có lợi cho tư bản lũng đoạn.

Trong khi duy trì khu vực sản xuất nhỏ với tư cách là một đối tượng bóc lột và là một điều kiện xã hội quan trọng đề tư bản lũng đoạn Nhật-bản thẳng tay bóc lột lao động xã hội, nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản đã dùng mọi biện pháp và phương tiện tài chính vào việc *phát triển khu vực sản xuất lớn, hiện đại*. Nhà nước Nhật-bản trước hết chủ trương thực hiện chính sách khuyến khích quá trình tập trung sản xuất, tạo điều kiện cho các tổ chức lũng đoạn nhanh chóng nâng quy mô sản xuất lên trình độ quốc tế, đồng thời dùng mọi biện pháp hướng các tổ chức lũng đoạn vào việc hiện đại hóa nhanh chóng công nghiệp, đặc biệt là những ngành mũi nhọn trên cơ sở bỏ qua những yêu cầu chính đáng của xã hội, bất chấp mọi yêu cầu cân đối của nền kinh tế.

Biện pháp lớn quan trọng thứ ba của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản là *điều chỉnh kinh tế đối ngoại*. Xét về mặt giảm đi không ngừng chi phí sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thế giới thì những hoạt động điều chỉnh trên của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật đã gắn chặt với mục tiêu bành trướng kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, lĩnh vực kinh tế đối ngoại vẫn là một đối tượng điều chỉnh riêng, và quan trọng của nhà nước tư bản Nhật-bản. Để bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, lũng đoạn trong nước, đặc biệt là quyền lợi của các tổ chức lũng đoạn trong các ngành công nghiệp then chốt, chống lại sự cạnh tranh của tư bản nước ngoài, nhà nước Nhật-bản đã một mặt tạo điều kiện cho các tổ chức lũng đoạn trong nước sáp nhập, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh bành trướng mạnh sang các

nước khác, mặt khác thi hành chính sách thuế quan bảo hộ và các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn phi quan thuế khác đối với sự xâm nhập của tư bản nước ngoài. Các nước phương Tây đã khẳng định Nhật-bản là « nước thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch sớm và dai dẳng nhất ».

Quá trình điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước Nhật-bản đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế Nhật-bản với một tốc độ tương đối cao, tương đối ổn định, với số người thất nghiệp tương đối thấp suốt thời gian dài sau chiến tranh, đã góp phần quan trọng vào việc hình thành « câu chuyện thần kỳ » của Nhật-bản trong những năm qua.

Nguyễn-Đặng-Thành : Nếu xét về mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản thì chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở *Cộng hòa liên bang Đức* có những đặc điểm chủ yếu như sau : quá trình tích tụ và tập trung sản xuất đã làm cho các tổ chức lũng đoạn ở Cộng hòa liên bang Đức có quyền lực và ảnh hưởng lớn. Các công ty lũng đoạn này thuộc về các tập đoàn lũng đoạn lớn trên thế giới, chỉ kém Mỹ, vượt xa Anh, Pháp, Ý về số lượng. Năm 1975, chỉ có 100 xí nghiệp công nghiệp chủ chốt đã đạt giá trị tổng sản phẩm là 474 tỷ mác (trong khi đó tổng sản phẩm quốc dân của Cộng hòa liên bang Đức là 1043 tỷ mác). Công ty Ren-sơ-tan Tít-xen là một trong những tập đoàn tư bản lớn nhất thế giới. Năm tài chính 1975 - 1976, các xí nghiệp thuộc công ty này sản xuất được 10,8 triệu tấn gang, 12,8 triệu tấn thép (bằng 10% sản lượng kim loại của khối Thị trường chung châu Âu), có 140 000 công nhân làm việc trong các xí nghiệp luyện thép của nó. Công ty này còn giữ vai trò chủ chốt trong việc hình thành các-ten luyện thép Tây Âu (gồm có Cộng hòa liên bang Đức, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Hà-

lan). Về tư bản ngân hàng đã hình thành ba trung tâm lớn nhất: ngân hàng Đức (Đôi-se Ben-co), ngân hàng Do-rê-đơ-đơ-me và ngân hàng thương mại (Com-méc-xơ Ben-co), với số vốn mỗi ngân hàng từ 11 tỷ mác trở lên. Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản ở Cộng hòa liên bang Đức có những đặc trưng như sau: sự tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản của các tổ chức lũng đoạn nhà nước tăng nhanh; trước đây tích tụ và tập trung tư bản được tiến hành dưới hình thức hỗn hợp; quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản diễn ra nhanh trong các tổ hợp công nghiệp — quân sự (ngành sản xuất máy bay, tên lửa, nguyên tử, điện tử, hóa học, năng lượng, gang thép); quá trình này có sự tham dự ngày càng nhiều của tư bản lũng đoạn nhà nước bên ngoài như: Mỹ và Nhật-bản. Tư bản nước ngoài đầu tư vào Cộng hòa liên bang Đức một số tiền là 45 tỷ mác (trong đó Mỹ chiếm 20 tỷ mác, bằng 40% tổng số tư bản đầu tư của nước ngoài).

Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là các tổ chức lũng đoạn. Nhưng khác với trước đây, cơ sở kinh tế đó không phải là các tổ chức lũng đoạn công nghiệp đơn thuần, mà là các tổ hợp công nghiệp — quân sự. Có thể nói rằng các tổ hợp này là hạt nhân của hệ thống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở Cộng hòa liên bang Đức. Các liên minh lũng đoạn như Hội liên hiệp các nhà công nghiệp Đức (BID), liên hiệp 38 công ty lũng đoạn công nghiệp, 13 đại diện chủ ruộng đất (gồm 397 tổ hợp công nghiệp theo ngành và 109 tổ hợp công nghiệp theo lãnh thổ); Hội liên hiệp các chủ xí nghiệp (BDA) gồm 948 chủ các công ty lũng đoạn công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, nắm 90% công nhân làm thuê trong các xí nghiệp và Hội liên hiệp các phòng công nghiệp, thương nghiệp (DNKT) và Hội liên

hiệp các ngân hàng tư nhân (BDB) — các liên minh lũng đoạn này giữ một vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối của nhà nước theo hướng phục vụ quyền lợi của các tổ chức lũng đoạn.

Cơ chế tác động đến đường lối chính sách của chính phủ, dựa vào ba hình thức như: hệ thống «đặt hàng» và dự thảo đường lối chính sách, các «bị vong lục»; các cuộc hội đàm giữa liên minh lũng đoạn với các bộ; và liên hệ cá nhân giữa những người đại diện liên minh lũng đoạn với nhà nước.

Sự phát triển của các tổ chức lũng đoạn về khách quan dẫn đến hình thành các nhóm lũng đoạn tài chính. Tất cả các công ty lũng đoạn ở Cộng hòa liên bang Đức đều nằm trong quỹ đạo của các nhóm lũng đoạn tài chính. Tư bản lũng đoạn tài chính ở đây được hình thành theo các trung tâm ngân hàng hay công nghiệp và theo vùng. Hai trung tâm tư bản lũng đoạn tài chính đã xuất hiện là: ngân hàng ketch sử và các tổ hợp công nghiệp quân sự. Sở hữu nhà nước ở Cộng hòa liên bang Đức được hình thành theo con đường không phải quốc hữu hóa như các nước Anh, Pháp, Mỹ mà nhà nước đầu tư để xây dựng các cơ sở kinh tế như giao thông vận tải, bưu điện, năng lượng, v.v.

Những biện pháp của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Cộng hòa liên bang Đức trên thực tế có tác dụng kích thích nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, có thể tạm thời hòa hoãn được những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Trong thời kỳ 1950 — 1960 bình quân tốc độ phát triển kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức mỗi năm là 7%, chỉ đứng sau tốc độ phát triển kinh tế của Nhật-bản (10%). Thời kỳ từ năm 1960 đến nay, tốc độ phát triển kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức giảm sút. Sự điều chỉnh của nhà nước đối với kinh tế chủ yếu dựa vào hai biện pháp: nhà nước bù lỗ 20%, nhà

nước đầu tư vào xây dựng ngành giao thông, bưu điện, năng lượng..., phát triển kinh tế theo chiều sâu, tập trung vào những ngành phức tạp hơn về kỹ thuật, đẩy những ngành sản xuất hao phí nhiều lao động sống ra nước ngoài, từ đây mạnh xuất khẩu hàng hóa đi đến đẩy mạnh xuất khẩu tư bản. Cộng hòa liên bang Đức là nước đứng đầu các nước Tây Âu về tiềm lực công nghiệp, đồng thời là nước duy nhất có cán cân thương mại thường xuyên xuất siêu.

Phan-Quang-Tuệ: Khác với các nước đế quốc chủ nghĩa Tây Âu, nước Ý bước vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa chậm hơn nhiều. Chỉ sau cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1860 giai cấp đại tư sản công nghiệp và tài chính Ý mới hình thành như một lực lượng xã hội tương đối độc lập để bước lên vũ đài thế giới. Sau nhiều thế kỷ nước Ý bị chia rẽ và phân tán, cuộc cách mạng 1860 đã thống nhất được nước Ý và thành lập nhà nước tư sản Ý. Tuy giai cấp tư sản đã nắm được chính quyền nhưng vì cuộc cách mạng dân chủ tư sản này không được tiến hành triệt để, bọn quý tộc ở nông thôn chưa bị đánh gục hoàn toàn vẫn giữ được vị trí khá vững chắc trong nền kinh tế Ý, nhất là ở miền Nam nước Ý, do đó, trong nhiều năm về sau nước Ý vẫn là một nước nửa phong kiến, sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bị kìm hãm nhiều, mức tích lũy tư bản vẫn thấp. Giai cấp tư sản Ý chưa thâm nhập được vào các khu vực nông thôn, chưa đánh đổ được uy tín của giai cấp địa chủ và tất nhiên không thể lôi cuốn được giai cấp nông dân vào quỹ đạo của mình. Thị trường trong nước tuy đã hình thành nhưng còn quá chật hẹp, nguồn nguyên liệu trong nước vốn nghèo nàn, tình trạng đó không thể đáp ứng được nhu cầu phát triển của giai cấp tư sản Ý lúc bấy giờ.

Để giải quyết mâu thuẫn nói trên, giai cấp tư sản Ý ngay từ buổi ban đầu đó đã phải tìm cách bành trướng thế lực ra ngoài, đánh chiếm thuộc địa, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, cướp bóc nguyên liệu để thay thế cho thị trường trong nước. Dó đó vào đầu thế kỷ XX, các tổ chức tư bản lũng đoạn Ý bắt đầu xuất hiện. Vừa mới ra đời, các tổ chức này đã nuôi nhiều tham vọng, ra sức chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, với hy vọng ngoi lên hàng đầu trong các tập đoàn tư bản lũng đoạn của thế giới tư bản chủ nghĩa lúc đó. Chính trong điều kiện ấy, chủ nghĩa tư bản Ý khi chuyển thành chủ nghĩa đế quốc đã bộc lộ rõ rệt tính chất xâm lược và phản động trong chính sách đối ngoại của nó, chủ nghĩa phát-xít Ý từ đầu những năm 20 có thể phát triển mạnh, giai cấp tư sản phản động đã nắm lấy chính quyền, lập ra nền chuyên chính phát-xít, biến bộ máy nhà nước thành một bộ máy chuyên chế, tàn bạo như thời trung cổ.

Do đặc điểm lịch sử nói trên, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý có một đặc trưng khác là: sự dung hợp giữa lực lượng của các tổ chức lũng đoạn với quyền lực của nhà nước tư sản ở Ý phát triển sớm hơn và với một quy mô rộng lớn hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa khác. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước như vậy là kết quả của sự suy yếu của các tổ chức lũng đoạn Ý chứ không phải là sự lớn mạnh của chúng.

Nhà nước Ý phát triển sớm hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa khác cho nên vai trò của nhà nước Ý cũng sớm thay đổi, sự can thiệp của nhà nước Ý vào đời sống kinh tế ở Ý cũng sớm hơn và có nhiều đặc điểm khác với các nước tư bản chủ nghĩa khác. Một là, sau khi bọn phát-xít lên nắm chính quyền ở Ý, nhà nước Ý ráo riết chuẩn bị cho cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, đẩy mạnh quân sự hóa nền kinh tế Ý. Ngay từ hồi đó, nhà

nước Ý đã biết sử dụng một đòn bẩy quan trọng và có hiệu lực là sở hữu nhà nước. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế lớn trên thế giới những năm 1929 - 1933, hình thức sở hữu nhà nước ở Ý đã đạt tới quy mô rất lớn; sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa phát xít bị đập tan, nhưng sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế vẫn được duy trì và tăng cường. Chính sách kinh tế của Đảng dân chủ thiên chúa giáo suốt trong thời kỳ dài cầm quyền từ sau chiến tranh đến nay là *ra sức phát triển các ngành công nghiệp do nhà nước quản lý*, coi đó là công cụ có hiệu lực nhất để củng cố địa vị chính trị của mình. Do đó *một đặc điểm của nền kinh tế Ý là vai trò và tỷ trọng của các xí nghiệp nhà nước (holding d'Etat) không ngừng tăng lên trong nền kinh tế quốc dân*. Các xí nghiệp này là một động lực phát triển công nghiệp Ý trong những năm 50. Hai xí nghiệp nhà nước quan trọng nhất và kiểm soát hầu như toàn bộ nền công nghiệp Ý là Liên hiệp IRI (Viện phục hồi công nghiệp) và Liên hiệp ENI (Liên hiệp về hơi đốt và dầu mỏ). Liên hiệp IRI, một công ty công nghiệp khổng lồ do nhà nước quản lý, nắm quyền kiểm soát nhiều công ty công nghiệp và tài chính. Hiện nay IRI kiểm soát 95% sản xuất gang, 80% sản xuất thép, kim loại khác, 90% năng lực đóng tàu, kiểm soát gần như toàn bộ 3 ngành vận tải hàng không, điện thoại và giao thông của nước Ý. Liên hiệp ENI là một công ty công nghiệp của Nhà nước Ý kiểm soát toàn bộ các hoạt động về thăm dò, khai thác và chế biến dầu, hơi đốt và các sản phẩm dầu mỏ. ENI kiểm soát 75% sản lượng, hơi đốt thiên nhiên, 100% sản xuất cao su nhân tạo, 30% chế biến dầu và 25% mạng lưới phân phối dầu, hơi đốt và sản phẩm dầu của nước Ý. Chức năng chủ yếu của các xí nghiệp nhà nước trong nền kinh tế Ý là góp phần hỗ trợ, thúc đẩy cho các ngành kinh tế phát

triển và tiến hành những biện pháp để tổ chức lại cơ cấu của các ngành công nghiệp. *Một đặc điểm khác trong sự can thiệp của nhà nước tư bản Ý là việc quốc hữu hóa hệ thống tín dụng đạt mức độ cao so với các nước tư bản chủ nghĩa khác*. Hiện nay trong cơ quan tín dụng ngắn hạn nhà nước đã nắm trên 65% tổng số tiền gửi và 70% tổng số tiền cho vay. Trong lĩnh vực tín dụng thời hạn trung bình và dài hạn, nhà nước nắm số tiền còn cao hơn. Việc nhà nước Ý nắm độc quyền về tín dụng thông qua "đạo luật ngân hàng" đã góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý.

Nguyễn-Văn-Thọ : Quá trình chuyển từ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ở Anh chia làm hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ 1930 đến 1950, giai đoạn thứ hai từ 1950 trở lại đây.

Từ năm 1930 đến năm 1950, nền kinh tế Anh bị phá hoại nghiêm trọng trong cuộc khủng hoảng kinh tế lớn của thế giới tư bản chủ nghĩa những năm 1929 - 1933 và trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Vị trí của Anh trên vũ đài thế giới bị giảm sút mạnh. Để đối phó với tình hình khó khăn đó, nhà nước tư bản Anh đã tăng cường các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế và chính trị, chủ yếu là rào riết bòn rút thuộc địa và bóc lột giai cấp công nhân Anh, phục vụ cho quyền lợi của các tập đoàn tư bản lũng đoạn.

Anh có 33,5 triệu km² với 393,5 triệu dân ở các thuộc địa của mình, và đã tập trung ở đây 53% tổng số vốn đầu tư ở nước ngoài, mỗi năm thu về trên một tỷ đô-la lợi nhuận. Anh còn thi hành chế độ siêu bảo hộ mậu dịch và năm 1939 thành lập khu vực đồng bằng Anh, xây dựng tổng kho đô-la, áp dụng các biện pháp quản chế ngoại hối đối với các nước thuộc địa, ngăn chặn đến mức tối thiểu hàng

hóa của các nước tư bản chủ nghĩa khác; mặt khác, Anh tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thi hành chính sách bản cứng hóa quảng đại quần chúng lao động Anh. Mức sống của nhân dân Anh bị giảm hẳn xuống. Bằng những biện pháp đó, Anh đã khôi phục kinh tế sau khủng hoảng cũng như sau chiến tranh một cách tương đối nhanh so với các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Từ năm 1950 đến nay kinh tế Anh lại càng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng: sau cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ đã nở ra (1951 — 1952, sản xuất công nghiệp giảm 23,6%, 1957 — 1958 giảm 3,6%, 1961 — 1962 giảm 5,1%, 1966 giảm 5,8%, 1971 — 1972 giảm 10,9%, 1973 — 1975 giảm 11,8%...), đồng bằng Anh bị suy yếu, và luôn luôn bị khủng hoảng, hệ thống thuộc địa bị tan rã, thị trường xuất khẩu bị co hẹp, tốc độ phát triển kinh tế rất chậm chạp, v.v. Đứng trước tình hình đó nhà nước tư bản lũng đoạn Anh càng ráo riết tăng cường các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế và chính trị, xã hội. Những biện pháp này có những đặc điểm chủ yếu sau đây: quốc hữu hóa một số ngành kinh tế then chốt, nhà nước trực tiếp nắm hoàn toàn hoặc một bộ phận lớn cổ phiếu của các xí nghiệp; tăng chi ngân sách, thi hành chính sách lạm phát vừa phải, chạy đua vũ trang, kích thích đầu tư, kích thích sản xuất. Tỷ trọng chi phí của nhà nước trong tổng giá trị sản xuất trong nước tăng 37% năm 1950 lên 46% trong những năm 1971 — 1976; dựa vào Mỹ và chạy theo chính sách phản động của đế quốc Mỹ. Mặc dù Anh bị Mỹ giành mất nhiều thị trường và vị trí trên thế giới, Anh vẫn phải dựa vào Mỹ, lợi dụng lực lượng tài chính, kỹ thuật và quân sự của Mỹ để chống đỡ những khó khăn trong nước. Anh là

nước tư bản chủ nghĩa nhận viện trợ nhiều nhất của Mỹ. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay Anh đã nhận của Mỹ gần 10 tỷ đô la viện trợ. Anh đã mở cửa cho tư bản Mỹ đầu tư ào ạt vào các ngành kinh tế Anh. Vốn đầu tư của Mỹ chiếm 62% tổng số vốn đầu tư của tư bản nước ngoài vào Anh. Anh còn dựa vào tin dụng của Mỹ để bảo vệ đồng bằng Anh trong các cuộc khủng hoảng của đồng tiền này, dựa vào lực lượng quân sự bên ngoài của Mỹ để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và duy trì đặc quyền đặc lợi của Anh ở các thuộc địa cũ, đặc biệt là khu vực đông kênh Xuy-ê. Hệ thống thuộc địa của Anh ngày càng tan rã lại bị Mỹ tranh cướp dần, năng suất lao động của Anh tăng chậm khiến cho khả năng cạnh tranh của Anh ngày càng sút kém, thị trường xuất khẩu của Anh ngày càng khó khăn. Để giải quyết những khó khăn đó, Anh phải dựa vào Tây Âu, hai lần (1961 và 1967), xin gia nhập Thị trường chung châu Âu, lần thứ hai, Anh mới được chấp thuận. Ngoài ra Anh đã phải áp dụng các biện pháp điều chỉnh cán cân mậu dịch để bảo vệ đồng bằng Anh.

Cùng với việc củng cố thị trường xuất khẩu hàng hóa, Anh đã tăng cường xuất khẩu tư bản. Trên cơ sở tích tụ và tập trung tư bản và sản xuất nhanh chóng dưới những hình thức liên hiệp hóa theo ngành và liên hiệp hóa nhiều ngành khác nhau (conglomérat), đồng thời xã hội hóa sản xuất, đã hình thành nhiều công ty nhiều nước ở Anh. Đối với giai cấp công nhân, chính phủ Anh thi hành chính sách hạn chế tăng lương, ký kết với Công đoàn cái gọi là « hợp đồng xã hội », tự nguyện hoặc bắt buộc hạn chế đòi hỏi tăng lương, hạn chế bãi công đòi hỏi cải thiện đời sống, v.v.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VỚI NHỮNG HẬU QUẢ NGÀY Càng NGHIÊM TRỌNG CỦA NÓ TRÊN CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Nguyễn-Hữu-Chính : Thời kỳ Mỹ vượt các nước đế quốc khác và dẫn đầu họ, thật ra không phải quá lâu, chỉ mới hơn một nửa thế kỷ. Nhiều nhà kinh tế học phương Tây cho rằng, sự suy yếu của Mỹ cũng thật khá nhanh chóng. Sự suy yếu này gắn liền với thất bại nặng nề của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Tỷ trọng của Mỹ trong sản lượng công nghiệp và xuất khẩu của thế giới tư bản chủ nghĩa không ngừng giảm sút. Tây Đức đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới tư bản chủ nghĩa, đồng thời là nước xuất siêu lớn nhất và có dự trữ tiền tệ lớn nhất. Hiện nay ở Mỹ, hơn ở bất cứ nơi nào khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đang ở trong một cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Nhưng tuy ngày càng suy yếu, sự xâm phạm của nó đối với chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở các nước khác vẫn rất lớn. Hoạt động của các công ty nhiều nước do Mỹ khống chế ở nước ngoài vẫn còn là một bí mật lớn.

Bùi-Ngọc-Chương : Ngày nay ở Pháp người ta nói đến khủng hoảng có tính chất cơ cấu, lạm phát có tính chất cơ cấu, thất nghiệp có tính chất cơ cấu và dùng đến các khái niệm như cái vòng luân quần (cercele vicieux), con đường hầm kinh tế (tunnel économique), điều đó cũng có nghĩa rằng bản thân cơ cấu vận động của chủ nghĩa tư bản ngày nay dưới hình thức chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã khủng hoảng, những biện pháp điều chỉnh lũng đoạn nhà nước đã mất tác dụng, thậm chí còn gây phản tác dụng.

Chống khủng hoảng chu kỳ thì diễn ra khủng hoảng trung gian bổ sung, thực hành lạm phát « lạnh mạnh » để kích thích sản xuất phát triển cao thì dẫn đến lạm phát tăng lên không thể nào khống chế được, người Pháp gọi là siêu lạm phát (hyperinflation); đồng thời từ kích thích phát triển dẫn đến tình trạng đình trệ kéo dài và thất nghiệp tăng lên, v.v. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã và đang làm sâu sắc các mâu thuẫn kinh tế của chủ nghĩa tư bản Pháp, từ đó làm sâu sắc mâu thuẫn xã hội.

Vì mọi sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước nhằm mục đích thúc đẩy tích lũy tư bản vào bộn lũng đoạn trên cơ sở phân phối lại thu nhập vốn đã thấp so với nhu cầu tối thiểu hiện tại, cho nên nó làm tăng sự phân cực xã hội và phân hóa giàu nghèo. Quy luật bản cùng hóa tương đối và tuyệt đối người lao động Pháp tiếp tục diễn ra. Ngày nay số người lao động làm thuê tăng lên cùng với số lượng giai cấp vô sản tăng lên.

Ở Pháp, dưới sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, lợi nhuận của thiểu số tư bản lũng đoạn ngày càng tăng do đó gia sản của chúng ngày càng tích lũy được nhiều trong khi đó gia sản của người lao động giảm sút, và cùng với sự tăng lên của mức nhu cầu thiết yếu tối thiểu do điều kiện lao động và sinh hoạt mới đề ra thì sự bản cùng hóa tuyệt đối cũng tồn tại tuy có những dạng vẻ mới — người Pháp gọi là sự khốn cùng hiện đại (misère moderne), — đồng thời với sự bản cùng hóa dưới dạng vẻ cũ — người Pháp gọi là sự khốn cùng ngắn gọn

(misère tout court) hay sự khốn cùng trần truồng (misère nue). Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước lại mới tạo ra một sự khốn cùng nữa được gọi là sự khốn cùng về mặt tinh thần (misère mentale) cho số lớn người lao động Pháp. Sự khốn cùng này đối với đời sống con người cũng gay gắt không kém gì sự khốn cùng về vật chất. Sau đây là một vài con số để chứng minh những điều nói trên: năm 1973, 50 công ty Pháp lớn nhất thực hiện một số lợi nhuận là 36 tỷ 729 triệu pho-răng, nhiều hơn năm 1972 là 30%. Ngay trong hai năm 1974 - 1975 là hai năm khủng hoảng kinh tế nặng nề thì 25 tập đoàn công nghiệp và ngân hàng tài chính Pháp lớn nhất thực hiện được 70 tỷ pho-răng lợi nhuận. Theo báo Pháp Thế giới, hồ sơ và tư liệu Pháp ra tháng 12-1976 thì ở Pháp 20% gia đình có thu nhập cao nhất năm giữ 47% tổng số của cải của tư nhân so với 46% ở Tây Đức, 45% ở Tây-ban-nha, 42% ở Nhật-bản và Mỹ, 39% ở Anh. Còn ở đầu kia của bậc thang xã hội, 20% các gia đình có thu nhập thấp nhất chỉ có 4% ở Pháp, so với 5% ở Mỹ, 6% ở Anh, 6,5% ở Tây Đức tổng số của cải của tư nhân.

Do đó 1/3 số công dân Pháp giàu có chỉ phôi số thu nhập gấp 11,2 lần số thu nhập của 1/5 công dân nghèo. Tỷ lệ đó là 10,7 lần ở Tây-ban-nha, 8,6 lần ở Mỹ, 7,1 lần ở Tây Đức, 6,4 lần ở Anh. Sự bất bình đẳng ở Pháp 3 lần cao hơn so với Hà-lan và 2 lần cao hơn so với Tây Đức... Do lợi nhuận ngày càng nhiều, bọn đại tư bản sống một cuộc sống xa hoa và điên loạn. Nam tước Quy-đơ Rốt-sơ-slin thuộc một trong số 200 gia đình tư sản cổ điển nổi tiếng giàu có nhất nước Pháp có biệt thự trị giá tới 1500 triệu pho-răng cũ (15 triệu pho-răng mới). Trong khi đó thì số lớn người lao động Pháp sống một cuộc sống mà họ gọi là nối tiếp 2 đầu (joindre les deux bouts) có nghĩa là chưa hết tháng tiền đã hết phải vay nợ cho những ngày cuối

tháng và đến đầu tháng lĩnh lương lại trả nợ... Bên cạnh số đông người sống trong tình trạng đó, có một số người thật sự khốn cùng mà người Pháp gọi là những người của « thế giới thứ tư », ý nói nghèo khổ hơn những người của thế giới thứ ba. Những người này cũng được gọi là những người « dưới vô sản » và chiếm tới 10 triệu. Đó là chưa kể hàng triệu người lao động nhập cư bị bóc lột như những người dân thuộc địa ở ngay chính quốc. Trong 15 năm qua, kinh tế Pháp phát triển mạnh, thu nhập quốc dân tăng hai lần trong 10 năm, 20 triệu người có một việc làm đều đặn, thu nhập gia đình bình quân 16 000 pho-răng một năm (tức 1 330 pho-răng một tháng), nhưng theo tính toán của các « Hội cứu trợ công giáo » và Hội « giúp đỡ cho mọi người khốn cùng » thì một gia đình trên 5 không có được số thu nhập đó. Người ta tính có 10 triệu người nghèo ở Pháp, đó là những người mà trong cuốn sách « Thế giới thứ tư » (le quart monde). Giăng Láp-ben-sơ gọi là những người dưới vô sản. Nguồn sống của họ thế nào và họ sống ra sao? Chừng 8 triệu người Pháp thuộc các gia đình mà nguồn sống (ngoài các khoản trợ cấp) dưới 760 pho-răng (tức 9 120 pho-răng một năm). Phần lớn thậm chí chỉ thu được 500 pho-răng. Cuối cùng hàng nghìn người có độc chỉ thu được 400 pho-răng. Nhiều người còn hoàn toàn mù chữ. Một chủ nghĩa định mệnh nào đó chi phối họ và họ tìm cách giải quyết các vấn đề bề bộn của đời họ ở thú nghiện rượu, cờ bạc, nhục dục và bạo lực...

Le-Văn-Sang: Sau khi khôi phục nhanh chóng nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, Nhật-bản tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao. Tốc độ này vượt xa không những tốc độ của Nhật-bản hồi trước chiến tranh mà cả tốc độ của các nước tư bản chủ nghĩa khác. Song sự điều chỉnh của nhà

nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản trong khi chạy theo mục tiêu phát triển kinh tế cao đã đẩy nền kinh tế vào tình trạng *mất cân đối nghiêm trọng*. Trước hết, đó là *sự tập trung sản xuất quá mức và quá nhanh vào một số ít trung tâm công nghiệp*. Điều đó đã đẩy nước Nhật-bản đến tình trạng đối lập sâu sắc giữa trình độ hiện đại, tiên tiến ở khu vực công nghiệp phía đông với tình trạng lạc hậu kém phát triển ở cả các vùng phía bắc, tây và nam Nhật-bản. Từ đó bộc lộ thể sơ hở về quốc phòng, sự mất «an ninh» ở các trung tâm công nghiệp, tình trạng căng thẳng về mọi mặt — do đó khủng hoảng chính trị và xã hội không tránh khỏi nổ ra. Sự *mất cân đối giữa sản xuất công nghiệp và nông nghiệp do chính sách bỏ rơi nông nghiệp*, sự *mất cân đối giữa hai khu vực sản xuất*: khu vực sản xuất nhỏ, lạc hậu và khu vực lớn hiện đại, sự *mất cân đối trong nền tài chính tín dụng*, *mất cân đối giữa cơ cấu hai tầng của sản xuất với bản thân nền sản xuất đó*, những sự *mất cân đối* này ngày càng trở nên nghiêm trọng. Những sự *mất cân đối* đó vừa là nguyên nhân, vừa là hậu quả của sự phát triển «thần kỳ» của nền kinh tế Nhật-bản vừa qua. Đây là những bằng chứng cho chúng ta thấy sự điều chỉnh của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản trong khi làm dịu một biểu hiện nào đó của mâu thuẫn lại gây ra những mâu thuẫn mới hoặc làm cho những mâu thuẫn vốn có gay gắt hơn. *Mâu thuẫn giữa tư bản với quần chúng lao động ngày càng sâu sắc*. Tuy rằng hầu hết các gia đình Nhật-bản ngày nay đều có máy thu thanh, bán dẫn, máy thu hình, tủ ướp lạnh, và một số có ô tô — đó là những thứ mà các nhà báo tư sản thường dùng để ca ngợi cái gọi là «mức sống hiện đại» của người Nhật-bản — nhưng những mặt cơ bản của đời sống như ăn, ở, học hành, điều kiện nghỉ ngơi lúc ốm đau, khi già yếu, v.v. đối với đông

đảo người dân Nhật-bản ngày nay vẫn không nhích hơn mức sống cách đây 20 năm là mấy. Hơn nữa, họ còn phải chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng khác của sự phát triển «thần kỳ» như: môi trường sống bị ô nhiễm và hỗn loạn nghiêm trọng, tai nạn giao thông làm chết và bị thương hàng triệu người mỗi năm, tai nạn lao động chiếm kỷ lục thế giới, giá cả tăng nhanh khủng khiếp, v.v.

Tất cả những nỗi đau khổ nói trên của người lao động Nhật-bản là nguyên nhân chủ yếu khiến bọn tư bản lũng đoạn nhà nước Nhật-bản đã có thể dẫn đầu thế giới về tỷ lệ tích lũy và hiệu quả sử dụng vốn trong gần 30 năm qua, là *nguyên nhân chủ yếu* dẫn đến sự phát triển «thần kỳ» của nền kinh tế Nhật-bản. Tất cả những nỗi đau khổ đó cũng là nguyên nhân chính dẫn đến sự hoài nghi, phản nộ và phản kháng của nhân dân Nhật-bản đối với giới cầm quyền. Phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, đặc biệt là phong trào công nhân, học sinh, sinh viên Nhật-bản ngày càng sôi sục, các tổ chức công đoàn toàn quốc phát triển lực lượng nhanh chóng và đấu tranh ngày càng có hiệu quả; vai trò của Đảng cộng sản Nhật-bản ngày càng lớn. Nhiều tầng lớp khác trong xã hội Nhật-bản cũng bất mãn với chính sách điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một mặt trận chống tư bản lũng đoạn ở Nhật-bản.

Sự phát triển kinh tế với tốc độ cao trên cơ sở bóc lột triệt để quần chúng lao động như ở Nhật-bản tất yếu làm cho năng lực sản xuất tích lũy được ngày càng vượt xa khả năng tiêu thụ của thị trường trong nước. Tư bản lũng đoạn Nhật-bản buộc phải tìm mọi cách bành trướng nhanh chóng ra nước ngoài. Tùy thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài, nhà nước Nhật-bản tác động theo hướng

làm tăng thêm mức độ phụ thuộc đó vì mục đích chạy theo tốc độ phát triển sản xuất cao và lợi nhuận tối đa. Mặc dù công cụ điều chỉnh ngày càng phong phú theo trình độ phát triển của tư bản lũng đoạn nhà nước, nhưng vì sự điều chỉnh đó là do lợi ích của tư bản lũng đoạn nhà nước quy định, cho nên nó không tránh khỏi gây ra sự mất cân đối trong nền kinh tế và cuối cùng làm tăng thêm tính không ổn định của nền kinh tế, đối lập với mục tiêu đã đề ra. Tình hình kinh tế Nhật-bản trong những năm 70 đã nói lên điều đó. Mới thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1971 chưa đầy hai năm, từ tháng 12-73 nền kinh tế Nhật-bản lại lâm vào một cuộc khủng hoảng nặng nề nhất, với nhiều đặc điểm khác hẳn với những cuộc khủng hoảng trước đây vào thời kỳ sau chiến tranh.

Nguyễn-Đang-Thành : Tuy Cộng hòa liên bang Đức là nước đứng thứ hai trong khối Bắc Đại-tây-dương (NATO), nắm 40% tiềm lực kinh tế của các nước Tây Âu, nhưng những năm gần đây nền kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức cũng ngày càng gặp khó khăn. Sản xuất công nghiệp ngày càng không ổn định. Nếu lấy giá cả năm 1970 làm gốc, thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1973 là 743 tỷ (dò-la), 1974 : 745 tỷ, 1975 : 701 tỷ, 1976 : 757 tỷ, nếu so sánh giữa các năm thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 bằng 94,3% năm 1974, và năm 1976 bằng 107,9% năm 1975. Hiện nay sản xuất lại tiếp tục suy thoái.

Chính sách đối nội của nhà nước Cộng hòa liên bang Đức là tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, hạ thấp tiền lương và thủ tiêu những thành quả xã hội do nhân dân lao động đấu tranh giành được, trút tất cả những gánh nặng về kinh tế lên đầu nhân dân lao động để nâng cao lợi nhuận của các tổ chức lũng đoạn

và củng cố trận địa kinh tế chính của chủ nghĩa đế quốc Cộng hòa liên bang Đức trong cuộc cạnh tranh quốc tế.

Các tập đoàn tư bản lũng đoạn nhà nước Cộng hòa liên bang Đức đánh vào đời sống của quần chúng lao động ngày càng quyết liệt : tháng 5-1977 Hội liên hiệp các chủ xí nghiệp thúc ép chính phủ hạ 2% tiền lương, tăng thuế đánh vào, nhân dân lao động. Tỷ lệ thuế trong thu nhập quốc dân đó là : 1936 : 23,8%, 1970 : 29,1%, 1975 : 30,3%. Xí nghiệp đóng cửa và sa thải công nhân ngày càng nhiều. Năm 1976 có 9 400 trường hợp phá sản phải đóng cửa xí nghiệp. Số người thất nghiệp ở Cộng hòa liên bang Đức lên tới 5% tổng số lao động trong nước, trong đó « công nhân khách » (tức là công nhân nước ngoài) và thanh niên bị thất nghiệp nhiều nhất. Tỷ lệ thanh niên bị thất nghiệp là 25 — 35%. Số người thất nghiệp ngày càng tăng : năm 1973 : 274 000 người ; 1974 : 582 000 ; 1975 : 1 079 000 ; 1977 : 1 200 000. Lạm phát và giá sinh hoạt ngày càng tăng là gánh nặng đè lên đầu nhân dân lao động Cộng hòa liên bang Đức. Chỉ số giá cả nếu năm 1970 là 100, đến năm 1973 là 127%, 1974 là 148,1% và năm 1975 là 184,3%.

Phan - Quang - Tuệ : Ngày nay nước Ý được liệt vào loại cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ năm sau Mỹ, Nhật, Cộng hòa liên bang Đức và Pháp, nhưng phương Tây vẫn coi nước Ý là một nước « đầy mâu thuẫn và khó hiểu », một nước Ý « hỗn loạn » cả về hai phương diện kinh tế cũng như chính trị. Nhà văn nổi tiếng Ý, Pac-lô Pa-xô-li-ni, trước khi bị ám sát đã nói : « nước Ý bị phá hủy đúng như năm 1945 ». Sau 30 năm thống trị của Đảng dân chủ Thiên chúa giáo, nền kinh tế Ý có lúc đã phát triển mạnh, những năm 1960 — 1963 đã từng được coi như một « nền kinh tế thần kỳ », tốc độ phát triển kinh tế hàng

năm đạt trên 10%, mức cao nhất ở châu Âu. Nhưng từ cuối những năm 60 lại đây, nền kinh tế Ý bị sa sút liên tục, thường xuyên được coi là « con bệnh của châu Âu ». Năm 1977 tốc độ phát triển kinh tế Ý chỉ tăng 2%. Số người thất nghiệp lên tới 1,8 triệu, nếu kể cả những người thất nghiệp từng phần thì con số đó lên tới 5 triệu, trong đó thanh niên chiếm trên 40%. Nạn lạm phát đạt kỷ lục trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển: 1976 - 22%, 1977 - 17%, v.v. Tình trạng hỗn loạn về chính trị ở Ý còn nghiêm trọng hơn. Một nhà văn Ý đã miêu tả: « nạn khủng bố ở Ý mọc lên khùng khiếp như cỏ dại trên những mảnh đất hoang tàn ». Các nhóm khủng bố ở Ý được các thế lực phản động ngấm ngấm ủng hộ hoành hành dữ dội, liên tiếp chống lại các tổ chức và các nhà lãnh đạo của phong trào công nhân, thậm chí cả các cơ quan Nhà nước, các lãnh tụ các đảng phái chính trị, các lực lượng an ninh, v.v. nhằm lôi kéo nước Ý vào tình trạng hỗn loạn, phiêu lưu, vô cùng nguy hiểm. Vụ bắt cóc và giết chết Mo-rô, một nhân vật có thế lực trong giới chính trị ở Ý, lãnh tụ của Đảng dân chủ thiên chúa giáo, do « lũ đoàn đồ » của bọn phản động tổ chức gần đây đã đánh vào « trái tim của nhà nước Ý » như hăng thông tin Anh Roi-tơ bình luận. Nguyên tổng thống Ý Xara-gát đã phải thốt lên rằng « bên cạnh thi hài của ông Mo-rô là thi hài một nước Ý, một chính thể không còn khả năng tự bảo vệ nữa ».

Nguyễn-Văn-Thọ: Thực tiễn cho thấy những biện pháp, chính sách mà chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Anh dùng để can thiệp vào đời sống kinh tế chứa đựng nhiều mâu thuẫn nội tại, đã không đem lại kết quả như ý muốn mà còn gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng: nền kinh tế Anh ngày càng bị trì trệ. Trong vòng 20 năm từ 1951 đến 1971 bình quân hằng

năm tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 2,6%, sản xuất công nghiệp tăng 2,6% và năng suất lao động tăng 2%, đó là mức thấp nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa, chỉ bằng khoảng 1/2 tốc độ tăng bình quân của các nước này. Trong cuộc khủng hoảng 1973 - 1975 của thế giới tư bản chủ nghĩa, Anh là một nước nổi ra khủng hoảng sớm nhất, kéo dài 21 tháng, sản xuất công nghiệp giảm 11,3%. Từ tháng 9-1975 Anh bắt đầu chuyển sang giai đoạn phục hồi nhưng cho đến nay đã hơn 36 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn còn thấp hơn mức cao nhất trước khủng hoảng 6,9%, như vậy Anh là nước phục hồi kinh tế chậm nhất.

Do tốc độ phát triển kinh tế thấp, vị trí của Anh trong thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng bị giảm sút nhanh chóng. Năm 1880 Mỹ đã đuổi kịp và vượt lên hàng đầu, đẩy Anh xuống vị trí thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Anh đã cố giữ được vị trí đó trong 83 năm (từ năm 1880 đến năm 1963), và đến nay chỉ trong vòng 15 năm Anh đã tụt xuống hàng thứ 5 sau Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật-bản và Pháp. Chính sách chạy đua vũ trang và thâm hụt ngân sách đã dẫn tới nạn lạm phát nghiêm trọng, đặc biệt trong những năm 70 (bình quân mỗi năm tăng 4,6%, 1971 tăng 9,1%; 1977 tăng 15,9%). Nạn lạm phát tăng nhanh trong thời kỳ khủng hoảng đã trở thành chứng bệnh kinh tế mới rất nguy hiểm là lạm phát đi liền với khủng hoảng và trong giai đoạn phục hồi, lạm phát gắn liền với thất nghiệp. Con số thất nghiệp ở Anh đã tăng từ 30 đến 40 vạn trong những năm 60, lên 66,8 vạn năm 1973 và 1,5 triệu năm 1977. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1967, đồng bảng Anh đã bị 10 lần khủng hoảng, (bình quân cứ cách hai năm lại một lần bị khủng hoảng). Sau cuộc phá giá năm 1967, đồng tiền ấy bị khủng hoảng triền miên và suy yếu nghiêm trọng.

Đồng bằng Anh với tư cách là một đồng tiền dự trữ và thanh toán quốc tế đang mất dần vị trí của mình. Trung tâm tài chính Luân-đôn đang bị giảm sút mạnh.

Anh trước đây tự xưng là «đất nước mặt trời không bao giờ lặn», hình ảnh được nặn lên đó giờ đây đã vĩnh viễn lùi về quá khứ! Hệ thống thuộc địa của Anh với 393,5 triệu dân sống trên 33,5 triệu km² đến năm 1967 tan rã chỉ còn 13,7 triệu dân với 1,3 triệu km². Khối liên hiệp Anh ra đời từ năm 1887 với cái tên lúc đó là Hội nghị thực dân địa, đến hội nghị lần thứ 17 (tháng 1-1969) trở thành «có danh nhưng không có thực». Bao nhiêu đặc quyền đặc lợi của Anh không còn như trước nữa. Sự tan rã của hệ thống thuộc địa Anh đã kéo theo sự suy yếu của nền ngoại thương, tiền tệ và kinh tế của Anh.

Từ năm 1950 đến nay, giai cấp công nhân Anh đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ đòi cải thiện đời sống, cải thiện điều kiện lao động. Tiền lương thực tế của công nhân Anh có

được tăng lên nhưng tăng chậm nhất so với các nước tư bản chủ nghĩa khác. Số người thất nghiệp tăng lên mạnh và nghiêm trọng nhất ở Tây Âu, nhưng trợ cấp thất nghiệp ở Anh lại tồi tệ nhất. Mâu thuẫn giai cấp ở Anh rất gay gắt. Nhà nước tư bản lũng đoạn Anh càng tỏ ra phản động, khi họ ký kết với các nhà lãnh đạo công đoàn cái gọi là hợp đồng xã hội nhằm hạn chế tăng lương dưới hình thức tự nguyện hoặc cưỡng bức và hạn chế bãi công đòi cải thiện đời sống. Tuy vậy nhiều cuộc đình công, bãi công của công nhân đòi tăng lương với quy mô ngày càng lớn nổ ra trong các ngành luyện kim, gia công kim loại, ô tô, đóng tàu. Phong trào bãi công này lôi cuốn cả lính chữa cháy, nhà báo, công nhân in, người phục vụ, nhân viên hàng không, ga xe điện và cả viên chức nhà nước tham gia. Trong năm 1977 đã nổ ra 2572 cuộc bãi công so với 2034 cuộc trong năm 1976. Các cuộc bãi công này đã làm thiệt hại tới 8,1 triệu ngày công so với 3,3 triệu ngày công trong năm 1976.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN CHÍN MUỐI CỦA CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁT TRIỂN

Bùi - Ngọc - Chương: Có áp bức bóc lột và có bản cùng thì có đấu tranh. Đấu tranh xã hội ở Pháp trong những năm qua vô cùng gay gắt. Có thể nói không ngày nào không có đình công hay biểu tình ở nơi này, nơi khác, tăng lớp này hay tăng lớp

kia. Biểu hình là các cuộc đình công của tất cả công nhân chọn thư trong ngành bưu điện kéo dài 7 tuần vào cuối năm 1974; cuộc đình công và biểu tình của 20 000 công nhân ngành sách báo kéo về Pa-ri tuần hành trong năm 1975, cuộc bãi khóa của hàng

van sinh viên và học sinh trung học chống dự luật cải cách giáo dục nhằm biến nhà trường thành « nơi đào tạo ra thất nghiệp » của bộ giáo dục và bộ đại học Pháp kéo dài trong nhiều tháng, cuộc đình công chiếm xưởng do 600 công nhân xi nghiệp in báo « Người Pa-ri được giải phóng » tổ chức nổ ra trong 22 tháng và được toàn thể công nhân ngành in nước Pháp tự nguyện bỏ ra 10% tiền lương hằng tháng để ủng hộ, v.v. Nông dân miền Nam nước Pháp liên tục đấu tranh chống chính sách giá cả Thị trường chung làm giảm sút thu nhập của họ, và chống nhập khẩu rượu vang của Ý. Phong trào đấu tranh liên tục và mạnh mẽ lôi cuốn mọi tầng lớp xã hội đòi cải thiện điều kiện làm việc, chống áp đặt sự khắc khổ của chính quyền bằng các chính sách cắt giảm lương đề hạn chế tăng giá, chống đàn áp quyền công đoàn, chống sa thải, đòi việc làm, chống đóng cửa xi nghiệp, di chuyển máy móc thiết bị đi nơi khác hay ra nước ngoài đầu tư, v.v. Đấu tranh kinh tế kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, đấu tranh hợp pháp kết hợp với đấu tranh bất hợp pháp diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi trên đất Pháp.

Tất cả tình hình trên đây của xã hội Pháp dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp chứng minh sự đúng đắn của các nguyên lý và quy luật về sự vận động của chủ nghĩa tư bản nói chung và chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước nói riêng mà Mác và Lê-nin đã vạch ra. Tình hình kinh tế, xã hội nước Pháp trên đây chứng minh nhận định của Lê-nin rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là *sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội*, là *phòng chò đi vào chủ nghĩa xã hội*, đến nay vẫn còn nguyên giá trị của nó. Nói cách khác, trong lòng các xã hội dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước,

những điều kiện khách quan của cách mạng đã chín muồi. Nhưng cách mạng nổ ra và thành công lâu hay mau *tùy thuộc không chỉ vào những điều kiện khách quan đã chín muồi ấy mà còn vào con người, vào lực lượng chủ quan của cách mạng trong đó nhân tố quan trọng là chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo và đường lối chính trị của Đảng đó.*

Nguyễn-Hữu-Chính : Ở nước Mỹ, giai cấp công nhân trong quá trình phát triển của nó cũng mang nhiều đặc điểm rất đáng chú ý. Công đoàn ở đây rất lớn. Hoạt động những công đoàn này có những mặt rất khác so với các công đoàn ở Tây Âu.

Giai cấp tư bản Mỹ đã tiến hành nhiều chiến dịch mê hoặc, ru ngủ công nhân với đủ các loại tư tưởng cải lương và thỏa hiệp giai cấp.

Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã là sự chuẩn bị đầy đủ nhất về vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nhưng chính là các Đảng cộng sản và công nhân *phải nắm lấy trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nhất về tư tưởng và tinh thần cho chủ nghĩa xã hội*. Điều cần nhấn mạnh là sự cần thiết phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự cần thiết phải giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân và thiết lập nền chuyên chính vô sản.

Ngày nay, người ta vẫn có một cảm tưởng mơ hồ rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là chuyện xa vời đối với Mỹ, rằng Mỹ có thể là nước còn lại cuối cùng của thế giới tư bản chủ nghĩa trước khi thế giới này hoàn toàn nhường chỗ cho chủ nghĩa xã hội.

Phan-Quang-Tuệ : Quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý, những đặc điểm của các hình thức can thiệp của nhà nước Ý vào đời sống kinh tế Ý, nhất là khi nhà nước Ý tăng cường mở rộng hình

thức sở hữu nhà nước, tăng cường vị trí và vai trò của các xí nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân Ý, đánh dấu một bước quan trọng trong việc xã hội hóa ngày càng rộng lớn nền sản xuất tư bản chủ nghĩa Ý, tạo ra những điều kiện khách quan thuận lợi cho phong trào cách mạng ở Ý.

Như mọi người đều biết, do thế lực của tư bản lũng đoạn Ý tương đối yếu hơn so với các nhóm tư bản lũng đoạn của các nước phương Tây khác, nhà nước Ý đã ráo riết can thiệp vào nền kinh tế nhằm củng cố quyền lực của chúng, nhưng đồng thời sự can thiệp đó của nhà nước Ý chẳng những đánh mạnh vào giai cấp công nhân và nhân dân lao động Ý mà còn chạm vào quyền tư hữu, quyền quản lý tư nhân của các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, khiến cho những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý trở nên gay gắt thêm, có nguy cơ làm lay chuyển sâu sắc nền móng của chủ nghĩa tư bản Ý, tạo ra những điều kiện khách quan làm cho tình hình đó trở thành « ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội » như Lê-nin đã nói.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ý, phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Ý đòi quyền dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội trong những năm qua phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Nguyễn-Đặng-Thành : Ở Cộng hòa liên bang Đức, những cuộc đấu tranh chống hạ tiền lương và chống sa thải công nhân ngày càng lôi cuốn đông đảo những người lao động tham gia. Số người bãi công năm 1974 là 26 272, năm 1975 lên tới 35 824 và năm 1976 con số đó là 169 812. Nhiều nơi công nhân còn chiếm xưởng của chủ đề chống đóng cửa xí nghiệp và sa thải công nhân.

Dựa vào tiềm lực kinh tế ngày càng lớn mạnh, chủ nghĩa đế quốc

Cộng hòa liên bang Đức thi hành chính sách đối ngoại cực kỳ phản động; chính sách đó được mệnh danh là « chính sách phương đông » nhằm thôn tính nước Cộng hòa dân chủ Đức và bành trướng thế lực ở các nước Tây Âu.

Tổng sản phẩm quốc dân của Cộng hòa liên bang Đức năm 1976 là 1136 tỷ mác, đứng thứ ba trong thế giới tư bản chủ nghĩa, dự trữ vàng của nước này năm 1977 là 87 tỷ mác. Cộng hòa liên bang Đức là một nước duy nhất ở Tây Âu có cán cân thương mại xuất siêu. Nước này đẩy mạnh xuất khẩu tư bản sang các nước Tây Âu và Nam Phi. Dựa vào tiềm lực tài chính mạnh của mình, Cộng hòa liên bang Đức thi hành chính sách tin dụng để mở rộng sự kiểm soát của mình đối với các nước khác. Đi đầu trong việc thực hiện chính sách bành trướng là các công-xôc khổng lồ của Cộng hòa liên bang Đức đã và đang ngày càng xâm nhập vào các nước bằng cách mua cổ phần hoặc đầu tư xây dựng xí nghiệp ở nước ngoài. Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức đang nuôi dưỡng những tổ chức phát-xít và quân phiệt. Có 148 tổ chức phát-xít mới, 14 liên minh quân phiệt và 500 nhóm tương tự hoạt động cho mục tiêu của bọn quân phiệt và phục thù Cộng hòa liên bang Đức. Công nhân và nhân dân lao động ở nước này đã kết hợp đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh với đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước và các tổ chức tay sai của chúng nói trên.

Đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước không thể tách rời đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế vì chủ nghĩa cơ hội – như Lê-nin đã nói – là con chó giữ nhà của chủ nghĩa tư bản. Nếu không chống chủ nghĩa cơ hội thì phong trào cách mạng của giai cấp vô sản

không thể phát triển thuận lợi được.

Ngày nay, ngoài bọn đế quốc dò dè quốc Mỹ cầm đầu ra, kẻ thù nguy hiểm của phong trào cách mạng thế giới là chủ nghĩa cơ hội biểu hiện dưới hình thức là *chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn của thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh*. Tập đoàn phản bội này, với thuyết « ba thế giới », một thuyết cực kỳ phản động, đã từ bỏ quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đứng trên lập trường phản động, coi Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính là kẻ thù, câu kết với các lực lượng đế quốc và phản động như Mỹ cùng khối Bắc Đại-tây-dương (NATO), bè lũ Pi-nô-chê, bọn phản động ở Nam Phi và Da-ia, v.v. chia mũi nhọn dả kích vào các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chống phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc trên thế giới, chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Tập đoàn phản bội này còn đang hướng nền kinh tế quốc dân Trung-quốc đi vào con đường quân sự hóa với mục tiêu là « 4 hiện

đại hóa » nhằm chuẩn bị chiến tranh hòng thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn.

KẺ NÀO THI HÀNH CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 80)

nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa, luôn luôn nêu cao cảnh giác, kiên quyết bảo vệ độc lập và chủ quyền của mình, thì những mưu toan thâm độc và hành động xấu xa của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc không tránh khỏi sẽ thất bại thảm hại!

Cùng với chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn rốt cuộc sẽ bị vứt vào đồng rác của lịch sử. Đó là một xu thế tất yếu, không gì ngăn cản nổi.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 12—1978г.

ПЕРЕДОВАЯ. Совершенствовать организационные структуры, улучшать режим работы для того, чтобы удовлетворить требованиям новой обстановки и новых задач. ТЮ ХЮЙ МАН. Повышать эффективность партийной и политиковоспитательной работы в народных вооруженных силах. ☆☆☆ Новый шаг в развитии кампучийской революции. ВУ КОНГ КАН. Идеал и жизнь современного молодого поколения. КУЭТ ТИЕН. Кто проводит политику экспансии в Юго-Восточной Азии? ХЫОНГ КЫОНГ. Китайские власти намерены использовать хуасяо для осуществления своих гегемонистских планов в Юго-Восточной Азии.

...

共产主义杂志一九七八年第十二期

社 论：必须健全组织、改进工作制度，来适应新形势和任务的要求。朱耀珉：提高人民武装力量的党工作和政治工作的效力。☆☆☆柬埔寨革命的新发展。武公谨：青年一代的理想与生活。决 进：是谁在东南亚推行扩张政策？香 强：中国当局企图利用华侨，在东南亚推行霸权主义。

...

REVIEW OF COMMUNISM N° 12 - 1978

Editorial - Consolidate organization and improve working rules to meet the requirements of the new situation and tasks. *CHU-HUY-MÂN* - Increase the efficiency of Party work and political work among the people's armed forces. ☆☆☆ - New development in the Kampuchean revolution. *VŨ-CÔNG-CĂN* - The ideal and life of the young generation. *QUYẾT-TIẾN* - Who is pursuing an expansionist policy in Southeast Asia? *HƯƠNG-CƯỜNG* - The Chinese authorities are scheming to use overseas Chinese to establish hegemony over Southeast Asia.

...

REVUE DU COMMUNISME N° 12 - 1978

Éditorial - Parfaire l'organisation et perfectionner le régime du travail en vue de répondre aux exigences de la situation et des tâches nouvelles. *CHU-HUY-MÂN* - Élever l'efficacité du travail du Parti et du travail politique dans les forces armées populaires. ☆☆☆ - Nouveau développement de la révolution kampuchéenne. *VŨ-CÔNG-CĂN* - L'idéal et la vie de la jeune génération actuelle. *QUYẾT-TIẾN* - Qui pratique l'expansionnisme au Sud - Est asiatique? *HƯƠNG-CƯỜNG* - Les dirigeants chinois tentent de se servir de leurs ressortissants pour réaliser leur hégémonie dans le Sud - Est asiatique.

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12

1978

NĂM THỨ XXIV (276)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM:**

40, Trần-Cao-Văn, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Cần kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới	1
CHU-HUY-MÃN – Nâng cao hiệu lực công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang nhân dân	10
★★★ – Bước phát triển mới của cách mạng Cam-pu-chia	32
Tuyên bố của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia	37
NGUYỄN-HỮU-THỤ – Nêu diễn hình tốt, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước ở Hà-sơn-binh	45
VŨ-CÔNG-CẦN – Lý tưởng và cuộc sống của thế hệ trẻ ngày nay	51
NGUYỄN-BÍCH – Tồ chức lại sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh và thành phố miền Nam	59
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG – kỷ luật phải nghiêm minh	65
Phê phán tư tưởng tư sản ★ PHONG-HIỀN – Vấn đề con người trong triết học tư sản hiện đại	69
QUYẾT-TIẾN – Kê nào thi hành chính sách bình thường ở Đông-Nam châu Á	76
HƯƠNG-CƯỜNG – Nhà cầm quyền Trung-quốc mưu toan sử dụng Hoa kiều để thực hiện bá quyền ở Đông-Nam châu Á	81
Trao đổi ý kiến về chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước	87

Tìm đọc:

NGUYỄN - DUY - TRINH

Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi, góp phần đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tốt nghĩa vụ quốc tế



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

